

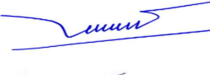
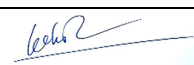
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH

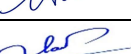


BÁO CÁO GIỮA KỲ
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU
LỊCH THANH HÓA

THANH HÓA, THÁNG 10 NĂM 2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số: 1482/QĐ-ĐVTDT ngày 28 tháng 8 năm 2024
Của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	PGS.TS.Lê Thanh Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	TS.Vũ Văn Tuyền	Chủ tịch HĐT	Phó Chủ tịch HĐ	
3.	PGS.TS.Nguyễn Thị Thục	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTT	
4.	TS.Đồng Hương Lan	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
5.	ThS.Hoàng Bá Khải	TP.Thanh tra	Thành viên	
6.	ThS.Lê Đình Rực	TP.KH-TC	Thành viên	
7.	ThS.Lê Ngọc Hoàn	TP.KT-ĐBCLGD	Thư ký	
8.	TS.Nguyễn Thị Hà	TP.QLĐT	Thành viên	
9.	ThS. Đoàn Tiến Dũng	TP.HCTH	Thành viên	
10.	ThS.Phạm Thị Phụng	TP.TCCB	Thành viên	
11.	TS.Hà Đình Hùng	TP.SĐH	Thành viên	
12.	ThS.Nguyễn Đình Thảo	GD.TT.GDTX-LK	Thành viên	
13.	TS.Mai Anh Vũ	TP.QLKH-HTQT	Thành viên	
14.	ThS.Trịnh Tất Đạt	GD.TT.TTTV	Thành viên	
15.	ThS.Lê Xuân Sơn	TP.CTCT-HSSV	Thành viên	
16.	TS.Nguyễn Thị Thanh Nga	GD.TT.NN-TH	Thành viên	
17.	ThS.Lê Văn Dương	TP.QTCSVC	Thành viên	
18.	ThS.Phùng Thị Thúy Phương	TP.TT&TS	Thành viên	
19.	TS. Hoàng Thị Huệ	TK.NN-TH	Thành viên	
20.	TS.Nguyễn Thị Tinh	TK.Luật-QLNN	Thành viên	
21.	TS.Lê Thị Thảo	TK.VHTT	Thành viên	
22.	TS.Trịnh Ngọc Trung	TK.TDĐT	Thành viên	
23.	TS.Nguyễn Trúc Quỳnh	TK.Du lịch	Thành viên	
24.	TS.Lã Thị Tuyên	TK.GDMN-TH	Thành viên	
25.	ThS.Lê Bá Thành	PGĐ.TT.DV,HTNH&QHDN	Thành viên	

26.	TS.Trần Việt Anh	TK.Mỹ thuật	Thành viên	
27.	ThS.Phạm Hoàng Hiền	TK.Âm nhạc	Thành viên	
28.	TS.Nguyễn Thị Hồng	Chỉ tịch Công đoàn	Thành viên	
29.	ThS.Đỗ Thị Lam	Bí thư ĐTN	Thành viên	

(Danh sách gồm 29 người)

MỤC LỤC

<i>Phần I. THÔNG TIN VỀ NHÀ TRƯỜNG</i>	4
<i>Phần II. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ</i>	10
<i>Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	10
<i>Tiêu chuẩn 2: Quản trị</i>	13
<i>Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý</i>	16
<i>Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược</i>	20
<i>Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng.</i> ..	22
<i>Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực</i>	25
<i>Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	31
<i>Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	43
<i>Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	48
<i>Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong</i>	52
<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	55
<i>Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học</i>	60
<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	68
<i>Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học</i>	70
<i>Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học</i>	73
<i>Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học</i>	75
<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	78
<i>Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học</i>	82
<i>Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	86
<i>Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo</i>	88
<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học</i>	92
<i>Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	100
<i>Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường</i>	102
<i>Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá</i>	108
<i>Phần III. KẾT LUẬN</i>	120
<i>PHỤ LỤC</i>	125

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CBVC-LĐ	Cán bộ Viên chức - Lao động
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐTNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
KĐCLĐT	Kiểm định chất lượng đào tạo
KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
ĐH	Đại học
VH,TT&DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	Giáo dục Thể chất
GV	Giảng viên
HCTH	Hành chính – Tổng hợp
HSSV	Học sinh, sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KH&CN	Khoa học công nghệ
KH-TC	Kế hoạch - Tài chính
KTX	Ký túc xá
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSNN	Ngân sách nhà nước
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QLKH	Quản lý khoa học

QT-VT, TB	Quản trị - Vật tư, Thiết bị
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức – Cán bộ
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TDTT	Thể dục thể thao
TUCST	Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism
ThS	Thạc sĩ
TN	Thanh niên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
THPT	Trung học phổ thông
TS	Tiến sĩ
UBND	Ủy ban nhân dân
VLVH	Vừa làm vừa học

Phần I. THÔNG TIN VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung

Tên Trường: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Viết tắt: DVTTDT

Tên tiếng Anh: Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism;

Viết tắt: TUCST

Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 561, Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa

Điện thoại: 02373 95 33 88; Fax: 02373 95 33 88

Website: <https://www.tucst.edu.vn>; Email: dhvhttdlth@dvttdt.edu.vn

2. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục: 2022 – 2027

Thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận KĐCLGD: 15/4/2022

Thời gian thực hiện tự đánh giá giữa kỳ KĐCLGD: 7/2024-10/2024

3. Cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ, người học, chương trình đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học¹

3.1. Về đội ngũ

3.1.1. Đội ngũ cán bộ chủ chốt (TCCB)

Danh sách cán bộ chủ chốt của Trường (tính đến ngày 01/8/2024):

Thông tin Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Hội đồng trường					
Chủ tịch	Vũ Văn Tuyền	1987	Tiến sĩ	0973090753	vuvantuyen@dvttdt.edu.vn
2. Ban Giám hiệu					
Hiệu trưởng	Lê Thanh Hà	1977	PGS.TS	0915201177	lethanhha@dvttdt.edu.vn
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thục	1976	PGS.TS	0948099389	nguyenthithuc@dvttdt.edu.vn
Phó Hiệu trưởng	Đông Hương Lan	1977	Tiến sĩ	0912766519	donghuonglan@dvttdt.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, ...					
3.1. Đảng ủy					
Bí thư	Lê Thanh Hà	1977	PGS.TS	0915201177	lethanhha@dvttdt.edu.vn

¹ Số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo

Phó Bí thư	Vũ Văn Tuyền	1987	Tiến sĩ	0973090753	vuvantuyen@dvttdt.edu.vn
3.2. Công đoàn					
Chủ tịch	Nguyễn Thị Hồng	1979	Tiến sĩ	0983396646	nguyenthihong.mnnon@dvttdt.edu.vn
Phó Chủ tịch	Lê Bá Thành	1979	Thạc sĩ	0969325979	lebathanh@dvttdt.edu.vn
3.3. Đoàn thanh niên					
Bí thư	Đỗ Thị Lam	1991	Thạc sĩ	0919026789	dothilam@dvttdt.edu.vn
Phó Bí thư	Nguyễn Thị Thủy	1988	Cử nhân	0943952932	nguyenthithuy88@dvttdt.edu.vn
3.4. Hội sinh viên					
Chủ tịch	Mai Anh Vũ	1991	Tiến sĩ	0972843456	maianhvudvttdt.edu.vn
Phó Chủ tịch	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1993	Thạc sĩ	0946882309	nguyenthingocanh@dvttdt.edu.vn
4. Các phòng chức năng					
Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Lê Đình Rực	1983	Thạc sĩ	0985898412	ledinhruc@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp	Đoàn Tiến Dũng	1963	Thạc sĩ	0888856777	Doantiendung@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Nguyễn Thị Hà	1985	Tiến sĩ	0945755328	nguyenthiha@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	Phạm Thị Phương	1978	Thạc sĩ	0982085278	Phamthiphuong@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Đào tạo sau đại học	Hà Đình Hùng	1982	Tiến sĩ	0912501982	hadinhhung@dvttdt.edu.vn
PTP.PTP Quản lý khoa học-Hợp tác quốc tế	Mai Anh Vũ	1991	Tiến sĩ	0972843456	maianhvudvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên	Lê Xuân Sơn	1981	Thạc sĩ	0911688181	lexuanson@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Lê Ngọc Hoàn	1982	Thạc sĩ	0916164468	lengochuan@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Thanh tra	Hoàng Bá Khải	1967	Thạc sĩ	0983759332	hoangbakhai@dvttdt.edu.vn
Trưởng phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Lê Văn Dương	1980	Thạc sĩ	0986792191	levanduong@dvttdt.edu.vn

Trưởng phòng Truyền thông và tuyển sinh	Phùng Thị Thúy Phương	1984	Thạc sĩ	0946091740	phungthithuyphuong@dvttdt.edu.vn
5. Các trung tâm, trạm, nhà xuất bản					
Giám đốc Trung tâm Thông tin thư viện	Trịnh Tất Đạt	1982	Thạc sĩ	0915626312	trinhthatdat@dvttdt.edu.vn
Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Liên kết	Nguyễn Đình Thảo	1979	Thạc sĩ	0988087457	Nguyendinhthao@dvttdt.edu.vn
Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Nguyễn Thị Thanh Nga	1987	Tiến sĩ	0985180587	nguyenthithanhnga@dvttdt.edu.vn
Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ người học và Quan hệ doanh nghiệp	Lê Bá Thành	1979	Thạc sĩ	0969325979	lebathanh@dvttdt.edu.vn
6. Các khoa đào tạo, bộ môn, trường trực thuộc					
Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa Âm nhạc	Phạm Thị Hoàng Hiền	1971	Thạc sĩ	0912395364	Phamhoanghien@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Mỹ thuật	Trần Việt Anh	1972	Tiến sĩ	0904240125	tranvietanh@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Văn hóa Thông tin	Lê Thị Thảo	1983	Tiến sĩ	0933868919	lethithao@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Du lịch	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	1980	Tiến sĩ	0918458589	Nguyentruacquynh@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Giáo dục Mầm non và Tiểu học	Lã Thị Tuyên	1979	Tiến sĩ	0919604989	lathituyen@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Luật và Quản lý nhà nước	Nguyễn Thị Tinh	1985	Tiến sĩ	0936861115	Nguyenthitinh@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung	1980	Tiến sĩ	0963125348	Trinhngoctrung@dvttdt.edu.vn
Trưởng khoa Ngoại ngữ- Tin học	Hoàng Thị Huệ	1980	Tiến sĩ	0914463007	Hoangthihue@dvttdt.edu.vn

3.1.2. Phân loại CB, GV và NV (TCCB, QLĐT)

a. Theo diện cơ hữu/thỉnh giảng²

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	110	155	265
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	51	94	145
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	59	61	120
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	03	05	08
	Tổng cộng	113	160	273

b. Theo trình độ

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	03	02	0	0	05
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	02	34	25	0	0	61
5	Thạc sĩ	69	59	35	0	0	163
6	Đại học	0	02	0	0	0	02
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	71	98	62	0	0	231

² Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành

3.2. Về người học (QLĐT, HSSV, SDH)

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Số liệu thống kê về người học trong 3 năm học gần đây.

Đối tượng	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng số
1. Nghiên cứu sinh	0	6	9	9
2. Học viên cao học	124	130	128	192
3. Sinh viên đại học Trong đó:				
Hệ chính quy	888	1231	1225	3344
Hệ không chính quy	552	726	927	2.205
4. Sinh viên cao đẳng (nếu có) Trong đó:				
Hệ chính quy	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN (nếu có) Trong đó:				
Hệ chính quy	9	28	33	70
Hệ không chính quy	0	0	0	0
6. Khác...				
Tổng số	1573	2121	2322	6016

3.3. Về chương trình đào tạo (QLĐT, SDH, Khoa)

TT	Chuyên ngành đào tạo	Ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Số lượng người học hiện tại
I.	Trình độ đại học			
1.1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy +VHVL	1480
1.2	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Chính quy	20
1.3	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất	Chính quy	21
1.4	Sư phạm Âm nhạc	Sư phạm Âm nhạc	Chính quy +VHVL	392
1.5	Sư phạm Mỹ thuật	Sư phạm Mỹ thuật	Chính quy +VHVL	326
1.6	Đồ hoạ	Đồ hoạ	Chính quy	26
1.7	Thanh nhạc	Thanh nhạc	Chính quy	62
1.8	Thiết kế thời trang	Thiết kế thời trang	Chính quy	21
1.9	Luật	Luật	Chính quy +VHVL	304
1.10	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính quy +VHVL	640
1.11	Quản lý văn hoá	Quản lý văn hoá	Chính quy +VHVL	115

1.12	Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	Chính quy	78
1.13	Công nghệ truyền thông	Công nghệ truyền thông	Chính quy	11
1.14	Thông tin - thư viện	Thông tin - thư viện	Chính quy +VHVL	938
1.15	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Chính quy	60
1.16	Du lịch	Du lịch	Chính quy	39
1.17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chính quy	71
1.18	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Chính quy	125
1.19	Quản lý thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao	Chính quy	114
II.	Trình độ Thạc sĩ			
2.1	Quản lý công	Quản lý công	Chính quy	48
2.2	Quản lý văn hoá	Quản lý văn hoá	Chính quy	78
2.3	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	0
III.	Trình độ Tiến sĩ			
3.1	Quản lý văn hoá	Quản lý văn hoá	Chính quy	9
IV.	Trình độ khác			
4.1.	Trung cấp Thanh nhạc	Trung cấp Thanh nhạc	Chính quy	41
4.2	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	Chính quy	11
4.3	Trung cấp Hội họa	Trung cấp Hội họa	Chính quy	25
	Tổng số			5055

3.4. Kết quả nghiên cứu khoa học (QLKH-HTQT)

(Tính trong 3 năm gần nhất)

Năm	SL bài báo trong nước	SL bài báo quốc tế	SL sách, giáo trình đã xuất bản	SL đề tài KHCN cấp Cơ sở	SL đề tài KHCN cấp Tỉnh, Bộ	SL đề tài KHCN cấp Nhà nước
2021-2022	71	20	5	15	2	0
2022-2023	82	14	3	19	3	0
2023-2024	88	10	10 Trong đó: 5 GT đang triển khai	32 Trong đó: 16 đang triển khai	13 Trong đó: 5 đang triển khai, 4 đề tài thẩm định kinh phí ký hợp đồng, 4 đề tài thẩm định thuyết minh	0
Tổng	241	44	18	66	18	0

Phần II. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường nên tiếp tục rà soát, điều chỉnh phát biểu tầm nhìn sao cho thể hiện được rõ sự đáp ứng trong bối cảnh phát triển KT-XH cũng như những đổi mới giáo dục đại học tiếp cận CMCN 4.0.

Nhà trường cần gắn kết chặt chẽ các tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn với các văn bản quản lý nhằm định hướng các hoạt động vào việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường đã tuyên bố. Ví dụ: nếu Tuyên bố tầm nhìn của Nhà trường đã khẳng định NT nằm trong top đầu của cả nước thì việc đối sánh (benchmarking) để lựa chọn thực hành tốt nhất (best practice) trong các mảng công tác ĐT, NCKH và PVCĐ phải là một trong những giải pháp được đề cập đến trong kế hoạch chiến lược cũng như các kế hoạch ngắn và dài hạn của Nhà trường.

Nhà trường nên tiếp tục huy động đông đảo CBGV và NV toàn trường và các thể chế để rà soát bổ sung hoặc điều chỉnh tuyên bố giá trị cốt lõi phản ánh được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển. Có các hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong CSGD xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và thúc đẩy giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của NT bao gồm việc: i) phổ biến và nâng cao nhận thức về GTVH, ii) xây dựng (tuyển dụng, bổ nhiệm) đội ngũ dựa trên các GTVH, iii) tổ chức các hoạt động của NT dựa trên các GTVH và iv) khen thưởng các đơn vị cá nhân có hành vi, hoạt động phù hợp với GTVH.

Nhà trường cần đổi mới phương pháp phổ biến, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa, gắn kết chặt chẽ nội dung tuyên bố với các giải pháp, các chủ trương chính sách được lựa chọn trong các hoạt động của Nhà trường về ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường nên điều chỉnh phương thức khảo sát để có thể huy động được đông đảo các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng, điều chỉnh tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường. Bên cạnh đó, cũng rất cần coi trọng ý kiến chuyên gia, đặc biệt là ý kiến của các CBGVNV đã từng công tác và công tác lâu năm tại trường trong việc xây dựng các giá trị cốt lõi cũng như thể hiện các ý tưởng của sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường.

Nhà trường cần cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường trước khi tiếp tục thực hiện các hướng khắc phục đã được đề xuất tại các Tiêu chí 1.4, 1.3 và 1.2. Đặc biệt lưu ý quy trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng lấy ý tưởng từ hệ thống quản trị của Nhà trường (top down) làm cốt lõi khác với xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa lấy sự tiếp nhận và hành động của CBGV và NV (bottom up) làm nền tảng.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đào tạo thực hiện NQ29 cũng như những biến đổi nhanh chóng KT-XH trong cuộc cách mạng CN 4.0, NT cần có các điều chỉnh TNSM và GTCL cho phù hợp

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh hóa đã tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, khẩu hiệu - triết lý giáo dục tại Quyết định số 702/QĐ-ĐVTDT ngày 19/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH VH, TT&DL TH. Sau khi thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn cho phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH cũng như những đổi mới giáo dục đại học tiếp cận CMCN 4.0; Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 20/11/2023 **[GK1.1.1]** tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Nhà trường luôn gắn kết chặt chẽ các tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn với việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quản lý nhằm định hướng các hoạt động vào việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn đã tuyên bố, như: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chiến lược phát triển Trường; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Quy chế tài chính; Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Quy chế đào tạo, ... Kế hoạch năm học, Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục từng năm học; Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên đầu mỗi năm học... **[GK1.1.2]**.

Nhà trường đã ban hành kế hoạch phổ biến và thực hiện “Sứ mạng - Tầm nhìn - Mục tiêu - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục” Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa”, theo đó, phân công rõ nhiệm vụ cho từng đơn vị trong tổ chức các hoạt động nhằm giữ gìn và thúc đẩy giá trị cốt lõi của Nhà trường, bao gồm việc: Phổ biến nội dung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; xây dựng và phát triển đội ngũ dựa trên các giá trị văn hóa của Nhà trường, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị và chuyên môn theo quy định của Bộ GD&ĐT; tổ chức và quản lý Nhà trường dựa trên các giá trị văn hóa đã tuyên bố [GK1.2.1]. Ngoài ra, trước mỗi đầu năm học, Nhà trường đều ra thông báo kèm hướng dẫn các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch đầu năm học sao cho gắn kết chặt chẽ giữa các nhiệm vụ của từng đơn vị với mục tiêu chung hướng tới thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và phát huy giá trị cốt lõi của Nhà trường [GK1.2.2].

Để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động, người học và nhân dân (xã hội) về “sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa”, Nhà trường đã thực hiện nhiều phương pháp, hình thức phổ biến, quán triệt, như: Phổ biến văn bản tuyên bố chính thức tới toàn thể viên chức, LDHĐ, HSSV, học viên,... thông qua việc lồng ghép vào các hoạt động chung của Nhà trường; các sự kiện, hội nghị, tuần lễ sinh hoạt chính trị và sinh hoạt công dân-HSSV đầu các năm học, ... [GK1.3.1]. Đưa Tuyên bố về “sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” vào cuốn sổ tay sinh viên phát cho người học vào đầu mỗi năm học [GK1.3.2]. Tổ chức tuyên truyền đến nhân dân tại các buổi đi tuyên truyền tuyển sinh tại các địa phương, các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh [GK1.3.3].

Nhà trường đã ra Quyết định thành lập Ban rà soát, sửa đổi, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường ĐH VH, TT&DL TH [GK1.4.1], bao gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng Trường và toàn thể các Trưởng đơn vị thuộc Trường. Ban rà soát đã tổ chức họp lấy ý kiến nhằm làm cơ sở để điều chỉnh các nội dung sứ mạng, tầm nhìn. Các ý kiến đóng góp của thành viên được Thư ký Ban ghi nhận trong biên bản họp và điều chỉnh, trình Hội đồng Trường phê duyệt.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1	Ban hành chiến lược phát triển trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Hội đồng trường	Năm 2024

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	4,60
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Hệ thống văn bản, trước hết là Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cần có những giải pháp cụ thể giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Bao gồm nhưng không giới hạn trong các việc: nhận định và đánh giá các rủi ro, xác định các hành động đáp ứng và kế hoạch giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng.

NT cần lập cơ quan kiểm soát. Cơ quan kiểm soát cần có các hoạt động cụ thể và hiệu quả góp phần giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển của NT.

Trong các văn bản nghị quyết/quyết định/kết luận cần phân biệt chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là trong việc triển khai hoạt động của Hội đồng Trường

Hàng năm Nhà trường cần có các báo cáo riêng, định kỳ kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị cũng như kết quả thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường.

Hội đồng trường cần sớm bổ sung, hoàn thiện các văn bản của hệ thống quản trị các nội dung có liên quan đến việc giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển.

Thực hiện Luật Giáo dục đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường phần quy định về HĐT cần quy định rõ cơ quan kiểm soát của Trường. HĐT cần sớm thành lập cơ quan kiểm soát của Trường

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2021 và bổ sung sửa đổi năm 2024 quy định về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức nhân sự, tài chính, tài sản trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của Nhà trường nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Quy chế cũng đã điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với quy định của Nhà trường và cơ quan cấp trên nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường và quản lý rủi ro tốt hơn **[GK2.1.1]**. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết thành lập Ban kiểm soát Hội đồng trường **[GK2.1.2]**. Chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy chế làm việc của Ban kiểm soát **[GK2.1.3]**. Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các hoạt động quản lý, điều hành của Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng và các đơn vị trong trường; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán; Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của trường; kiến nghị về cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường... nhằm góp phần giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển của nhà trường **[GK2.1.4]**.

Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm 2021 và bổ sung sửa đổi năm 2024, Quy chế làm việc của Hội đồng trường, Quy định tổ chức và hoạt động giám sát của Hội đồng trường đảm bảo các hoạt động của Nhà trường thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế. Việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế hoạt động giám sát của Hội đồng trường, Quy chế làm việc của Hội đồng trường đã chỉ rõ chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý; đặc biệt là trong việc triển khai hoạt động của Hội đồng Trường đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành **[GK2.2.1]**.

Nhà trường đã định kỳ rà soát, đánh giá lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận thông qua đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trong Nhà

trường đảm bảo tinh gọn, giảm đầu mối, giảm cấp phó, hoạt động hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của Nhà trường [GK2.3.1]. Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến của viên chức, người lao động đóng góp vào các dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, Quy định tổ chức quản lý hoạt động khoa học công nghệ... Các ý kiến đóng góp được tổng hợp, ghi nhận và điều chỉnh những điểm hợp lý vào Dự thảo quy chế [GK2.3.2].

Hội đồng trường đã ban hành các Nghị quyết thông qua Danh mục vị trí việc làm và tiêu chuẩn của từng vị trí; Nghị quyết thông qua việc phân bổ nguồn tài chính; Nghị quyết thông qua phương hướng tuyển sinh; Nghị quyết thông qua mức thu học phí các loại hình giáo dục- đào tạo; Nghị quyết thông qua phương hướng hoạt động khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế... nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển [GK2.4.1].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục rà soát, bổ sung các văn bản trong hệ thống quản trị nhằm giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển.	BGH, Hội đồng trường	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,25
Tiêu chí 2.1	4
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường tiếp tục tham khảo các bên liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các quy định, quy chế của Nhà trường cho phù hợp trong đó quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong mối quan hệ giữa BHG, Đảng Ủy và HĐT.

Cần sớm bổ nhiệm nhân sự làm công tác pháp chế chuyên trách theo quy định số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/07/2014 của Bộ GD-ĐT.

Nhà trường cần đổi mới các hoạt động kết nối các bên liên quan; điều chỉnh phương thức khảo sát để huy động hiệu quả sự đóng góp trí tuệ và trải nghiệm thực tiễn nhằm định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, cũng rất cần coi trọng ý kiến chuyên gia, đặc biệt là ý kiến của các CBGVNV đã từng công tác và công tác lâu năm tại trường trong việc xây dựng các giá trị cốt lõi cũng như thể hiện các ý tưởng của sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ tổ chức rà soát và có các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý bao gồm khảo sát các bên liên quan, phân tích, đánh giá hiệu quả tác động và đề xuất các bổ sung, sửa đổi cần thiết.

Nhà trường cần định kỳ có những rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cũng như quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý để thúc đẩy tiến trình đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường.

Cần sớm thành lập thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách được đào tạo làm công tác pháp chế thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định theo hướng dẫn 3878.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Nhà trường đã thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định của Luật Giáo dục đại học và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá công nhận theo Quyết định số 4579/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 **[GK3.1.1]**. Sau khi thành lập, Hội đồng trường đã tích cực chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường, xin ý kiến đóng góp của viên chức, người lao động, các thành viên Hội

đồng trường để xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm 2021 và bổ sung sửa đổi năm 2024, Quy chế làm việc của Hội đồng trường, Quy định tổ chức và hoạt động giám sát của Hội đồng trường đảm bảo các hoạt động của Nhà trường thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế. Việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế hoạt động giám sát của Hội đồng trường, Quy chế làm việc của Hội đồng trường đã chỉ rõ cơ cấu tổ chức lãnh đạo và quản lý với cơ cấu hệ thống quản trị, phân biệt trách nhiệm của hệ thống quản trị và hệ thống quản lý; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các đơn vị, viên chức quản lý của Nhà trường, nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý cũng như đảm bảo việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành **[GK3.1.2]**. Nhà trường đã thành lập bộ phận pháp chế theo quyết định số 707/QĐ-ĐVTDT ngày 25/5/2022 **[GK3.1.3]**. Mỗi năm học, Nhà trường cử cán bộ làm công tác pháp chế tham dự hội nghị tập huấn công tác pháp chế ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì **[GK3.1.4]**. Với sự tham mưu của bộ phận pháp chế, các kế hoạch thực hiện công tác pháp chế đều được xây dựng, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/7/2014 hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học **[GK3.1.5]**.

Nhà trường đã thành lập Ban rà soát, sửa đổi bổ sung Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường, xây dựng kế hoạch xin ý kiến của các bên liên quan, viên chức, người lao động, cựu lãnh đạo quản lý, các thành viên Hội đồng trường tham gia thảo luận, xây dựng về “sứ mạng- tầm nhìn- giá trị cốt lõi- triết lý giáo dục- khẩu hiệu” qua đó đã huy động hiệu quả sự đóng góp trí tuệ và những trải nghiệm hữu ích của các bên vào quá trình phát triển của Nhà trường **[GK3.2.1]**.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được thường xuyên rà soát và kiện toàn nhằm hoàn thiện hoạt động lãnh đạo và quản lý. Cụ thể như sau: Thực hiện Quyết định số: 4667/QĐ-UBND, ngày 21/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, giai đoạn 2021-2025. Nhà trường đã xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã được Hội đồng Trường thông qua và UBND tỉnh phê duyệt. Kết quả sau khi sắp xếp cơ cấu tổ chức của Nhà trường có sự thay đổi giảm từ 28 đơn vị còn 23 đơn vị nhằm quản lý hiệu quả

hoạt động chuyên môn của Nhà trường **[GK3.3.1]**. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ một số đơn vị bộc lộ những bất cập, khó khăn về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và nhân sự. Nhà trường đã xây dựng “Đề án sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị thuộc Trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa theo Tờ trình số 521/TTr-ĐVTDT ngày 01/4/2024 trình Hội đồng trường. Hội đồng trường ban hành Nghị quyết sắp xếp, đổi tên một số đơn vị thuộc trường cụ thể như sau: Khối khoa: Điều chuyển Bộ môn Sư phạm Tin học (thuộc Khoa Văn hóa Thông tin) về Khoa Ngoại ngữ; đổi tên Khoa Ngoại ngữ thành Khoa Ngoại ngữ- Tin học; Khối Trung tâm: - Trung tâm Đào tạo thực hành Du lịch và Tổ chức sự kiện đổi tên thành Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ người học và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Tư vấn Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm đổi tên thành Phòng Truyền thông và Tuyển sinh **[GK3.3.2]**. Các đơn vị sau khi được sắp xếp, tổ chức lại đã rà soát và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị như: khoa Âm nhạc, phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học... **[GK3.3.3]**. Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập **[GK3.3.4]**. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết về Danh mục vị trí việc làm của Trường **[GK3.3.5]**. Trên cơ sở ý kiến của Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính **[GK3.3.6]**, Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2023 trong đó xác định cụ thể đối với vị trí lãnh đạo quản lý gồm: Chủ tịch Hội đồng trường: 01 người; Ban Giám hiệu: 04 người, gồm: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng; Trưởng đơn vị thuộc Trường: 23 người (Trong đó có: 08 Trưởng khoa, 10 Trưởng phòng, 05 Giám đốc Trung tâm); Số lượng cấp phó đơn vị thuộc trường: 25 người (Trong đó có: 10 Phó Trưởng khoa, 10 Phó Trưởng phòng; 05 Phó Giám đốc Trung tâm); Số lượng Trưởng Bộ môn: 06 người; Số lượng Phó Trưởng Bộ môn: 14 người; Tổ trưởng: 02 người và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 **[GK3.3.7]**. Quyết định này là cơ sở Trường thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng **[GK3.3.8]**. Trong giai đoạn 2021-2024, Nhà trường đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng theo quy định nâng tổng số Phó Hiệu trưởng lên 02 người **[GK3.3.9]**. Ngay sau đó, Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc phân công nhiệm vụ các đồng chí trong Ban Giám hiệu trong đó quy định rõ nguyên tắc

phân công nhiệm vụ, chế độ báo cáo, phối hợp công tác, thẩm quyền quyết định của từng thành viên trong Ban Giám hiệu [GK3.3.10].

Nhà trường đã ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trong trường [GK3.4.1]. Giao phòng Tổ chức Cán bộ phối hợp với các đơn vị thuộc trường rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để thúc đẩy tiến trình đổi mới, tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường [GK3.4.2].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Kiện toàn Bộ phận/tổ pháp chế.	Phòng Tổ chức Cán bộ và các đơn vị liên quan	Quý IV năm 2024
2.	Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Trường cho phù hợp với thực tiễn để chuẩn bị lộ trình tiến tới tự chủ theo quy định	Phòng Tổ chức Cán bộ	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	4.75
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần huy động đa dạng các BLQ tham gia xây dựng CLPT dưới nhiều hình thức khác nhau để CLPT có chất lượng tốt hơn và có tính khả thi cao hơn. Cần quan tâm hơn tới việc xây dựng kế hoạch hành động của các đơn vị trong Trường nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược đã ban hành.

Kế hoạch năm học/kế hoạch ngắn hạn cần được xây dựng bám sát các chỉ tiêu chiến lược của từng giai đoạn phát triển Nhà trường.

Cần nâng cao hiệu quả việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch chiến lược; xác định rõ ràng hơn các chỉ tiêu phấn đấu để đảm bảo tính khả thi cao hơn (dựa trên sứ mạng, tầm nhìn và điều kiện nguồn nhân lực và tài chính của Trường)..

Nhà trường cần chú trọng việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược nhằm điều chỉnh các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu chính phù hợp và có kế hoạch hành động kịp thời để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Nhà trường đã phối hợp xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, cựu người học, viên chức, người lao động, cơ quan quản lý trực tiếp, Sở Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, doanh nghiệp tham gia xây dựng vào Dự thảo Chiến lược phát triển Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 dưới nhiều hình thức như xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị lấy kiến, tiến hành các cuộc phỏng vấn, trao đổi nhằm hoàn thiện Chiến lược phát triển của nhà trường có chất lượng tốt hơn và có tính khả thi cao hơn **[GK4.1.1]**. Sau khi Chiến lược phát triển Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Hội đồng trường thông qua, Ban Giám hiệu sẽ chỉ đạo phòng Hành chính Tổng hợp xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược và chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch hành động nhằm hoàn thành các chỉ tiêu theo chiến lược.

Hàng năm, nhà trường đã thông báo các đơn vị về việc xây dựng kế hoạch năm học trong đó yêu cầu nội dung kế hoạch năm học phải bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường; Nghị quyết đại hội Chi bộ; Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Các quyết sách lớn của Hội đồng Nhà

trường; Tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của đơn vị; đảm bảo tính đầy đủ về thông tin và toàn diện về các mặt hoạt động của đơn vị dự kiến triển khai trong năm học [GK4.2.1]. Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức họp duyệt kế hoạch năm học của từng đơn vị nhằm rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch năm học của đơn vị theo góp ý [GK4.2.2] [GK4.2.3]. Trên cơ sở kế hoạch năm học của các đơn vị, nhà trường ban hành kế hoạch năm học bám sát các chỉ tiêu chiến lược của từng giai đoạn phát triển Nhà trường [GK4.2.4].

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu quả-KPIS và quyết định về việc ban hành bộ chỉ số đo lường hiệu quả-KPIS. Thông qua bộ chỉ số này, Nhà trường đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ các nội dung tiêu chí như hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác tuyển sinh, chất lượng giảng dạy, phục vụ cộng đồng, khảo sát các bên liên quan, tài chính - cơ sở vật chất,... Qua đó, Nhà trường đánh giá xếp-loại các cá nhân, tập thể có liên quan, đồng thời xây dựng các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng góp phần thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược phát triển của Nhà trường [GK4.3.1].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành chiến lược phát triển trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Hội đồng trường	Năm 2024

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,75
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng.

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết hơn về xây dựng các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ; tổ chức tập huấn cho các đơn vị/bộ phận có liên quan, tham gia vào quá trình xây dựng chính sách; đa dạng các hình thức công bố công khai các chính sách của Trường để các BLQ dễ dàng tiếp cận và thực hiện)

Nhà trường cần rà soát lại Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ để điều chỉnh, bổ sung các bước, các nội dung giám sát phù hợp và quy định rõ việc tự giám sát các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ của các đơn vị liên quan.

Nhà trường cần có hướng dẫn chi tiết về việc đánh giá, rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ và tổ chức thực hiện thường xuyên hơn. Cần phân tích sâu mức độ phù hợp của các chính sách đối với các nguồn lực của Trường và tính khả thi của các chính sách, cũng như nguyên nhân chưa đạt được mục tiêu của các chính sách làm cơ sở cho việc cải tiến các chính sách trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

Nhà trường cần ban hành chính sách để xây dựng và triển khai nhóm đề tài nghiên cứu mạnh nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học; cần tập trung nguồn lực đầu tư và có chính sách khuyến khích, thúc đẩy mạnh hơn để CBGV tích cực NCKH và tham gia các đề tài, dự án của các cấp; có chính sách đủ mạnh và kịp thời để thu hút GV có trình độ cao và chức danh PGS, GS về Trường, làm nòng cốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ người học và kết nối, phục vụ cộng đồng năm học 2023-2024; Kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ người học và kết nối, phục vụ cộng đồng năm học 2023-2024 **[GK5.1.1]** ; Rà soát, kiện toàn Quy định về đánh giá rèn luyện năm học 2023-2024 **[GK5.1.2]**. Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết về xây dựng các chính sách đào tạo, NCKH, PVCĐ; Quyết định kiện toàn ban hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng **[GK5.1.3]**. Xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn về việc xây dựng các chính sách của Trường một cách đầy đủ. Các hình thức công bố công khai các chính sách của

Trường đa dạng hơn để các BLQ dễ dàng tiếp cận và thực hiện: Báo cáo số liệu khảo sát SV về chất lượng hỗ trợ dịch vụ, tư vấn người học; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và các lĩnh vực hoạt động của nhà trường năm học 2020-2021 **[GK5.1.4]**; Báo cáo số liệu khảo sát SV về chất lượng hỗ trợ dịch vụ, tư vấn người học; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và các lĩnh vực hoạt động của nhà trường năm học 2021-2022 **[GK5.1.5]**. Nhà trường đã ban hành các văn bản quan trọng nhằm quản lý và thúc đẩy hoạt động KHCN, bao gồm: Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động KHCN **[GK5.1.6]**, Quy trình quản lý đề tài khoa học cấp cơ sở **[GK5.1.7]**, Quy trình đăng ký NCKH cho sinh viên **[GK5.1.8]**, Quy định trích dẫn và chống đạo văn **[GK5.1.9]**; Quyết định về việc ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ của trường ĐHVH TT&DL Thanh Hóa **[GK5.1.10]**, Quy định quản lý tạp chí khoa học **[GK5.1.11]**. Những văn bản này đã tạo nền tảng vững chắc, đảm bảo tính minh bạch, khuyến khích nghiên cứu và nâng cao chất lượng khoa học tại trường.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Khen thưởng- kỷ luật HSSV năm học 2023-2024 **[GK5.2.1]**. Rà soát, kiện toàn công tác Cố vấn học tập năm học 2023- 2024; Kiện toàn Ban hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng Trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa; Xây dựng quy định quản lý hồ sơ HSSV, học viên của Nhà trường **[GK5.2.2]**. Triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2023-2024; Kế hoạch về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2023-2024 **[GK5.2.3]**. Nhà trường đã xây dựng hệ thống giám sát chặt chẽ để đảm bảo tuân thủ các chính sách NCKH. Căn cứ Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của nhà trường **[GK5.2.4]**, Phòng QLKH và HTQT thực hiện điều phối hoạt động KHCN và tham mưu ban hành các quy trình quản lý đề tài khoa học **[GK5.2.5]**. Đồng thời, Nhà trường khuyến khích sinh viên tham gia NCKH **[GK5.2.6]** và ban hành Quy định về chống đạo văn, góp phần vào hệ thống quản lý KHCN hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển nghiên cứu của Nhà trường **[GK5.2.7]**.

Nhà trường tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển năm học 2023-2024 **[GK5.3.1]**. Ban hành Kế hoạch số 1103/KH-ĐVTDĐT ngày 8/8/2023 về việc tổ chức đón tiếp và nhập học cho HSSV, học viên cao học năm học 2023-2024 **[GK5.3.2]**. Thông báo và lập hồ sơ chế độ chính sách của HSSV học kỳ I năm học 2023-2024, Thông báo về việc nộp hồ sơ chế độ chính sách của HSSV **[GK5.3.3]**. Kế hoạch về

việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2023-2024 [GK5.3.4]. Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa: Kế hoạch số tổ chức Tuần sinh hoạt công dân- học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 [GK5.3.5]. Điều chỉnh chính sách về NCKH trong Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm khuyến khích, thúc đẩy mạnh hơn để CBGV tích cực NCKH và tham gia các đề tài, dự án của các cấp; có chính sách đủ mạnh và kịp thời để thu hút GV có trình độ cao và chức danh PGS, GS về Trường, làm nòng cốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược [GK5.3.6]. Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh các văn bản quản lý hoạt động KHCN [GK5.3.7; GK5.3.8] làm nền tảng, trên cơ sở đó ban hành các quy định đãi ngộ và thu hút giảng viên, cán bộ trình độ cao [GK5.3.9], cùng với các chính sách hỗ trợ kinh phí công bố bài báo quốc tế, khen thưởng NCKH hàng năm [GK5.3.10; GK5.3.11; GK5.3.12; GK5.3.13]. Ban hành Kế hoạch về việc rà soát chỉ tiêu KHCN theo năm học [GK5.3.14]. Những nỗ lực này thể hiện cam kết phát triển đội ngũ chất lượng cao và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của nhà trường.

Nhà trường luôn chú trọng cải tiến các chính sách nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng kịp thời nhu cầu cũng như mong đợi của các bên liên quan. Nhà trường ban hành Quy định về việc hỗ trợ đãi ngộ và thu hút cán bộ giảng viên, viên chức có trình độ cao trong giai đoạn 2023-2025, minh chứng cho nỗ lực không ngừng của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa trong việc phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao chất lượng chuyên môn và nghiên cứu khoa học [GK5.4.1]. Bên cạnh đó, việc ban hành quy định thành lập và hoạt động nhóm nghiên cứu, cũng như việc thành lập nhóm nghiên cứu tại trường [GK5.4.2], đánh dấu bước tiến lớn trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, đồng thời kiến tạo một môi trường học thuật đầy sáng tạo và năng động. Ngoài ra, nhà trường còn có các chính sách hỗ trợ kịp thời cho cán bộ, giảng viên có bài báo công bố trên các tạp chí khoa học uy tín, và quyết định khen thưởng cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động nghiên cứu khoa học [GK5.4.3].

3. Hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển và ban hành quy định hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh	Phòng QLKH và HTQT	Giai đoạn 2025-2027
2.	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, đánh giá và triển khai tốt các chính sách đào tạo, NCKH và PVCD theo quy định	Phòng Quản lý đào tạo; Phòng QLKH và HTQT; Phòng CTCT- HSSV	Giai đoạn 2025-2027

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5,0
5.1	5
5.2	5
5.3	5
5.4	5

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực**1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD**

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc rà soát và lập báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong Trường. Tăng cường sự tham gia của CB, GV, NV trong việc rà soát, đánh giá quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Nên có kế hoạch rà soát quy hoạch thường xuyên hơn và giám sát việc thực hiện chỉ tiêu để có kế hoạch tuyển dụng đáp ứng mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực.

Cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ (QĐ số 615/QĐ-ĐVTĐT ngày 14/7/2017) để điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật cán bộ, công chức, viên chức (số 52/2019/QH 14 ngày 25/11/2019)

Trên cơ sở, các văn bản: Luật cán bộ, công chức, viên chức (số 52/2019/QH 14 ngày 25/11/2019); Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018; Thông tư

03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ; Điều lệ trường đại học, Đề án vị trí việc làm, Kế hoạch tuyển dụng và điều kiện thực tế, Nhà trường cần xây dựng và ban hành Khung năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, GV, NV (KPIs) làm cơ sở để tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và điều chuyển đội ngũ trong Nhà trường.

Nhà trường/Khoa cần tổ chức các lớp BD nghiệp vụ sư phạm; khoá ĐTBD ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT. Mở thêm các khoá bồi dưỡng năng lực NCKH và tổ chức nhiều hơn các buổi sinh hoạt NCKH để nâng cao năng lực NCKH cho CBGV, đồng thời cần có kế hoạch phân bổ kinh phí đáp ứng yêu cầu cho hoạt động ĐTBD nguồn nhân lực

Nhà trường cần rà soát đánh giá lại Quy chế công tác thi đua khen thưởng, Quy chế đánh giá phân loại cán bộ viên chức, lao động hợp đồng hàng năm... để chỉnh sửa bổ sung phù hợp. Quan tâm xây dựng khung năng lực (KPIs) của từng vị trí việc làm của CB, GV, NV.

Nhà trường cần xây dựng hướng dẫn/kế hoạch cụ thể về việc rà soát, đánh giá chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để đảm bảo việc đánh giá được chuyên nghiệp, thống nhất trong toàn trường và đạt độ tin cậy cao hơn.

Nhà trường cần thường xuyên tổ chức rà soát, giám sát việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch tuyển dụng. Có kế hoạch tuyển dụng kịp thời các GV có trình độ tiến sĩ, nhất là các GV có chức danh GS, PGS để thay thế những GV đã nghỉ hưu, chuyển công tác, đảm bảo sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường (nhất là mục tiêu phát triển các ngành nghề đào tạo).

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị theo Quyết định số 1136/QĐ-ĐVTDT ngày 02/8/2022 [GK6.1.1]. Việc rà soát, đánh giá quy hoạch phát triển nguồn nhân lực được Nhà trường thực hiện theo định kỳ vào đầu năm học mới, các đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến của viên chức, người lao động trong việc xác định nhu cầu nhân lực và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng [GK6.1.2]. Năm 2023, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó xác định rõ số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm: đối với

các vị trí lãnh đạo, quản lý: 64 người; đối với vị trí chức danh nghề nghiệp: 127 người; chuyên môn dùng chung: 93 người; đối với vị trí hỗ trợ, phục vụ: 16 người **[GK6.1.3]**. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thực hiện việc phân bổ số lượng người làm việc của các đơn vị trực thuộc Trường và xây dựng Kế hoạch tuyển dụng trong đó xác định cụ thể nhu cầu, vị trí, điều kiện, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm được Hội đồng trường thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt **[GK6.1.4]**.

Nhà trường đã triển khai, xây dựng và rà soát lại Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động hợp đồng theo đúng quy định của Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức, viên chức (số 52/2019/QH 14 ngày 25/11/2019, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức **[GK6.2.1]**.

Nhà trường đã ban hành bộ chỉ số thực hiện đầy đủ về tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ viên chức và người lao động (KPIs) thông qua Quyết định số 1998/QĐ-ĐVTDT ngày 31/12/2022 về việc ban hành Quy định chuẩn năng lực viên chức và người lao động. Quy định này quy định về các tiêu chuẩn đánh giá năng lực đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức và người lao động; các yêu cầu, thủ tục, quy trình và thời điểm thực hiện đánh giá viên chức và người lao động **[GK6.3.1]**.

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng **[GK6.4.1]** Nhà trường đã tổ chức và cử viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng như: Tập huấn phương pháp dạy học và đánh giá trong giáo dục; tập huấn mô tả và tự đánh giá chương trình đào tạo để kiểm định chất lượng; Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm; tập huấn bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Bồi dưỡng kiến thức an ninh- quốc phòng và tham gia các lớp tập huấn công tác nội vụ, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ, thanh tra pháp chế, bảo đảm an toàn thông tin mạng, nâng cao quản lý tài chính và sử dụng tài sản công...**[GK6.4.2]**. Kinh phí dành cho thực hiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động tăng theo các năm: kinh phí chi cho phát triển đội ngũ năm 2021 là 623.545.000 đồng; kinh phí chi đào tạo, tập huấn, phát triển đội ngũ năm 2022 là 866.142.000 đồng; kinh phí chi đào tạo, tập huấn, phát triển đội ngũ năm 2023

là 1.108.143.000 đồng **[GK6.4.3]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã rà soát, bổ sung chi hỗ trợ và thu hút nhân lực có trình độ cao trong đó quy định: **[GK6.4.4]**

- Bảo vệ học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư: Hoàn thiện hồ sơ bảo vệ học hàm Giáo sư: 30.000.000 đồng/người; Phó Giáo sư 20.000.000 đồng/người. Thưởng công nhận học hàm (ngoài mức thưởng khuyến khích của tỉnh): Giáo sư: 30.000.000 đồng/người; Phó Giáo sư 20.000.000 đồng/người. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ cấp cơ sở và cấp ngành mức 5.000.000 đồng/người.

- Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: Trúng tuyển Nghiên cứu sinh: 5.000.000 đồng; Học phí thanh toán 100% học phí quy định của cơ sở đào tạo theo khóa học; Điền dã, mua tài liệu hỗ trợ hoạt động nghiên cứu: 2.000.000 đồng/khóa học; Sinh hoạt phí: 2.000.000 đồng/khóa học; Bảo vệ tiến sĩ nhà trường tặng hoa và mừng 3.000.000 đồng; nhận bằng tiến sĩ (ngoài mức thưởng khuyến khích của tỉnh): 10.000.000 đồng/ người.

Nhà trường đã rà soát và ban hành Quy chế thi đua khen thưởng năm 2022 và năm 2024 để phù hợp với quy định của Luật Thi đua khen thưởng; Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hợp đồng năm 2022 và năm 2023 theo quy định Chính phủ về việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức. Sau khi rà soát điều chỉnh Quy chế Thi đua khen thưởng và Quy chế đánh giá xếp loại viên chức, lao động hợp đồng đã quy định rõ các tiêu chí đánh giá xếp loại đảm bảo độ tin cậy, minh bạch hơn trong quá trình đánh giá phân loại đội ngũ. **[GK6.5.1]**. Quy định được bổ sung cập nhật theo văn bản nhà nước và thực tế hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí xét cho phù hợp với điều kiện và đặc thù công tác của Trường, lấy kết quả đánh giá phân loại viên chức, người lao động làm cơ sở xét thi đua. Các tiêu chí được công nhận là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ. Qua đó, việc bình xét thi đua khen thưởng mang tính thiết thực, có tác dụng tốt trong việc khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy sáng tạo, đổi mới để hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc rà soát được thực hiện với các hình thức như lấy ý kiến của các cá nhân, đơn vị. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phòng Tổ chức Cán bộ tổ chức lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan cho các văn bản về chế độ, chính sách, quy chế, quy định, quy hoạch nguồn nhân lực... để xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung hệ thống chế độ, chính sách, quy chế quy

định và nguồn lực cho năm học mới **[GK6.6.1]**. Các Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế làm việc đối với giảng viên, Quy định về công tác quy hoạch cán bộ được sửa đổi, bổ sung sau khi thực hiện rà soát và lấy ý kiến các đơn vị. Các nội dung đề xuất hợp lý từ các đơn vị được đưa vào Quy chế mới **[GK6.6.2]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch để rà soát đưa ra khỏi quy hoạch hoặc bổ sung quy hoạch; Rà soát đưa ra khỏi quy hoạch những viên chức không còn đủ điều kiện tiếp tục được quy hoạch, thực hiện rà soát về độ tuổi, trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức lựa chọn, giới thiệu viên chức vào quy hoạch vào giai đoạn tiếp theo **[GK6.6.3]**.

Các chế độ, chính sách về phát triển nguồn nhân lực đã được Nhà trường cải tiến. Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa, Nhà trường đã xác định và ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm và đã được Hội đồng trường phê duyệt **[GK6.7.1]**. Trên cơ sở ý kiến của Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2023. Được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt theo Quyết định số 2973/QĐ-UBND, ngày 22/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm 2023 là 228 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và 72 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Quyết định số 4670/QĐ-UBND, ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc của các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh năm 2023 **[GK6.7.2]** Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng năm 2023 nhằm từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên, chuyên viên, nhân viên đủ về số lượng, đúng cơ cấu, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao **[GK6.7.3]**. Sau khi được Hội đồng trường thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng **[GK6.7.4]** Nhà trường đã thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật **[GK6.7.5]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện quy trình tiếp nhận 02 viên chức có trình độ Tiến sĩ theo diện thu hút nhân lực có trình độ cao từ tỉnh ngoài về làm

việc tại Trường **[GK6.7.6]** Kết quả trong năm 2023, Nhà trường đã tiếp nhận 02 viên chức có trình độ Tiến sĩ, tuyển dụng được 32 viên chức và 07 lao động hợp đồng đảm bảo sức mạng, mục tiêu phát triển các ngành nghề đào tạo của Nhà trường **[GK6.7.7]**. Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm, từ năm 2021-2024 Nhà trường đã cử 14 giảng viên đi học Nghiên cứu sinh **[GK6.7.8]**, có 10 giảng viên được công nhận và cấp bằng Tiến sĩ và 02 giảng viên được phong hàm Phó Giáo sư **[GK6.7.9]**. Để đạt được những kết quả nêu trên Nhà trường đã xây dựng chế độ chính sách hỗ trợ cho viên chức, người lao động nhằm phát triển nguồn nhân lực như: Quy định Hỗ trợ đãi ngộ và thu hút đối với cán bộ giảng viên, viên chức có trình độ cao giai đoạn 2023-2025, chế độ hỗ trợ và thu hút nhân lực có trình độ cao được quy định cụ thể tại điều 40 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 **[GK6.7.10]**.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ và thu hút nhân lực có trình độ cao	Phòng Tổ chức cán bộ	Hằng năm
2.	Tiếp tục xây dựng kế hoạch số lượng người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2024	Phòng Tổ chức cán bộ	Năm 2024

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,71
Tiêu chí 6.1	4
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần kịp thời cải thiện hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan trong Trường về quy mô và giải pháp thực hiện. Số lượng và đối tượng lấy ý kiến cần được tăng cường và mở rộng; công cụ và phương pháp thực hiện cần được đổi mới theo hướng ứng dụng CNTT để việc quản lý, thống kê, phân tích dữ liệu đảm bảo chính xác, nhanh chóng và trực quan.

Nhà trường cần ứng dụng CNTT vào công tác quản lý CSVC và hạ tầng trang thiết bị dạy học để theo dõi và khai thác tối đa hiệu quả sử dụng phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ; cần ứng dụng phần mềm quản lý CSVC, trong đó có theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị và hạ tầng CNTT để có kế hoạch cải tiến điều chỉnh đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CSVC cần thiết kế, xây dựng khoa học, phù hợp để có thể tiếp nhận được những đề xuất, góp ý thiết thực và hiệu quả.

Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp thiết bị, hạ tầng CNTT một cách đồng bộ và có hệ thống. Cần tăng cường số lượng và chất lượng cấu hình các máy chủ, cập nhật phiên bản mới nhất cho hệ điều hành. Xây dựng hệ thống đảm bảo toàn vẹn toàn bộ dữ liệu bằng việc đầu tư thiết bị bảo mật bằng phần cứng, phần mềm; đầu tư hệ thống backup dữ liệu, trang bị UPS cho các máy chủ để đề phòng các sự cố, rủi ro về thông tin, dữ liệu.

Cần nâng cấp hệ thống máy tính, cải thiện đồng bộ hệ thống wifi của Nhà trường, mở rộng vùng phủ sóng wifi trong toàn bộ khuôn viên Trường, chú trọng phủ sóng tại các giảng đường, thư viện, khu thực hành, tập huấn phục vụ tra cứu thông tin và học liệu của cán bộ, giảng viên và người học.

Giáo trình, tài liệu tham khảo của các ngành học cần được rà soát thường xuyên để bổ sung, cập nhật theo nguồn học liệu tiên tiến, hiện đại trong bối cảnh giáo dục mở, giáo dục trong thời đại 4.0 và hội nhập quốc tế.

Bài giảng được sử dụng trong giảng dạy của giảng viên cần được khấn trương nghiệm thu, xuất bản để hoạt động đào tạo hợp pháp, đúng quy định. Phần tóm tắt chương mục của các tài liệu bằng Anh ngữ cần được Việt hóa để bạn đọc dễ dàng tiếp cận.

Khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt cần được cụ thể hóa thành một nội dung cần thực hiện trong quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng QT-CSVC. Lối đi tại các tòa nhà và các khu vực dành riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt cần được gấp rút bổ sung, nâng cấp, đầu tư xây dựng.

Nhà trường cần rà soát để có phương án bảo dưỡng, sửa chữa, thay mới các thiết bị PCCC đã hư hỏng, xuống cấp tại các tòa nhà. Tăng cường lắp đặt mới hệ thống camera an ninh để đảm bảo mọi khu vực cần thiết trong khuôn viên Trường luôn được theo dõi, giám sát.

Hệ thống cảnh báo nguy cơ mất an toàn giao thông cần được thiết lập tại khu vực ra vào của Nhà trường, đảm bảo các bên liên quan ý thức được những rủi ro để có biện pháp phòng tránh.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2022, Nhà trường đã tiến hành cải tiến hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan trong Trường. Đầu tiên, Nhà trường đã cải tiến quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng bên trong Trường, trong đó các đối tượng khảo sát, hình thức khảo sát, quy mô và công cụ khảo sát được rà soát, bổ sung và quy định cụ thể trong Quyết định số 1184b/QĐ-ĐVTDT ngày 5/10/2023 [GK7.1.1]. Riêng hoạt động tài chính, Nhà trường giao cho phòng Kế hoạch - Tài chính nghiên cứu, bám sát các nội dung trong quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để chủ động lập kế hoạch và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường hằng năm. Để thu thập được các ý kiến phản hồi khách quan từ các bên liên quan, đơn vị được giao thực hiện (phòng KH-TC) đã tiến hành gửi kế hoạch, mẫu khảo sát vào email tên miền riêng của Nhà trường [GK7.1.2]. Hoạt động khảo sát được triển khai với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát bằng phát phiếu, khảo sát online; thu thập góp ý thông qua Hội nghị viên chức người lao động, Hội nghị dân chủ các lớp học sinh sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với học sinh sinh viên [G7.1.3]. Sau khi thu thập thông tin phản hồi, Nhà trường lập báo cáo tổng hợp, phân tích dữ liệu trong đó có sử dụng biểu đồ để trình bày dữ liệu một cách trực quan. Dựa vào kết quả của báo cáo, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến những điểm hạn chế, yếu kém nhằm

nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính sau khảo sát. Kế hoạch cải tiến được thảo luận, họp bàn, xin ý kiến trong các cuộc họp của các đơn vị trong nhà trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng sư phạm... trước khi đưa thực hiện **[G7.1.4]**.

Thời gian vừa qua, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc đưa CNTT vào công tác quản lý quản lý CSVC và hạ tầng trang thiết bị dạy học nhằm khai thác tối đa hiệu quả sử dụng, phục vụ tốt nhất công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Cụ thể, Nhà trường đã cho nâng cấp phần mềm quản lý CSVC mua năm 2014, lắp đặt hệ thống giám sát các khu nhà trong toàn trường; nâng cấp hạ tầng CNTT... Bên cạnh đó, năm 2023 được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở ban, ngành trong tỉnh, Nhà trường được đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng một số cơ sở vật chất, hạ tầng quan trọng như: rải thảm nhựa sân đường nội bộ, làm sân giáo dục thể chất, xây mới cổng trường theo Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc “Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” **[GK7.2.1]**. Song song với các dự án đầu tư của Tỉnh, từ năm 2022 đến nay, bằng nguồn tiết kiệm chi và nguồn ngân sách tỉnh cấp cho chi sửa chữa nhỏ thường xuyên, Đảng ủy ban, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết về bổ sung, tu bổ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Nhà trường **[GK7.2.2]**; Ban Giám hiệu ban hành các Quyết định phê duyệt dự toán sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học **[GK7.2.3]**, giao các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán, hợp đồng về việc tu bổ, nâng cấp, mua mới trang thiết bị, cơ sở vật chất **[GK7.2.4]** và triển khai cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học như: sửa chữa thiết bị phòng học, giảng đường, nhà hiệu bộ, Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ người học và quan hệ doanh nghiệp, phòng thực hành.

Để công tác quản lý CSVC và sử dụng CSVC, hạ tầng của Nhà trường hiệu quả, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, hằng năm phòng Quản trị -CVC đều khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CSVC của Nhà trường. Trước khi thực hiện hoạt động khảo sát, Nhà trường đã rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy định và các mẫu phiếu về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan phù hợp, sát thực tế, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả. Các nội dung khảo sát trong phiếu đã được điều chỉnh: khảo sát về phòng làm việc, phòng học, nhà tập thể thao đa năng và sân tập thể

thao, phòng thực hành; khảo sát mức độ hỗ trợ CNTT; khảo sát cảnh quan môi trường; khảo sát ý kiến đóng góp chung đối với CSVC. Kết quả tổng hợp từ hoạt động khảo sát hằng năm giúp Nhà trường dự báo và chủ động trong việc lập kế hoạch mua sắm, tu bổ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng tốt nhất công tác đào tạo, NCKH và PVCD [GK7.2.5].

Từ năm 2022, Nhà trường đã tăng cường nguồn lực đầu tư để nâng cấp thiết bị, hạ tầng CNTT hướng đến đồng bộ và có hệ thống [GK7.3.1]. Trong đó các máy chủ được bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, cập nhật phiên bản mới cho hệ điều hành nhằm đảm bảo việc vận hành của các máy chủ liên tục, hiệu quả [GK7.3.2]. Hiện nay, Nhà trường đang xây dựng kế hoạch tiếp tục đầu tư thêm các thiết bị mới, hiện đại nhằm đáp ứng tối ưu trong bảo mật phần cứng, phần mềm; đầu tư hệ thống backup dữ liệu, trang bị UPS cho các máy chủ để đề phòng các sự cố, rủi ro về thông tin, dữ liệu, giúp đảm bảo toàn vẹn toàn bộ dữ liệu Nhà trường. Hệ thống máy tính được nâng cấp; đường truyền Internet Leaseline 16Mbps được sửa chữa, nâng cấp đã giúp hệ thống wifi kết nối ổn định, mở rộng vùng phủ sóng, đảm bảo truy cập cho tất cả các khu vực thuộc khuôn viên nhà trường phục vụ tối ưu trong tra cứu thông tin của cán bộ, giảng viên và người học; hội họp và học tập trực tuyến. Mạng LAN được lắp đặt lại tại Trung tâm Thông tin - Thư viện và lắp mới cho Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ người học và Quan hệ Doanh nghiệp; phát triển mạng LAN tại chỗ cho các phòng, khoa, trung tâm; xử lý nhanh chóng, kịp thời các lỗi cục bộ, hạn chế gián đoạn ngắt kết nối gây ảnh hưởng tới hiệu quả làm việc. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành qua TD-office được sử dụng đồng bộ, hệ thống thư điện tử công vụ sử dụng hệ thống mail với tên miền ID@dvtdt.edu.vn. Dịch vụ tên miền, website trường hoạt động ổn định. Việc phát triển, đầu tư, nâng cấp CSVC trong thời gian qua của Nhà trường đã mang lại những kết quả rõ rệt: Các phòng học lý thuyết và thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính, máy chiếu, kết nối wifi, internet đồng bộ phục vụ cho công tác dạy và học đã cho thấy việc đầu tư CSVC cho đào tạo, NCKH, PVCD có hiệu quả [GK7.3.3]. Để có định hướng đúng trong việc đầu tư ở tương lai và sử dụng hiệu quả CSVC, hạ tầng CNTT hiện có, hằng năm Nhà trường đã triển khai hoạt động khảo sát các bên liên quan. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, từ đó Nhà trường có kế hoạch cụ thể trong cải tạo, cải tiến hệ thống CNTT

nhằm đảm bảo vận hành cho nhu cầu dạy - học, NCKH phù hợp cho từng giai đoạn **[GK7.3.4]**.

Giáo trình, tài liệu tham khảo của các ngành học đã được rà soát thường xuyên để bổ sung, cập nhật theo nguồn học liệu tiên tiến, hiện đại trong bối cảnh giáo dục mở, giáo dục trong thời đại 4.0 và hội nhập quốc tế. Để có cơ sở đầu tư, cập nhật tài liệu, sách phù hợp các ngành học trong Nhà trường, định kỳ hằng năm Thư viện phối hợp với các khoa, bộ môn rà soát lại hệ thống giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo theo ĐCCT từng học phần, ngành học **[GK7.4.1]**; tham mưu cho Ban Giám hiệu ban hành một số quy định và quy trình nghiệp vụ lĩnh vực thông tin - thư viện như: Quyết định số 17/QĐ-ĐVTDT ngày 05/01/2022 quy định lựa chọn tài liệu bổ sung tại Trung tâm TT-TV; Quyết định số 19/QĐ-ĐVTDT ngày 05/01/2022 ban hành Quy định nộp lưu tài liệu, xuất bản phẩm tại Trường; Quyết định số 1317/QĐ-ĐVTDT ngày 31/8/2022 ban hành Quy định đảm bảo nguồn học liệu và phát triển văn hóa đọc **[GK7.4.2]**. Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn học liệu cho giảng viên, người học phù hợp với bối cảnh giáo dục mở, giáo dục trong thời đại 4.0 và hội nhập quốc tế, thư viện Nhà trường đã được đầu tư bổ sung, cập nhật nguồn học liệu cho các ngành học **[GK7.4.3]**; triển khai xây dựng và phân phối các bộ sưu tập số trên Internet nguồn học liệu điện tử nội sinh (luận văn, báo cáo KHCN, học liệu các ngành học) trên phần mềm mã nguồn mở DSpace6.3 phiên bản tiếng Việt và được truy cập theo địa chỉ: <http://thuvienso.dvtdt.edu.vn:8080/>; đồng thời, trên trang web thư viện có liên kết, kết nối với các cơ sở dữ liệu mở điện tử trực tuyến (Open Access) trong nước và nước ngoài (như: Cơ sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam, Tài nguyên giáo dục mở Việt Nam, ProQuest Thesis and Dissertations Global,...); được sử dụng cơ sở dữ liệu tài liệu số dùng chung của Liên Chi hội thư viện đại học khu vực phía Bắc (truy cập tại địa chỉ: <https://hub.idk.org.vn/>), có tài khoản truy cập sử dụng các cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến trên ứng dụng VNU-LIC cho desktop và mobile (riêng trên phiên bản 5.0.8 cho mobile có cơ sở dữ liệu ScienceDirect, Springer, Bookworm...) của Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội **[GK7.4.4]**.

Việc đầu tư cho giảng viên viết giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo các ngành đào tạo thuộc bậc đại học và thạc sĩ được đặc biệt quan tâm, minh chứng là Nhà trường đã ban hành hàng loạt các Kế hoạch, Quyết định để triển khai thực hiện hoạt động này: Kế hoạch số 1443/KH-ĐVTDT ngày 03/10/2022 biên soạn giáo trình

bậc Đại học năm học 2022 – 2023 **[GK7.4.5]**; Quyết định số 1600b/QĐ-ĐVTDĐT ngày 01/11/2022 về đầu tư kinh phí biên soạn, xuất bản giáo trình bậc ĐH, thạc sĩ. **[GK7.4.6]**; Kế hoạch số 205/KH-ĐVTDĐT ngày 30/01/2024 về biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình bậc đại học, thạc sĩ năm 2024. **[GK7.4.7]**; Quyết định số 294/QĐ-DDVTDĐT ngày 04/3/2024 về đầu tư kinh phí biên soạn, xuất bản sách chuyên khảo năm 2024. **[GK7.4.8]**. Giáo trình, Sách, Tài liệu tham khảo do giảng viên Nhà trường biên soạn được xuất bản tại các Nhà xuất bản uy tín và đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo, NCKH. Ngoài ra, để thuận lợi cho người học tiếp cận hiệu quả, đa dạng nguồn tài liệu, Thư viện đang từng bước Việt hóa tên tài liệu ngôn ngữ tiếng Anh (trên trang web tra cứu OPAC: <http://thuviendaihocvanhoath.tcssoft.vn/>) và xử lý sách tập trung từ nguồn CSDL sách của Thư viện Quốc gia Việt Nam (truy cập trên trang web: <https://opac.nl.gov.vn/pages/opac/wpid-home.html>) **[GK7.4.9]**

Trong thời gian qua, ngoài việc chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ và sân tập thể thao, Nhà trường luôn quan tâm đến các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ, khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Về khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt đã được cụ thể hóa trong quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng QT-CSVC, thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường **[GK7.5.1]**. Đồng thời, để hỗ trợ những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường đã cải tạo cầu thang ở giảng đường một đường lên xuống dành riêng cho người khuyết tật, trang bị hệ thống nước sạch tại các khu giảng đường và nhà điều hành, sân đường nội bộ được cải tạo, quy hoạch và có biển chỉ dẫn,...**[GK7.5.2]**.

Ngay sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài CSGD, các đơn vị chức năng có liên quan đã tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường xây dựng kế hoạch, đầu tư, đồng thời triển khai hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay mới các thiết bị PCCC đã hư hỏng, xuống cấp tại tất cả các tòa nhà trong trường **[GK7.5.3]**. Đầu năm 2024, Nhà trường đã cho lắp hệ thống báo cháy tự động tại nhà Hiệu bộ, bảo dưỡng các thiết bị PCCC tại các giảng đường **[GK7.5.4]**; lập kế hoạch, thực hiện các hoạt động tuyên truyền, trải nghiệm về PCCC, CNCH cho toàn bộ VC,NLĐ và sinh viên nhà trường **[GK7.5.5]**. Nhà trường đã lắp đặt thêm hệ thống camera an ninh để đảm bảo mọi khu vực cần thiết trong trường luôn được theo dõi, giám sát **[GK7.5.6]**.

Nhà trường đã thiết lập lại hệ thống cảnh báo an toàn giao thông tại khu vực ra - vào Nhà trường bằng các biển báo, biển chỉ dẫn; quy hoạch, cải tạo, sắp xếp lại nơi để xe của VC,NLĐ và sinh viên toàn trường; ban hành thông báo rộng rãi đến VC,NLĐ và sinh viên nhằm nâng cao ý thức về những rủi ro để có biện pháp phòng tránh cũng như tuân thủ việc không đi xe trong khuôn viên nhà trường, để xe đúng nơi quy định ... [GK7.5.7].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Hoàn thiện báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt tài chính của nhà trường năm học 2023-2024	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Tháng 11/2024
2.	Tiếp tục khảo sát để thu thập thông tin phản hồi của viên chức, LĐHĐ, sinh viên nhà trường về công tác tài chính	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giai đoạn 2024-2027
3.	Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, CSVC, trang thiết bị	BGH, Phòng Quản trị cơ sở vật chất, Trung tâm tin học - ngoại ngữ.	Giai đoạn 2024 - 2027
4.	Tiếp tục rà soát, cải tiến và đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường nhằm khai thác tối đa hiệu quả của thông tin, dữ liệu.	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	Giai đoạn 2024 - 2027
5.	Tiếp tục rà soát, bổ sung và cập nhật nguồn học điện tử của các ngành học; Việt hóa phần tóm tắt chương mục của các tài liệu bằng Anh ngữ	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Giai đoạn 2024 - 2027

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4,6
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	4
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	4

Tiêu chuẩn 8:**1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD**

Nhà trường nên có bộ phận chịu trách nhiệm phát triển đối tác trong nước liên quan đến các hoạt động trao đổi GV, SV; các hoạt động thực tập thực tế của người học, nhằm mở rộng hoạt động hợp tác với các cơ sở trong nước về các hoạt động đào tạo và NCKH.

Nhà trường cần có biện pháp cải tiến mở rộng, tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trong nước.

Nhà trường nên xây dựng các tiêu chí/quy trình rà soát lựa chọn các đối tác trong hoạt động đối ngoại của Nhà trường

Nhà trường cần xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là các đối tác nước ngoài, trên cơ sở đó để có biện pháp cải thiện thường xuyên, định kỳ.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Đối với bộ phận chịu trách nhiệm phát triển đối tác trong nước hiện nay Nhà trường giao Trung tâm GDTX&LK (QĐ số 498/QĐ-ĐVTDT ngày 12/08/2015) **[GK8.1.1]**; nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (QĐ số 1557/QĐ-ĐVTDT ngày 13/9/2024) **[GK8.1.2]**. Trung tâm GDTX&LK có chức năng tham mưu cho hiệu trưởng về chiến lược phát triển, công tác quản lý và đào tạo, tuyển sinh hệ VLVH, đào tạo theo nhu cầu xã hội và liên kết đào tạo; tuyên truyền tuyển sinh và quản lý đào tạo các loại hình được cho phép; phối hợp với các đơn vị trong trường và

cơ sở giáo dục khác thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo các lớp liên kết đào tạo theo qui định hiện hành; chịu trách nhiệm phát triển đối tác trong nước liên quan đến các hoạt động trao đổi GV, SV; các hoạt động thực tập thực tế của người học, nhằm mở rộng hoạt động hợp tác với các cơ sở trong nước về các hoạt động đào tạo và NCKH

Chính sách, chủ trương của nhà trường về việc mở rộng, phát triển mạng lưới đối tác trong nước được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển trường ĐH VH TT & DL Thanh Hóa giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030 **[GK8.2.1]**. Theo đó, đối với công tác hợp tác trong lĩnh vực liên kết trong đào tạo đại học tập trung vào việc mở rộng phạm vi, quy mô các đối tác trong nước. Bám sát những định hướng và mục tiêu của nhà trường, đơn vị phụ trách đào tạo liên kết là Trung tâm GDTX & LK đã cụ thể hóa các hoạt động hợp tác với các cơ sở trong nước về các hoạt động đào tạo và NCKH trong các kế hoạch năm học hàng năm của đơn vị **[GK8.2.2]** triển khai việc ký kết hợp tác và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác liên kết đào tạo với các đối tác trong nước những năm qua. Đặc biệt là Nhà trường đã tổ chức hội nghị gặp gỡ đối tác liên kết đào tạo của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được diễn ra ngày 16/11/2023 (Kế hoạch số 1622/KH-ĐVTDT ngày 7/11/2023 về việc Tổ chức Hội nghị gặp gỡ đối tác liên kết đào tạo) **[GK8.2.3]**; Hội nghị mang ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa nhà trường và các đối tác; bên cạnh đó còn đánh giá hiệu quả hợp tác, thu thập các ý kiến đề xuất... Trong giai đoạn 2021-2024, đã ký mới 12 hợp đồng đào tạo với các đối tác, tổ chức 39 lớp liên kết đào tạo với tổng số 830 học viên trình độ liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học tại cơ sở của các đối tác trong nước. Nhà trường đã triển khai hoạt động hợp tác đào tạo với các đối tác trong nước như các cơ sở giáo dục tại Hòa Bình, Quảng Nam, Bạc Liêu về các chuyên ngành Quản lý Văn hóa, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật. (Bảng thống kê các lớp liên kết đào tạo và hợp đồng liên kết đào tạo từ năm 2021-2024) **[GK8.2.4]**.

Nhà trường đã xây dựng được tiêu chí và quy trình lựa chọn đối tác trong hoạt động đối ngoại, thể hiện trong Quyết định ban hành quy định về hoạt động lựa chọn đối tác tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK8.3.1]**. Nội dung của văn bản đã đề cập chi tiết tới tiêu chí lựa chọn đối tác: uy tín và chất lượng đào tạo của đối tác, sự phù hợp về chiến lược và tương thích về lĩnh vực chuyên môn, kinh nghiệm và thành tích hợp tác quốc tế, khả năng tài chính và cam kết hợp tác lâu

dài, khả năng hỗ trợ và phát triển nhân lực. Bên cạnh đó, văn bản cũng đã quy định quy trình rà soát lựa chọn các đối tác trong hoạt động đối ngoại của nhà trường gồm: 06 bước [bước 1: Giới thiệu về trường và thu thập thông tin về đối tác, bước 2: Đánh giá để xác định và quyết định đối tác, bước 3: Thảo luận chi tiết về các nội dung hợp tác, bước 4: Thảo luận các điều khoản trong Biên bản ghi nhớ (MOU), bước 5: Ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU), bước 6: Thảo luận và ký kết Biên bản hợp tác (MOA)]

Để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước và ngoài nước, Nhà trường đã xây dựng chính sách/chủ trương thông qua Chiến lược phát triển trường ĐH VH TT&DL Thanh Hóa giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030 **[GK8.3.2]**. Trong đó, đã đặt ra mục tiêu phấn đấu “Triển khai ký kết biên bản hợp tác với các đối tác trong khu vực Châu Á và Châu Âu; tăng số lượng đối tác theo từng giai đoạn: 10 đối tác (giai đoạn 2015-2020); 15 đối tác (giai đoạn 2020-2025), 20 đối tác (tầm nhìn 2030)” đưa ra các hình thức tìm kiếm trao đổi thông tin tìm cơ hội hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến ngành nghề mà Nhà trường đang đào tạo.

Giai đoạn 2021-2024 nhà trường đã ký kết thêm 9 biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với tổng số 8 đối tác ngoài nước mới được bổ sung trong 4 năm của chu kỳ đánh giá. Biên bản làm việc giữa Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Sở Giáo dục Thể thao Hòa Phấn, Lào được ký ngày 09/06/2022 **[GK8.3.3]**; Biên bản ghi nhớ ký kết với Trường MinSu (Philippines) ngày 15/08/2022 **[GK8.3.4]**; Biên bản ghi nhớ ký với ĐH Southern Luzon (Philippines) ký ngày 27/04/2022 **[GK8.3.5]**; Thỏa thuận hợp tác giữa trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Đại học Hsuan Chuang (Huyền Trang), Đài Loan ký ngày 31/10/2023 **[GK8.3.6]**; Biên bản ghi nhớ giữa trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Đại học Nakhon Phanom, Thái Lan ký ngày 02/11/2021 **[GK8.3.7]**; Biên bản ghi nhớ giữa trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và công ty SkillSSG Ventures Pte LTD, Singapore ký ngày 04/05/2023 **[GK8.3.8]**; Bản ghi nhớ hợp tác trao đổi học thuật giữa trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Đại học KHKT và Điện ảnh Sùng Hữu, Đài Loan ký ngày 30/10/2023 **[GK8.3.9]**; Biên bản ghi nhớ giữa trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiến Hành, Đài Loan ký ngày 31/10/2023 **[GK8.3.10]**; Thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và công ty SkillSSG Ventures Pte LTD, Singapore ký ngày 2/7/2024 **[GK8.3.11]**.

Căn cứ nội dung các biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác Nhà trường đã có các hoạt động trong giai đoạn 2021-2024, cụ thể như sau: Tháng 10/2021: Nhà trường đồng tổ chức hội thảo khoa học quốc tế trực tuyến với chủ đề “Quốc tế hóa các nghiên cứu về giáo dục đại học trong bối cảnh đại dịch Covid-19” cùng Đại học Mindoro State, Philippines **[GK.8.3.12]**. Tháng 10/2022: nhà trường tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “Đẩy mạnh chất lượng hợp tác quốc tế đối với các cơ sở giáo dục Đại học khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh hiện nay” với sự tham dự của các trường Đại học Southern Luzon, Mindoro (Philippines), Nakhon Phanom (Thái Lan) **[GK.8.3.13]**. Tháng 1/2024: Nhà trường đã tổ chức chương trình trao đổi hướng nghiệp với đối tác quốc tế đến từ Singapore – công ty SkillSSG Ventures Pte Ltd, Singapore (SSGV) **[GK.8.3.14]**. Tháng 3/2024: Nhà trường đã tổ chức chương trình “Giao lưu quốc tế và kết nối sinh viên với các trường đại học đối tác Đài Loan năm 2024” **[GK8.3.15]**. Tháng 9/2024: Nhà trường đã phối hợp tổ chức chương trình Chương trình “Youth day, pave the way – Thanh niên mở đường tương lai” cùng công ty SkillSSG Ventures Pte Ltd, Singapore (SSGV) **[GK8.3.16]**. Các hoạt động trên đã tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế giữa nhà trường và các đối tác.

Quyết định về hoạt động lựa chọn đối tác tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK8.4.1]** đã đưa ra các tiêu chí đánh giá rõ ràng về hiệu quả hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, cũng như việc phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Cụ thể, sau 06 tháng kể từ ngày ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU), sẽ tiến hành kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện các nội dung đã thỏa thuận với đối tác. Định kỳ hàng năm, sau 12 tháng kể từ ngày ký kết, một cuộc đánh giá toàn diện khác sẽ được thực hiện nhằm kiểm chứng tiến độ và hiệu quả của hợp tác. Các cuộc rà soát này không chỉ cung cấp cơ sở để đánh giá hiệu quả các mối quan hệ đối tác mà còn mở ra cơ hội cho việc cải thiện liên tục, đảm bảo quan hệ hợp tác luôn đạt chất lượng cao nhất.

Các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được tổng kết báo cáo hàng năm bằng văn bản trong đó đã đề cập tới các kết quả đã thực hiện, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; xây dựng kế hoạch và phương hướng thực hiện năm tiếp theo về các mảng của hoạt động đối ngoại. Các báo cáo về công tác đối ngoại, tình hình hội nhập quốc tế đã triển khai, dự kiến kết quả và kế hoạch triển khai năm tiếp theo được Nhà trường định kỳ gửi Sở Ngoại vụ tỉnh Thanh Hoá theo

đúng quy định (Các báo cáo đối ngoại hằng năm gửi Sở Ngoại vụ). **[GK.8.4.2, GK.8.4.3, GK.8.4.4, GK.8.4.5, GK.8.4.6].**

Nhà trường đã từng bước có biện pháp cải thiện mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các đối tác trong nước như tăng cường mời làm việc, trao đổi học thuật; Nhà trường đã tổ chức các đoàn sang các cơ sở giáo dục tại Đài Loan gồm các trường Đại học Khoa học kỹ thuật và Điện ảnh Sùng Hữu, Đại học Huyền Trang, Đại học Khoa học và Kỹ thuật Kiện hành để giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo, sang 2 trường Đại học Southern Luzon và Mindoro State tại Philippines để giao lưu văn hoá, trao đổi kinh nghiệm, trao đổi học thuật **[GK8.4.7, GK8.4.8, GK8.4.9, GK8.4.10].**

Nhà trường đã đồng thời tổng kết và xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng hợp tác và đối tác nghiên cứu từ thực tiễn hoạt động giai đoạn 2021-2024 nhằm đưa ra các kế hoạch và nội dung cải tiến khả thi và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường **[GK8.4.11].**

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	- Trên cơ sở hình thành nhóm nghiên cứu (bám sát theo lĩnh vực đào tạo của nhà trường) tiến tới xây dựng lập kế hoạch thành lập nhóm nghiên cứu mạnh nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế	BGH, Phòng QLKH&HTQT,	2025-2026
2.	- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế với các doanh nghiệp, các cơ sở trong và ngoài nước - Xây dựng hệ thống theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động hợp tác quốc tế hoàn chỉnh, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.	BGH, phòng QLKH&HTQT	2024-2026

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4,5
Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện các thể chế, quy định, công cụ và hướng dẫn về công tác đảm bảo chất lượng, trong đó cần có quy trình chặt chẽ về sự phối hợp đảm bảo chất lượng nội bộ bên trong. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, thủ tục đảm bảo chất lượng cho giảng viên và nhân viên; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về hoạt động đảm bảo chất lượng cho cán bộ, giảng viên và nhân viên nhằm kịp thời đáp ứng nhiệm vụ chiến lược về đảm bảo chất lượng của Trường trong giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện tiếp giai đoạn tiếp theo (2021-2025), Nhà trường cần rà soát Kế hoạch chiến lược về ĐBCL dài hạn, trung hạn và hằng năm. Trong đó, cần tiếp tục thực hiện điều chỉnh, bổ sung các nguồn lực, lộ trình triển khai, các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu chính, mức độ và hướng ưu tiên cho giai đoạn mới. Nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của chuyên gia về chất lượng của các CTĐT; sớm tổ chức các cuộc tập huấn bài bản và quy mô cho cán bộ quản lý chuyên môn và giảng viên về công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các CTĐT.

Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh nội dung, mục tiêu, chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phấn đấu, mức độ ưu tiên, các mốc thời gian thực hiện, ... của Kế hoạch chiến lược về ĐBCL giai đoạn (2020 - 2025) phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường, từ đó xây dựng Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường, của từng đơn vị, đảm bảo tính thống nhất, gắn kết giữa các kế hoạch thành phần với kế hoạch ĐBCL giai đoạn. Cần chú trọng công tác tổng kết, đánh giá hoạt động ĐBCL hằng năm ở các đơn vị/bộ phận; tăng cường công tác tập huấn nâng cao năng lực về ĐBCL cho đội ngũ giảng viên tại các khoa đào tạo.

Nhà trường cần rà soát Quy định/quy trình về rà soát các thủ tục ĐBCL; tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các công cụ, biểu mẫu và hướng dẫn để thực hiện công tác ĐBCL một cách hiệu quả, đầy đủ các lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; tăng cường tuyên truyền phổ biến cho CB, GV, NV và người học về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

Nhà trường cần rà soát chỉ tiêu phân đầu chính; tăng cường sự kết nối giữa Chiến lược ĐBCL, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn. Từ đó, xây dựng các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và các chỉ tiêu phân đầu, bao phủ các lĩnh vực hoạt động và cụ thể cho từng năm; có Báo cáo rà soát, đánh giá riêng cho từng lĩnh vực hoạt động. Nhà trường cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan bên trong khi thiết lập các chỉ tiêu phân đầu chính và sau mỗi lần cải tiến, điều chỉnh chỉ tiêu.

Trên cơ sở định kỳ/thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và các chỉ tiêu phân đầu chính, Nhà trường cần đề xuất các giải pháp thực hiện, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược và các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính nhằm đạt mục tiêu chiến lược đã được xác định.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Để hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong, trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã thực hiện công việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) một cách toàn diện [GK9.1.1]. Nhà trường đã tiến hành xem xét lại các quy định hiện hành để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả trong bối cảnh giáo dục đang thay đổi nhanh chóng. Trong quá trình này, việc phối hợp giữa Phòng KT-ĐBCL với các đơn vị mạng lưới và các tổ ĐBCL tại các đơn vị đã được củng cố một cách chặt chẽ hơn. Điều đó không chỉ nâng cao sự phối hợp mà còn tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả, khuyến khích sự tham gia tích cực từ các tổ đảm bảo chất lượng của các đơn vị trong Nhà trường [GK9.1.2]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các buổi tập huấn và hướng dẫn để phổ biến các quy định và hướng dẫn mới, đảm bảo rằng cán bộ, giảng viên đều nắm rõ và thực hiện đúng các quy trình đã được điều chỉnh. Sự cải tiến này đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo rằng các chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học đều đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng đã đề ra. Những nỗ lực này

không chỉ giúp củng cố hệ thống ĐBCL của Nhà trường mà còn tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai **[GK9.1.3]**.

Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) bên trong nhà trường. Cụ thể, nhà trường tổ chức các buổi họp Hội đồng ĐBCL, Hội đồng tự đánh giá với sự tham gia của chuyên gia, giúp chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm về ĐBCL. Đồng thời, báo cáo sơ kết, tổng kết, cải tiến công tác ĐBCL. Nhiều tài liệu hướng dẫn ĐBCL được gửi qua hệ thống email toàn trường để cung cấp thông tin chi tiết về quy trình và tiêu chuẩn ĐBCL cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, các hoạt động đảm bảo chất lượng được tuyên truyền trực tuyến qua website và mạng xã hội, mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của các bên liên quan. Những hoạt động này đã tạo ra một môi trường tích cực, khuyến khích sự tham gia của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường **[GK9.1.4]**.

Để nâng cao chất lượng dạy và học, cũng như tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể. Trong năm 2023 và 2024, Nhà trường đã tổ chức các chương trình tập huấn dành cho 100% giảng viên và cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng giáo dục. Mục tiêu của các chương trình này là nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo **[GK9.2.1]**. Bên cạnh đó nhà trường cũng đẩy mạnh hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của chuyên gia về chất lượng của các CTĐT; tổ chức các cuộc tập huấn bài bản và quy mô cho cán bộ quản lý chuyên môn và giảng viên về công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng các CTĐT **[GK9.2.2]**.

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung nội dung của kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng (ĐBCL) dài hạn, trung hạn và hàng năm. Các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động ĐBCL đã được ban hành như sau:

- Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số 1405/QĐ-ĐVTDT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.1]**.
- Thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số 1406/QĐ-ĐVTDT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.2]**.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số 1407/QĐ-ĐVTDĐT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.3]**.

- Thành lập hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số 1408/QĐ-ĐVTDĐT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.4]**.

- Ban hành quy định tổ chức và vận hành mạng lưới đảm bảo chất lượng: Quyết định số 1409/QĐ-ĐVTDĐT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.5]**.

- Thành lập các tổ đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trực thuộc: Quyết định số 1410/QĐ-ĐVTDĐT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.6]**.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số 1411/QĐ-ĐVTDĐT, ngày 29/9/2023 **[GK9.3.7]**.

Ngoài ra, Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành các kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục cho các năm học như sau:

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022 – 2023: Kế hoạch số 1337b/KH-ĐVTDĐT, ngày 07/9/2022 **[GK9.3.8]**.

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024: Kế hoạch số 1317/KH-ĐVTDĐT, ngày 11/9/2023 **[GK9.3.9]**.

Để nâng cao chất lượng các báo cáo tổng kết hàng năm về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD), Nhà trường đã chú trọng vào một số vấn đề chính. Trước hết, các báo cáo cần đảm bảo tính đầy đủ và chính xác, phản ánh toàn diện các hoạt động, kết quả đạt được cũng như những khó khăn, tồn tại trong công tác ĐBCLGD. Việc thu thập dữ liệu và thông tin từ các đơn vị liên quan được thực hiện một cách chính xác và kịp thời. Ngoài ra, các báo cáo không chỉ dừng lại ở việc liệt kê các hoạt động mà còn bao gồm phân tích và đánh giá sâu sắc về hiệu quả của các hoạt động đó, giúp xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các giải pháp cải tiến cụ thể. Tính minh bạch và công khai cũng được đảm bảo, cho phép các bên liên quan như cán bộ, giảng viên, sinh viên và các cơ quan quản lý giáo dục có thể tiếp cận và đánh giá, từ đó tạo sự tin tưởng và khuyến khích sự tham gia tích cực trong quá trình cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường cũng đã xây dựng quy trình và tiêu chí thống nhất cho việc lập báo cáo tổng kết, giúp các đơn vị dễ dàng thực hiện và đảm bảo tính đồng bộ. Đồng thời, việc tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên về kỹ năng viết báo

cáo, phân tích số liệu và đánh giá chất lượng cũng được thực hiện, qua đó nâng cao năng lực cho đội ngũ trong quá trình thực hiện báo cáo ĐBCLGD.

Hơn nữa, Nhà trường đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm quản lý và phân tích dữ liệu để hỗ trợ trong việc thu thập, xử lý và trình bày thông tin trong các báo cáo, giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao độ chính xác. Cuối cùng, cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan sau khi công bố báo cáo cũng được thiết lập, nhằm cải tiến nội dung và hình thức báo cáo cho các năm tiếp theo. **[GK9.3.10].**

Nhà trường đã thực hiện xây dựng các biểu mẫu phục vụ công tác ĐBCLGD với đầy đủ nội dung nhằm thống nhất quy trình thực hiện ở các đơn vị trong toàn trường. Các biểu mẫu này được thiết kế rõ ràng, dễ sử dụng và bao gồm các thông tin cần thiết như tên đơn vị, thời gian thực hiện, các hoạt động đã triển khai, kết quả đạt được, khó khăn gặp phải và các đề xuất cải tiến. Việc áp dụng cùng một định dạng biểu mẫu giúp đảm bảo tính đồng bộ, dễ dàng so sánh và tổng hợp thông tin từ các đơn vị khác nhau. Đồng thời, nhà trường cũng cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết để cán bộ, giảng viên có thể nắm rõ cách thức thực hiện, từ đó nâng cao hiệu quả công tác ĐBCL trong toàn trường **[GK9.4.1],[GK9.4.2],[GK9.4.3]**. Bên cạnh đó nhà trường cũng tăng cường tuyên truyền phổ biến cho CB, GV, NV và người học về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL bằng nhiều hình thức khác nhau như: sinh hoạt chuyên môn tại phòng, khoa, trung tâm; đăng tải thông tin trên trang website của nhà trường.... **[GK9.4.4]**

Nhằm thiết lập các chỉ tiêu phấn đấu chính để có kế hoạch cải tiến và điều chỉnh, nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường cũng tăng cường sự kết nối giữa chiến lược ĐBCL, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, từ đó xây dựng các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và các chỉ tiêu phấn đấu, bao phủ các lĩnh vực hoạt động và cụ thể cho từng năm; có Báo cáo rà soát, đánh giá riêng cho từng lĩnh vực hoạt động **[GK9.5.1], [GK9.5.2]**. Kết quả này cũng được đưa vào báo cáo tổng kết năm học và kết luận của các phiên họp Đảng ủy, HĐSP nhà trường **[GK9.5.3]**.

Nhà trường đang triển khai một loạt giải pháp nhằm thực hiện và điều chỉnh các chỉ số/chỉ báo để đạt được mục tiêu chiến lược phát triển. Trước hết, nhà trường đã xây dựng hệ thống chỉ tiêu rõ ràng và cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động như đào tạo,

nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để đảm bảo tính khả thi, nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát và đánh giá định kỳ, thu thập ý kiến từ sinh viên, giảng viên và các bên liên quan, từ đó điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp với thực tiễn [GK9.6.1]. Đồng thời, nhà trường cũng tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý [GK9.6.2].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Hoàn thiện và ban hành Chiến lược phát triển trường Đại học VH TT&DL Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	Hội đồng trường	Năm 2024

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4.17
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	4
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể, đề ra các giải pháp phù hợp; bổ sung nguồn lực, mốc thời gian thực hiện; cần chú ý đến các tiêu chí có mức đánh giá thấp (mức 3/7). Điều chỉnh lộ trình, kế hoạch TĐG và ĐGN các CTĐT phù hợp, đáp ứng yêu cầu khách quan và điều kiện thực tế của Trường.

Nhà trường cần tăng cường công tác truyền thông để các bên liên quan (trong và ngoài Trường) tiếp tục tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng sau khi ĐGN.

Nhà trường cần có kế hoạch cử cán bộ chuyên trách về ĐBCL, cán bộ có đủ điều kiện theo quy định hiện hành, tham gia làm QSV tại các đợt ĐGN CTĐT để có thêm kinh nghiệm thực tiễn về công tác chuẩn bị (hồ sơ, nguồn lực,...) nhằm tham mưu cho Nhà trường trong công tác TĐG và ĐGN các CTĐT; mời chuyên gia độc lập, tập huấn cho CB, GV và NV về công tác TĐG các CTĐT; cử cán bộ dự thi lấy thẻ KĐV.

Nhà trường cần tiếp tục rà soát tổng thể các lĩnh vực hoạt động, chú ý các tiêu chí TĐG và ĐGN ở mức thấp (mức 3); kịp thời bổ sung các nguồn lực, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc hoạt động ĐGN; có tổng kết, đánh giá sự tác động và tính hiệu quả của việc điều chỉnh, bổ sung các chính sách, quy trình và thủ tục ĐBCL. Cần chú trọng phân tích nguyên nhân các điểm tồn tại và đề ra được các giải pháp khắc phục có tính khả thi.

Trên cơ sở đánh giá quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị cho ĐGN cấp CSGD, Nhà trường cần đề xuất quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CTĐT; cần có kế hoạch cử cán bộ có đủ điều kiện theo quy định hiện hành, tham gia làm quan sát viên tại các đợt ĐGN CTĐT để có thêm kinh nghiệm thực tiễn về công tác chuẩn bị (hồ sơ, nguồn lực,...); cần đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT (các phần mềm chuyên dụng) vào công tác ĐBCL nói chung, công tác TĐG và ĐGN nói riêng; mời chuyên gia tập huấn cho CB, GV và NV về công tác TĐG các CTĐT.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Sau hoạt động ĐGN cấp CSGD, Nhà trường đã tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục, quy trình và kế hoạch TĐG **[GK10.1.1]**. Thực hiện ĐGN các CTĐT từ năm 2022 đến 2024, Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá 12 CTĐT (*tỷ lệ 57% CTĐT được kiểm định*) và được kiểm định thành công bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh **[GK10.1.2]**. Cụ thể như sau: Năm 2022, Nhà trường thực hiện tự đánh giá 04 CTĐT ngành: Quản lý nhà nước, Giáo dục mầm non, Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm âm nhạc. Năm 2023, Nhà trường thực hiện tự đánh giá 04 CTĐT ngành: Luật, Ngôn ngữ Anh, Quản trị khách sạn, Thanh nhạc. Năm 2024, Nhà trường thực hiện tự đánh giá 04 CTĐT ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thông tin thư viện, Quản lý thể dục thể thao, Du lịch. Dự kiến trong năm 2025, Nhà trường tiếp tục đánh giá và đăng ký kiểm định 3 đến 4 CTĐT, trong đó có 02 CTĐT thạc sỹ và từ 1-2 CTĐT đại học.

Nhà trường đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức, kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN như: xin ý kiến góp ý các bên liên quan nhằm cải tiến chất lượng sau ĐGN đầy đủ và sâu rộng; thông báo qua email đến lãnh đạo nhà trường, Hội đồng trường, các đơn vị trong toàn trường, đăng website của nhà trường; các tổ ĐBCLGD đã triển khai các hoạt động ĐBCLGD tại các đơn vị trong trường; đơn đốc báo cáo công tác cải tiến chất lượng sau ĐGN, phòng KT-ĐBCLGD tổng hợp và báo cáo lãnh đạo nhà trường hàng năm. **[GK10.1.3].**

Với những kết quả đạt được Nhà trường đã có những thay đổi hiệu quả về công tác xây dựng kế hoạch và công tác truyền thông đến các bên liên quan để tạo động lực triển khai hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng của Nhà trường trong những năm qua.

Để nâng cao hiệu quả về công tác ĐBLG các hoạt động của nhà trường đồng thời đáp ứng các yêu cầu của hoạt động TĐG CSGD và các CTĐT từ các năm 2022 đến 2024 nhà trường tiếp tục cử cán bộ, giảng viên, chuyên viên đi học tập, bồi dưỡng tập huấn để nâng cao trình độ, cụ thể: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cử CBGV tham gia các đợt tập huấn của Bộ GDĐT về công tác ĐBCLGD, kiểm định. Xây dựng kế hoạch tập huấn cho CBGV toàn trường về phát triển CTĐT năm 2022; 2023 **[GK10.2.1]**. Từ năm 2022-2024, nhà trường cử thêm 02 cán bộ tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng KĐV và tham gia quan sát viên tại các đợt ĐGN cấp CTĐT để học hỏi kinh nghiệm **[GK10.2.2]**. Năm 2023, Nhà trường đã cử 01 cán bộ thi lấy thẻ KĐV khi có kế hoạch của Cục QLCL tổ chức tuy nhiên kết quả chưa đạt. **[GK10.2.3]**. Năm 2023, Nhà trường đã cử 01 chuyên viên tham gia khóa học thạc sỹ về “Đo lường và Đánh giá trong Giáo dục” tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội **[GK10.2.4]**. Năm 2023, Nhà trường đã mời chuyên gia tập huấn cho CBGV và NV về phương pháp dạy học và đánh giá trong giáo dục **[GK10.2.5]**.

- Sau các hoạt động ĐGN cấp CSGD và các CTĐT, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ĐBCL hàng năm học và các kế hoạch cải tiến chất lượng về CSGD và CTĐT để thực hiện các hoạt động cải tiến đặc biệt là các tiêu chí, tiêu chuẩn ở mức thấp (mức 3). Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát các hoạt động cải tiến chất lượng CSGD và CTĐT sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch, phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Phòng KT-ĐBCLGD là đơn vị đầu mối, theo dõi, đơn đốc các đơn vị yêu cầu các đơn vị thuộc các lĩnh vực hoạt động có kế hoạch rà soát báo cáo TĐG và ĐGN

các tiêu chí có mức đánh giá thấp để triển khai việc cải tiến chất lượng theo dõi và thực hiện theo đúng kế hoạch. Kết quả thực hiện đạt được thể hiện qua các báo cáo về công tác ĐBCL các năm học và thông qua chương trình, báo cáo giám sát các hoạt động cải tiến chất lượng của Nhà trường **[GK10.3.1]**. Phòng Thanh tra có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động sau ĐGN ở các đơn vị theo tiến độ kế hoạch đã đề ra **[GK10.3.2]**.

Đối với các quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị cho ĐGN cấp CSGD và các CTĐT trước năm 2020 việc thực hiện quy trình TĐG được Nhà trường thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để thực hiện các hoạt động TĐG được thống nhất và hiệu quả, năm 2023 nhà trường đã tiến hành rà soát và ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL trong đó có quy trình về TĐG CSGD và các CTĐT **[GK10.4.1]**. Năm 2024 nhà trường đã triển khai hoạt động số hóa các hồ sơ, minh chứng cho hoạt động TĐG để các đơn vị, các nhóm chuyên trách và đoàn ĐGN dễ dàng tìm kiếm, tra cứu thông tin một cách thuận lợi nhất **[GK10.4.02]**.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục rà soát hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về công tác TĐG và ĐGN	Phòng KT&ĐBCLGD	Giai đoạn 2024-2027
2.	Tiếp tục tham mưu cử CBGV tham gia các lớp đào tạo cấp chứng chỉ/ thẻ kiểm định viên KĐCLGD do Cục QLCL tổ chức	Phòng KT&ĐBCLGD	Giai đoạn 2024-2026

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4.75
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần quy định, hướng dẫn cụ thể và chi tiết về cách thức thực hiện lấy ý kiến phản hồi đối với từng đối tượng cần khảo sát. Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ cần được đầu tư thiết kế, xây dựng phù hợp với từng đối tượng để khai thác tối đa chất lượng của các ý kiến góp ý, phản hồi

Hệ thống thông tin tổng thể bao phủ toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường cần được khẩn trương đầu tư thiết kế, xây dựng và đưa vào vận hành trên cơ sở tích hợp, liên thông, liên kết, mở rộng các phần mềm quản lý tác nghiệp tại các đơn vị. Cổng thông tin điện tử cần được nâng cấp, bổ sung nhiều chức năng, liên thông với các phần mềm tác nghiệp để trở thành nơi tương tác hiệu quả giữa Nhà trường với người học và các bên liên quan.

Nhà trường cần triển khai, huy động nguồn kinh phí để đầu tư, nâng cấp hệ thống bảo mật bằng phần cứng và phần mềm cho các máy chủ, máy trạm và toàn bộ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, đảm bảo toàn vẹn dữ liệu từ những nguy cơ xâm nhập bất hợp pháp

Nhà trường cần đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh có cơ chế đặc thù, tạo điều kiện về nguồn ngân sách, dự án đầu tư CSVN, trang thiết bị để Trường có cơ sở thực hiện những bước đột phá, tạo đà cho sự lớn mạnh và phát triển bền vững.

Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan cần được Nhà trường chú trọng đầu tư. Mẫu phiếu khảo sát cần được thiết kế, xây dựng phù hợp, hiệu quả nhằm khai thác tối đa những đóng góp có giá trị phục vụ bổ sung, điều chỉnh, cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL bên trong.

Nhà trường cần thực hiện định kỳ, chuyên sâu việc thống kê, đánh giá, phân tích thông tin ĐBCL bên trong để sử dụng, khai thác và tận dụng tối đa giá trị của thông tin, dữ liệu vào việc hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục năm 2021, Nhà trường đã điều chỉnh và ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (BLQ). Theo đó, từng đối tượng cần khảo sát được Nhà trường xác định và nêu rõ yêu cầu về trách nhiệm của các bên liên quan, nội dung các hoạt động khảo sát, các bước tiến hành khảo sát, công

cụ khảo sát, hình thức và quy mô khảo sát **[GK11.1.1]**. Năm 2024, để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động khảo sát các bên liên quan, Nhà trường tiếp tục tiến hành xây dựng và ban hành hướng dẫn thực hiện khảo sát các bên liên quan, đồng thời cập nhật và cải tiến mẫu phiếu khảo sát ở các hoạt động: phát triển chương trình đào tạo, thư viện, cơ sở vật chất, giảng dạy, tư vấn tuyển sinh, lựa chọn người học, hỗ trợ người học, phục vụ cộng đồng,... **[GK11.1.2]**.

Nhà trường đã từng bước tập trung nguồn lực để đầu tư thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin trong toàn Trường theo hướng hoàn thiện dần nhằm đảm bảo với yêu cầu nguồn lực hiện có của Nhà trường. Cụ thể, năm học 2022-2023, Nhà trường đã tiến hành nâng cấp, sửa chữa hệ thống wifi tại các giảng đường B, C và Nhà Hiệu bộ; bổ sung lắp đặt mới hệ thống wifi cho các khu Nhà thực hành đa năng, Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ người học và Quan hệ Doanh nghiệp, Nhà biểu diễn **[GK11.2.1]**; đầu tư mua mới phần mềm quét đạo văn **[GK11.2.2]**; nâng cấp bảo mật và an toàn cho hệ thống tên miền **[GK11.2.3]**. Năm học 2023-2024, Nhà trường tiếp tục cải tạo và nâng cấp hệ thống trang thông tin điện tử của Nhà trường, thiết kế mới trang thông tin tuyển sinh thay thế cho fanpage, xây dựng mới các trang thông tin điện tử cho các đơn vị, cho tạp chí khoa học; tạo mối liên thông giữa các trang thông tin điện tử của các đơn vị với trang thông tin của Trường, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng viên và người học tương tác với hệ thống, với Nhà trường **[GK11.2.4]**;

Từ năm 2022 đến 2024, Nhà trường đã quan tâm và dành nguồn đầu tư cho phát triển, nâng cấp hệ thống phần mềm, phần cứng máy chủ (máy tính server và đường truyền) và phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi và tổ chức thi học phần; cài đặt và nâng cấp phiên bản mới cho phần mềm quản lý thư viện DSpace, nâng cấp phần cứng máy chủ phục vụ thi chứng chỉ CNTT tại Trung tâm NN-TH,...**[GK11.3.1]**. Tuy nhiên, lĩnh vực đầu tư về hạ tầng CNTT và các thiết bị công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thu thập và khai thác hệ thống thông tin bên trong Nhà trường vẫn chưa có nguồn kinh phí lớn để đầu tư đồng bộ với quy mô toàn trường. Từ năm 2025 đến 2030, Nhà trường từng bước phân đầu dành nguồn lực đầu tư cho hạ tầng CNTT với khả năng nguồn lực tài chính tự cân đối của Nhà trường, bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục kêu gọi UBND tỉnh, các sở, Ban, Ngành, các nhà đầu tư để tiếp tục ủng hộ, ưu tiên dành nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển CSVC và trang thiết bị công nghệ của Nhà trường đáp ứng phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

Đề tạo cơ sở cho Nhà trường có những phát triển đột phá và bền vững, từ năm 2022-2024, thông qua các kỳ họp của Hội đồng Nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Nhà trường đã có những kiến nghị, đề xuất về việc tăng cường đầu tư về nguồn ngân sách, dự án cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Kết quả cho thấy trong các năm học 2022-2023 và 2023-2024, Nhà trường đã được UBND tỉnh đầu tư để nâng cấp sân, đường, khuôn viên nội bộ trong Trường **[GK11.4.1]**; năm học 2023-2024, 2024-2025 Nhà trường tiếp tục được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư sân bóng đá, bể bơi phục vụ chung cho người học toàn trường và các trang thiết bị phục vụ cho ngành thể dục thể thao **[GK11.4.2]**.

Nhà trường đã thực hiện bổ sung, điều chỉnh và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất bên trong, Nhà trường đã chỉnh sửa, ban hành quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan theo Quyết định số 1184b /QĐ-ĐVTDT ngày 05/10/2021, Quyết định số 1184/QĐ-ĐVTDT ngày 05/10/2023 **[GK11.5.1]**; ban hành quy trình xây dựng và cải tiến mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan theo Quyết định số 1243b/QĐ-ĐVTDT ngày 15 tháng 10 năm 2021 **[GK11.5.2]**. Hằng năm, Nhà trường đã từng bước thực hiện cải tiến các mẫu phiếu khảo sát nhằm khai thác tối đa hiệu quả những ý kiến đóng góp có giá trị của các bên liên quan đối với các lĩnh vực: hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động tuyển sinh, tuyển chọn và hỗ trợ người học, hoạt động đào tạo của nhà trường, hoạt động về thư viện, cơ sở vật chất phòng học, phòng thực hành và thí nghiệm,...**[GK11.5.3]**, **[GK11.5.4]**.

Để thực hiện chuyên sâu thống kê, đánh giá, phân tích thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, Năm 2023, Nhà trường đã bổ sung quy định về mức độ đánh giá kết quả khảo sát theo thang đo likert 5 mức theo quyết định số 1184/QĐ-ĐVTDT ngày 05/10/2023 về việc Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK11.6.1]**. Định kỳ hằng năm, Nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng **[GK11.6.2]**; tổng hợp, báo cáo tổng kết kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bên trong **[GK11.6.3]**. Bên cạnh đó, thông qua thu thập thông tin từ các báo cáo kết quả hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; báo cáo của các hoạt động chuyên môn từ các đơn vị trong Nhà trường, Nhà trường đã có các điều chỉnh định kỳ trong việc rà soát các quy định, quy trình, kế hoạch về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo	Phòng QLĐT, Trung tâm NNTH	2024-2027
2.	Đề xuất UBND tỉnh đầu tư nguồn lực tài chính cho phát triển hệ thống thông tin và hạ tầng CNTT trong toàn trường đáp ứng đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong giáo dục	BGH, các đơn vị trong trường	2024-2027

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	4.25
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng**1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD:**

Nhà trường cần xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng lĩnh vực hoạt động, có chỉ tiêu phấn đấu cụ thể (KPIs); có bộ phận định kỳ/thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng tại mỗi đơn vị/lĩnh vực; hằng năm, có tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

Nhà trường cần rà soát, bổ sung các nội dung đối sánh, tiêu chí lựa chọn đối tác (trong và ngoài nước) theo từng lĩnh vực hoạt động (ĐT, NCKH, PVCD). Trong đó, cần chú ý đến các nguồn lực để thực hiện công tác đối sánh chất lượng một cách hiệu quả; tham khảo CTĐT của các CSGD uy tín trong và ngoài nước, có lộ trình xây dựng các CTĐT tiên tiến/chất lượng cao, sau đại học.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch đối sánh cho từng lĩnh vực cụ thể (ĐT,

NCKH, PVCD); trên cơ sở rà soát thể mạnh của từng đối tác để lựa chọn nội dung đối sánh phù hợp nhằm có tác động hiệu quả cho việc đề ra kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng sau đối sánh. Chú trọng đến việc sử dụng kết quả đối sánh để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo các hoạt động đảm bảo chất lượng.

Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng đã ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ-ĐVTDT ngày 11/6/2015. Sớm ban hành *Quy định về việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh* để thực hiện rà soát và báo cáo sau quá trình rà soát một cách đầy đủ, bài bản tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Trên cơ sở rà soát, Nhà trường cần điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, chuẩn hóa việc sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh để phù hợp tình hình thực tế của Nhà trường nhằm liên tục đạt được kết quả tốt nhất trong DT, NCKH và PVCD.

Nhà trường cần có các Báo cáo đánh giá kết quả DT, NCKH và PVCD trước và sau mỗi lần cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh để làm cơ sở cho lần cải tiến tiếp theo.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Để nâng cao chất lượng các hoạt động về DT, NCKH và PVCD của Trường, trong giai đoạn 2021-2024, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành các quy định và chính sách, cụ thể:

Đối với hoạt động ĐBCL, Nhà trường đã ban hành và triển khai Kế hoạch cải tiến ĐBCL giáo dục sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục giai đoạn 2022-2027 với các chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực, tiêu chuẩn, tiêu chí nhằm khắc phục những hạn chế theo các khuyến nghị của Đoàn ĐGN; Ban hành Quy định hoạt động ĐBCL kèm theo các quyết định về việc thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục, Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, Thành lập Hệ thống mạng lưới Đảm bảo chất lượng giáo dục, Quy định tổ chức và vận hành mạng lưới Đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường, Thành lập các Tổ đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trực thuộc Nhà trường [GK12.1.1].

Đối với hoạt động đào tạo, Nhà trường đã ban hành triển khai các hoạt động tập huấn, hướng dẫn triển khai kế hoạch để tiến hành rà soát, tự đánh giá các CTĐT, tập

huân phương pháp dạy học và đánh giá trong giáo dục đảm bảo đúng, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tiêu chuẩn về kiểm định CTĐT, ban hành Khối lượng, cấu trúc CTĐT và Kế hoạch giảng dạy các ngành đào tạo trình độ đại học **[GK12.1.2]**.

Đối với hoạt động KH-CN: Nhà trường đã xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ; Chính sửa và ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường **[GK12.1.3]**.

Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ, thi đua, khen thưởng, đánh giá xếp loại viên chức và tài chính, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động theo từng năm học đồng thời báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm tiếp theo cho Ban tổ chức tỉnh ủy; ban hành Quy định Hỗ trợ đãi ngộ và thu hút đối với cán bộ giảng viên, viên chức có trình độ cao; Điều chỉnh Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; Phê duyệt Quy chế Đánh giá và xếp loại chất lượng Tập thể, Viên chức, Lao động hợp đồng; ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng; Chính sửa Quy chế chi tiêu nội bộ, đặc biệt nâng mức hỗ trợ cho GV tham gia học NCS, hỗ trợ cho hoạt động KĐCL và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng khác **[GK12.1.4]**.

Để nâng cao chất lượng, các hoạt động đối sánh chất lượng cũng được Nhà trường triển khai đồng bộ theo năm học hoặc định kỳ. Nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung các nội dung đối sánh, tiêu chí lựa chọn đối tác (trong và ngoài nước) theo từng lĩnh vực hoạt động (ĐT, NCKH, PVCD). Xác định các nội dung đối sánh, thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng ở các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như: Lĩnh vực hành chính, nhân sự; lĩnh vực Cơ sở vật chất, trang thiết bị; lĩnh vực đào tạo; lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; lĩnh vực hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng; lĩnh vực tài chính; lĩnh vực đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng **[GK12.2.1]**. Đồng thời Nhà trường cũng tham khảo CTĐT của các CSGD uy tín trong và ngoài nước, có lộ trình xây dựng các CTĐT tiên tiến/chất lượng cao, sau đại học. Kết quả đạt được: hoàn thành kiểm định 12 CTĐT; mở mới 04 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ **[GK12.2.2]**.

Trong giai đoạn 2021-2024, Nhà trường đã xây dựng và triển khai hoạt động đối sánh trên tất cả các lĩnh vực của Trường (ĐT, NCKH, và PVCD) **[GK12.3.1]**. Đặc biệt

trong giai đoạn này 100% các CTĐT của Nhà trường được đối sánh với các CTĐT của các CSGD đại học có uy tín trong nước [GK12.3.2]. Các lĩnh vực khác như tuyển sinh, NCKH, các chế độ chính sách... cũng được các đơn vị chức năng trong Trường thực hiện đối sánh qua những lần TĐG các CTĐT [GK12.3.3]. Các kết quả đối sánh là một trong những căn cứ để Nhà trường điều chỉnh các chính sách nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động.

Sau khi rà soát các lĩnh vực, tiêu chí đối sánh, hiện nay Nhà trường đã giao cho ban hành Quy định về việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như: Lĩnh vực hành chính, nhân sự; lĩnh vực Cơ sở vật chất, trang thiết bị; lĩnh vực đào tạo; lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; lĩnh vực hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng; lĩnh vực tài chính; lĩnh vực đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng với các tiêu chí lựa chọn đối tác và quy trình thực hiện rõ ràng, đầy đủ, bài bản tất cả các lĩnh vực hoạt động [GK12.4.1].

Trên cơ sở rà soát, Nhà trường đã điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn đối tác đối sánh là các cơ sở giáo dục khác đặc biệt là đối tác cơ sở giáo dục nước ngoài trong giai đoạn 2021-2024, cụ thể: Biên bản ghi nhớ ký kết giữa Nhà trường với Trường MinSu (Philippines) ngày 15/08/2022; Biên bản ghi nhớ ký giữa Nhà trường với đại học Southern Luzon (Philippines) ký ngày 27/04/2022; Thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường với Đại học Hsuan Chuang (Huyện Trang), Đài Loan ký ngày 31/10/2023; biên bản ghi nhớ giữa Nhà trường với trường Đại học Nakhon Phanom, Thái Lan ký ngày 02/11/2021; biên bản ghi nhớ giữa Nhà trường với công ty SkillSSG Ventures Pte LTD, Singapore ký ngày 04/05/2023; bản ghi nhớ hợp tác trao đổi học thuật giữa Nhà trường với Đại học KHKT và Điện ảnh Sùng Hữu, Đài Loan ký ngày 30/10/2023; biên bản ghi nhớ giữa Nhà trường với Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiện Hành, Đài Loan ký ngày 31/10/2023; Biên bản ghi nhớ giữa Nhà trường và công ty SkillSSG Ventures Pte LTD, Singapore ký ngày 2/7/2024 [GK12.5.1].

Trong giai đoạn 2021 đến nay, Nhà trường đã có các Báo cáo đánh giá kết quả so chuẩn, đối sánh về phát triển CTĐT, NCKH và PVCĐ. Đây chính là một trong những căn cứ để Nhà trường điều chỉnh các chính sách nhằm không phát triển, nâng cao chất lượng các hoạt động và là cơ sở cho lần cải tiến tiếp theo [GK12.5.2].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Tuy đã thực hiện xây dựng Quy định về việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh tuy nhiên việc thực hiện so chuẩn và đối sánh các lĩnh vực hoạt động của nhà trường còn nhiều khó khăn vướng mắc. Nguyên nhân là do Nhà trường là trường đại học địa phương, với nhiều ngành đặc thù dẫn đến khó khăn trong việc lựa chọn các trường đối tác phù hợp về quy mô và các ngành đào tạo để thực hiện đối sánh.

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1	Tiếp tục rà soát các lĩnh vực, tiêu chí đối sánh, lựa chọn đối tác đối sánh phù hợp với tính đặc thù của Nhà trường, giúp cho việc đối sánh các hoạt động của trường được triển khai một cách toàn diện và đạt kết quả cao	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trong năm 2025
2	Tiếp tục rà soát, tổng hợp, thực hiện các báo cáo đánh giá kết quả đối sánh về lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ để làm cơ sở cho lần cải tiến tiếp theo	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trong năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4.0
Tiêu chí 12.1	4.0
Tiêu chí 12.2	4.0
Tiêu chí 12.3	4.0
Tiêu chí 12.4	4.0
Tiêu chí 12.5	4.0

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần đa dạng các phương thức truyền thông về tuyển sinh, tận dụng nguồn lực cựu sinh viên, đặc biệt là những cựu sinh viên đã thành danh, có ảnh hưởng trong xã hội để thúc đẩy hoạt động quảng bá hình ảnh của Trường đến các đối tượng tuyển sinh.

Các văn bản quản lý, điều hành công tác tuyển sinh ở tất cả các đối tượng cần được xây dựng, sắp xếp có hệ thống, lưu trữ khoa học để phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu theo quy định.

Nhà trường cần rà soát và điều chỉnh quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, phân định rõ chức năng nhiệm vụ cho các cá nhân và bộ phận liên quan để tránh sự chồng chéo khi tác nghiệp.

Nhà trường cần cải tiến hệ thống lưu trữ văn bản nói chung và văn bản liên quan đến hoạt động đánh giá tuyển sinh, nhập học một cách hệ thống, bài bản phục vụ công tác tra cứu, thanh tra, kiểm tra và đảm bảo hồ sơ, dữ liệu tuyển sinh, nhập học được lưu trữ đủ thời gian theo quy định của pháp luật.

Nhà trường cần định kỳ cải tiến, cập nhật công tác tuyển sinh và nhập học để có những bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm đạt mục tiêu tuyển sinh theo kỳ vọng. Cần quan tâm khảo sát mức độ hài lòng và những góp ý của các bên liên quan cho công tác tuyển sinh và nhập học.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Trong giai đoạn 2022-2024, Nhà trường đã ban hành và triển khai các kế hoạch truyền thông để quảng bá hình ảnh và nâng cao hiệu quả tuyển sinh **[GK.13.01.01]**. Đồng thời, cũng nỗ lực đa dạng hóa các phương thức truyền thông và khai thác tối đa nguồn lực cựu sinh viên nhằm tăng cường hiệu quả quảng bá hình ảnh và thu hút thí sinh, cụ thể:

- Đa dạng hóa **truyền thông số**: Nhà trường tiến hành đổi mới website chính thức và trang tuyển sinh để cải thiện hình ảnh và thông tin. Thành lập Ban Truyền thông của Nhà trường, lựa chọn các cán bộ có năng lực viết tin, kỹ thuật đưa tin hình ảnh, video để cập nhật thường xuyên các hoạt động của nhà trường lên các trang website, mạng xã hội,...Đồng thời, triển khai kế hoạch quảng bá fanpage Facebook; tổ

chức cuộc thi thiết kế poster trên fanpage Facebook **[GK.13.01.02]**;

- Hợp tác truyền thông: Phối hợp với Báo Thanh Hóa điện tử livestream đối thoại trực tuyến tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp, đăng cai và tổ chức các giải bóng đá sinh viên Thanh Hóa, giải bóng đá 7 người cúp Doanh nhân trẻ. Nhà trường cũng livestream các sự kiện nổi bật trên các trang mạng xã hội có lượng người theo dõi lớn như Thanh Hóa 36 và Phôi Bóng Đá **[GK.13.01.03]**.

- Truyền thông qua báo chí và truyền hình: Nhà trường thường xuyên hợp tác với các cơ quan báo chí, đài truyền hình địa phương để đăng tin bài, phóng sự giới thiệu về các chương trình đào tạo, hoạt động của trường **[GK.13.01.04]**.

- Tổ chức các chương trình **tư vấn tuyển sinh trực tiếp**: Hàng năm nhà trường đều xây dựng và triển khai kế hoạch tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT trên địa bàn toàn tỉnh **[GK.13.01.05]**; Năm 2024, nhà trường đã tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa và các huyện lân cận trực tiếp tại trường để tăng cường sự kết nối trực tiếp với thí sinh **[GK.13.01.06]**.

- Cải thiện các tài liệu và ấn phẩm truyền thông: Nhà trường đã cập nhật hình ảnh banner, tờ rơi tuyển sinh phù hợp với đề án hàng năm, thiết kế các vật phẩm tặng quà cho các bạn Tân sinh viên, cựu sinh viên, các học sinh trường THPT trong tỉnh như: các túi vải, quạt cầm tay, áo phông, sổ ghi chép có thông tin về Nhà trường **[GK.13.01.07]**. Ngoài ra, sổ tay tuyển sinh được ban hành và gửi đến các cán bộ phụ trách tại các trường THPT **[GK.13.01.08]**. Năm 2024, video clip giới thiệu về trường được xây dựng với 4 phiên bản ngôn ngữ: Tiếng Việt, Tiếng Anh, Tiếng Lào và tiếng Đài Loan **[GK.13.01.09]**.

- Tận dụng nguồn lực cựu sinh viên: Nhà trường đã thành lập và mở rộng mạng lưới cựu sinh viên, đặc biệt là những cựu sinh viên thành danh trong xã hội **[GK.13.01.10]**. Những cựu sinh viên này tham gia tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, đồng thời đóng góp vào các chiến dịch truyền thông và quảng bá hình ảnh của trường qua các sự kiện và mạng xã hội **[GK.13.01.11]**.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ và nội quy khai thác tài liệu lưu trữ của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa để thực hiện quản lý, lưu trữ các văn bản trên mọi mặt hoạt động trong đó có hoạt động tuyển sinh đảm bảo đúng với quy định cũng như thực tế tại trường. Tất cả văn

bản đều được số hóa và lưu trữ tại bộ phận văn thư lưu trữ trực thuộc phòng Hành chính – Tổng hợp, giúp việc tra cứu nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời, các văn bản về tuyển sinh cũng được số hóa, lưu trữ dưới dạng file pdf và bản cứng tại phòng Truyền thông và Tuyển sinh; phòng Quản lý Đào tạo **[GK.13.02.01]**.

Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể quy trình tuyển sinh và nhập học, và điều chỉnh quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tránh tình trạng chồng chéo nhiệm vụ giữa các cá nhân và bộ phận liên quan **[GK.13.03.01]**. Quy trình tuyển sinh và nhập học đã được chuẩn hóa lại, đảm bảo từng phòng ban có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, phân định cụ thể chức năng của từng bộ phận **[GK.13.03.02]**.

Để đảm bảo việc cải tiến hệ thống lưu trữ văn bản một cách hệ thống và bài bản, phục vụ công tác tra cứu, thanh tra, kiểm tra, và đảm bảo hồ sơ tuyển sinh, nhập học được lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật, Nhà trường đã tiến hành **rà soát toàn bộ hệ thống lưu trữ hiện có**, kiểm tra và đánh giá tình hình lưu trữ tài liệu hiện tại, bao gồm cả tài liệu giấy và điện tử. **[GK.13.04.01]**, ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ và nội quy khai thác tài liệu lưu trữ của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa để thực hiện quản lý, lưu trữ các văn bản trên mọi mặt hoạt động trong đó có hoạt động tuyển sinh đảm bảo đúng với quy định cũng như thực tế tại trường **[GK.13.04.02]**. Tất cả văn bản đều được số hóa và lưu trữ tại bộ phận văn thư lưu trữ trực thuộc phòng Hành chính – Tổng hợp, phòng tuyển sinh và phòng quản lý đào tạo **[GK.13.04.03]**.

Trong giai đoạn 2022-2024, Nhà trường đã chú trọng cải tiến và cập nhật công tác tuyển sinh và nhập học nhằm đạt các mục tiêu đề ra, đồng thời đáp ứng nhanh chóng các thay đổi trong thực tiễn. Hàng năm, nhà trường tổ chức các hội nghị tổng kết để rà soát, đánh giá toàn bộ quy trình tuyển sinh và nhập học **[GK.13.05.01]**. Những vấn đề phát sinh được phân tích kỹ lưỡng để điều chỉnh kịp thời, đảm bảo quy trình phù hợp với xu hướng giáo dục và nhu cầu lao động **[GK.13.05.02]**. Định kỳ, nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của tân sinh viên và cán bộ giảng viên về công tác tuyển sinh và nhập học. Kết quả khảo sát giúp nhà trường nhận diện rõ điểm mạnh, yếu trong công tác tuyển sinh và nhập học, từ đó có những giải pháp cải thiện hoạt động tuyển sinh **[GK.13.05.03]**, **[GK.13.05.04]**. Các kênh truyền thông tuyển sinh như website, mạng xã hội và chương trình tư vấn trực tiếp cũng được Nhà trường đổi mới, nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông, đặc biệt là cung cấp thông tin

về các ngành học mới và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp [GK.13.05.05], [GK.13.05.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường cải thiện quy trình nhập học, tăng cường tư vấn và hướng dẫn thí sinh thực hiện thủ tục nhập học dễ dàng. Các buổi định hướng cho tân sinh viên được tổ chức ngay sau khi nhập học, giúp sinh viên hòa nhập nhanh chóng với môi trường đại học [GK.13.05.07], [GK.13.05.08].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân.

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Mở rộng lấy ý kiến về công tác tuyển sinh để cải tiến nâng cao chất lượng tuyển sinh của nhà trường.	Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm 2025
2.	Thiết lập mối quan hệ với các kênh truyền thông quốc gia (ví dụ: Báo Tuổi Trẻ, Dân trí) và đài truyền hình các tỉnh lân cận để quảng bá tuyển sinh	Phòng Truyền thông và tuyển sinh	Từ năm 2025
3.	Mở rộng đối tượng khảo sát lấy ý kiến phản hồi của phụ huynh về công tác tuyển sinh và nhập học của nhà trường	Phòng Truyền thông và tuyển sinh	Từ năm 2025
4.	Phát triển mạng lưới cựu sinh viên không chỉ dừng lại ở việc tham gia tư vấn tuyển sinh, mà còn hỗ trợ về phát triển hình ảnh và danh tiếng của nhà trường	Phòng Truyền thông và tuyển sinh, các Khoa	Từ năm 2025
5.	Tiếp tục cải tiến website và trang fanpage của nhà trường, bổ sung các nội dung đa dạng về chương trình đào tạo, cơ hội nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế từ sinh viên, giảng viên	Phòng Truyền thông và tuyển sinh, phòng QLKH & HTQT	Từ năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5.0
Tiêu chí 13.1	5.0
Tiêu chí 13.2	5.0
Tiêu chí 13.3	5.0
Tiêu chí 13.4	5.0
Tiêu chí 13.5	5.0

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần căn cứ vào các quy định của Bộ GD & ĐT và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CĐR, CTĐT, bản mô tả chương trình, đề cương học phần trình độ đại học, thạc sĩ theo quy định mới nhất là Thông tư 07/2015 và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021; cần ban hành một văn bản thống nhất về quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học.

Về việc khảo sát các bên liên quan: Cần đa dạng phương pháp khảo sát ý kiến của các bên liên quan, cần tăng cường vai trò của các chuyên gia, của nhà sử dụng lao động, SV, cựu SV cũng như số lượng đối tượng tham gia khảo sát để nâng cao hơn chất lượng của hoạt động này. Cần chỉnh sửa bộ câu hỏi khảo sát đặc trưng có từng CTĐT, cần sử dụng phần mềm phân tích, xử lý dữ liệu nhằm cập nhật và điều chỉnh CĐR của CTĐT phù hợp với ngành học và đáp ứng thị trường lao động.

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn xây dựng ĐCCT học phần với mẫu chung. Cần tổ chức rà soát, hoàn thiện các đề cương học phần theo hướng chỉnh sửa, cập nhật mục tiêu, CĐR, các PPDH và KTĐG, cập nhật tài liệu học tập.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn cho GV về kỹ năng xây dựng đề cương học phần, xác định mục tiêu, CĐR học phần và xây dựng bảng ma trận mối quan hệ CĐR học phần với CĐR của CTĐT và nâng cao chất lượng lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của học phần.

Khi rà soát điều chỉnh CTĐT cần có sự tham khảo, đối sánh chi tiết với các CTĐT của các cơ sở giáo dục ĐH trong nước và nước ngoài, phân tích và rút ra các

kinh nghiệm nhằm cải tiến CTĐT. Cần rà soát, cập nhật các đề cương học phần của CTĐT thực sỹ.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Để xây dựng và phát triển các CTĐT của Trường trong giai đoạn 2021-2024, Nhà trường đã thực hiện các hoạt động cải tiến:

- Nhà trường đã căn cứ vào các quy định của Bộ GD & ĐT và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CĐR, CTĐT, bản mô tả chương trình, đề cương học phần trình độ đại học, ThS theo quy định mới nhất là Thông tư 07/2015 và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021. Từ đó ban hành một văn bản thống nhất về quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học gồm: Quyết định ban hành quy trình xây dựng và rà soát CĐR, CTĐT, ĐCCTHP trình độ Đại học của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hóa 2021 - Số 875b/QĐ-ĐVTDĐT ngày 03/8/2021 **[GK14.1.1]**; Quyết định ban hành quy trình xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCTHP trình độ Đại học của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hóa 2023 - Số 353/QĐ-ĐVTDĐT ngày 15/3/2023 **[GK14.1.2]**.

Về việc khảo sát các bên liên quan, Nhà trường đã cải tiến các nội dung: đa dạng phương pháp khảo sát ý kiến của các bên liên quan; mở rộng phạm vi, quy mô đối tượng tham gia khảo sát; chỉnh sửa bộ câu hỏi khảo sát, sử dụng phần mềm phân tích, xử lý dữ liệu từ đó nâng cao chất lượng của hoạt động này. Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản đồng bộ về khảo sát: Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về phát triển CĐR, CTĐT, CTDH, ĐCCT và các hoạt động đào tạo khác năm 2021 - Số 935b/ KH-ĐVTDĐT ngày 16/8/2021 **[GK14.2.1]**; Quy định về việc lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hóa - Số 1184b/QĐ-ĐVTDĐT ngày 05/10/2021 **[GK14.2.2]**; Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về phát triển CĐR, CTĐT, CTDH, ĐCCT và các hoạt động đào tạo khác năm 2021 - Số 1490b BC-ĐVTDĐT ngày 3/12/2021 **[GK14.2.3]**; Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về phát triển CĐR, CTĐT, CTDH, ĐCCT và các hoạt động đào tạo khác năm 2022 - Số 847b/ KH-ĐVTDĐT ngày 6/9/2022 **[GK14.2.4]**; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của nhà trường năm 2022 - Số 1997bBC-ĐVTDĐT ngày 31/12/2022 **[GK14.2.5]**; Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên

quan về phát triển CĐR, CTĐT, CTDH, ĐCCT và các hoạt động đào tạo khác năm 2023- Số 561/KH- ĐVTDT ngày 27/04/2023 **[GK14.2.6]**; Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về phát triển CĐR, CTĐT, CTDH, ĐCCT và các hoạt động đào tạo khác năm 2023 - Số 954 BC-ĐVTDT ngày 2/7 /2023 **[GK14.2.7]**.

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn xây dựng ĐCCT học phần với mẫu chung; đã tổ chức rà soát, hoàn thiện các đề cương học phần theo hướng chỉnh sửa, cập nhật mục tiêu, CĐR, các PPDH và KTĐG, cập nhật tài liệu học tập, gồm: Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCTHP trình độ Đại học của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hóa - Số 880b/QĐ-ĐVTDT ngày 05/8/2021 **[GK14.3.1]**; Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT (kèm theo hướng dẫn sửa đổi, cập nhật CTĐT) năm 2021- 899b/KH-ĐVTDT ngày 10/8/2021 **[GK14.3.2]**; Quyết định thành lập hội đồng xây dựng CTĐT các ngành đào tạo trình độ đại học - Số 976/QĐ-ĐVTDT ngày 23/8/2021 **[GK14.3.3]**; Kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT đại học và Sau đại học năm 2023 - 188/KH-ĐVTDT ngày 20/2/2023 **[GK14.3.4]**; Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, CTĐT, ĐCCTHP năm 2023 trình độ Đại học của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hóa - Số 204/QĐ-ĐVTDT ngày 22/02/2023 **[GK14.3.5]**; Quyết định thành lập hội đồng xây dựng CTĐT các ngành đào tạo trình độ đại học - Số 387/QĐ-ĐVTDT ngày 22/03/2023 **[GK14.3.6]**; Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT trình độ Đại học năm 2023 - 460/QĐ-DVTDT ngày 5/4/2023 **[GK14.3.7]**; Quyết định ban hành CĐR các ngành đào tạo bậc đại học năm 2021 - Số 1335/QĐ-ĐVTDT ngày 02/11/2021 **[GK14.3.8]**; Quyết định ban hành CTĐT 18 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2021 - Số 1699/QĐ-ĐVTDT ngày 31/12/2021 **[GK14.3.9]**; QĐ ban hành hồ sơ học phần/ môn học của 18 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2021 Số 1702/QĐ-ĐVTDT ngày 31/12/2021 Đại học VH, TT & DL **[GK14.3.10]**; Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá người học - 1686/QĐ-ĐVTDT ngày 31/12/2021 **[GK14.3.11]**; Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra 20 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ - Số 608 /QĐ-ĐVTDT ngày 5/5/2023 **[GK14.3.12]**; Quyết định ban hành chương trình đào tạo 20 ngành đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2023 - Số 834 /QĐ-ĐVTDT ngày 14/6/2023 **[GK14.3.13]**; QĐ ban hành hồ sơ học phần/ môn học của 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2023 - 1041/QĐ-DVTDT ngày 20/7/2023

[GK14.3.14]; Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá người học - 121/QĐ-ĐVTDT ngày 30/12/2023 **[GK14.3.15];**

Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho GV về kỹ năng xây dựng đề cương học phần, xác định mục tiêu, CDR học phần và xây dựng bảng ma trận mối quan hệ CDR học phần với CDR của CTĐT và nâng cao chất lượng lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của học phần: Kế hoạch số 1666/KH-ĐVTDT ngày 31/12/2021 về việc Tập huấn mô tả và tự đánh giá chương trình đào tạo để kiểm định chất lượng của Hiệu trưởng Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hóa **[GK14.3.16];** Kế hoạch số 1357/KH-ĐVTDT ngày 18/9/2023 về việc Tập huấn phương pháp dạy học và đánh giá trong giáo dục của Hiệu trưởng Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hóa **[GK14.3.17].**

Khi rà soát điều chỉnh các CTĐT, Nhà trường đã tiến hành việc tham khảo, đối sánh chi tiết với các CTĐT của các cơ sở giáo dục ĐH trong nước và nước ngoài, phân tích và rút ra các kinh nghiệm nhằm cải tiến CTĐT. Tập Bảng đối sánh CTĐT các ngành đào tạo của Nhà trường với các trường ĐH trong nước và ngoài nước **[GK14.4.1].** Nhà trường cũng đã tiến hành rà soát, cập nhật các đề cương học phần của CTĐT thạc sỹ, đã tổ chức rà soát, hoàn thiện các đề cương học phần theo hướng chỉnh sửa, cập nhật mục tiêu, CDR, các PPDH và KTĐG, cập nhật tài liệu học tập **[GK14.4.2]; [GK14.4.3]; [GK14.4.4].**

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT hệ ĐH, SĐH theo lộ trình	P. QLĐT P. ĐTSĐH	Từ năm 2025
2	Tiếp tục khảo sát các bên liên quan tham khảo, đối sánh chi tiết với các CTĐT của các cơ sở giáo dục ĐH trong nước và nước ngoài, phân tích và rút ra các kinh nghiệm nhằm cải tiến CTĐT hệ ĐH, SĐH	P. QLĐT P. ĐTSĐH	Từ năm 2025
3	Đa dạng về phương pháp, tăng cường vai trò của các chuyên gia, nghiên cứu đối sánh trong và ngoài nước để thực hiện hiệu quả khảo sát các bên liên quan của chương trình đào tạo hệ ĐH, SĐH	P. QLĐT P. ĐTSĐH	Từ năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	4.0
Tiêu chí 14.1	4.0
Tiêu chí 14.2	4.0
Tiêu chí 14.3	4.0
Tiêu chí 14.4	4.0
Tiêu chí 14.5	4.0

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Cần có kế hoạch triển khai đồng bộ triết lý giáo dục trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng;

Cần ban hành quy định/hướng dẫn chi tiết về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu đạt được chuẩn đầu ra;

Cần tăng cường các sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ trong dạy học...;

Cần quan tâm đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến;

Cần tăng cường lấy ý kiến của người học và cựu người học và sử dụng các ý kiến phản hồi nhằm cải tiến liên tục các điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Nhà trường đã ban hành kế hoạch và triển khai đồng bộ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng giai đoạn 2022-2025, xây dựng chiến lược phát triển trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [GK 15.1.1]. Nhà trường đã phổ biến đến triết lý giáo dục qua các buổi sinh hoạt của GV, NV như họp chi bộ đưa ra các nội dung thực hiện, phát triển đào tạo theo chủ trương đảng bộ nhà trường, sinh hoạt chuyên môn của cấp bộ môn, cấp khoa, phòng. Triết lý giáo dục phổ biến tới HSSV, cụ thể như lồng ghép qua các hoạt động phong trào của Hội sinh viên đảm bảo hài hòa giữa học tập và công tác phong trào nhằm khuyến khích nuôi dưỡng đam mê, phát triển các kỹ năng mềm tạo động lực trong học tập bền vững lâu dài cho người học từng bước xây dựng giá trị của trường, thương hiệu của Trường [GK 15.1.2].

Nhà trường đã ban hành quy định/hướng dẫn chi tiết về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, phù hợp với CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần [GK 15.2.1]. Trong đó, đặc biệt chú ý hướng dẫn các hoạt động dạy học để đạt được CĐR về kỹ năng, năng lực nghề nghiệp và có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, GV trong việc xác định, lựa chọn các hình thức dạy học vừa tuân thủ nguyên tắc vừa phát huy khả năng sáng tạo của GV [GK 15.2.2].

Để nâng cao chất lượng chuyên môn, Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức hoạt động chuyên môn và việc dự giờ đánh giá để góp ý, nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV (các cấp) [GK 15.3.1]. Thông qua công tác dự giờ thường niên theo kỳ học, một năm có hai kỳ, cấp khoa đăng ký danh sách GV dạy các học phần trong kỳ tối thiểu 02GV/kỳ/chuyên ngành đào tạo và dự giờ đánh giá sát hạch giảng viên mới, môn mới. Công tác dự giờ đánh giá được tổ chức bài bản theo kế hoạch đã đăng ký phòng QLĐT từ đầu các kỳ học. CBGV tham gia đánh giá dự giờ nhận xét, góp ý, đánh giá toàn diện giờ dạy thông qua phiếu đánh giá, có mức thang điểm năng lực rõ ràng (phiếu đánh giá) [GK 15.3.2].

Trong những năm qua Nhà trường đã quan tâm đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến, thông qua các quy định, hướng dẫn học tập, kiểm tra đánh giá trực tuyến [GK 15.4.1].

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người học và cựu người học được Nhà trường và các đơn vị thực hiện thường xuyên và thực hiện đồng bộ, đặc biệt là hoạt động khảo sát của SV về hoạt động giảng dạy của GV [GK 15.5.1]. Trong các năm 2021, 2022, 2023, Nhà trường đều ban hành và thực hiện kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [GK 15.5.2]. Hoạt động khảo sát đã được cải tiến nhiều nội dung, như: thống kê số liệu khảo sát để có thông tin đầy đủ và tin cậy; Hàng năm các phiếu khảo sát đều được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp thực tế; Các báo cáo khảo sát rõ ràng chi tiết tới từng nội dung [GK 15.5.3].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1	Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện triết lý giáo dục, và xây dựng cơ chế đánh giá nhận thức của các BLQ về triết lý giáo dục.	Hội đồng trường	Từ năm 2025

2	Tiếp tục triển khai đồng bộ triết lý giáo dục trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng tới các bên liên quan	Hội đồng trường	Từ năm 2025
3	Tiếp tục tăng cường các sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ trong dạy học, dạy học trực tuyến.	Quản lý Đào tạo	Từ năm 2025
4	Tăng cường lấy ý kiến của người học và cựu người học và sử dụng các ý kiến phản hồi nhằm cải tiến liên tục các điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường	Quản lý Đào tạo	Từ năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	4,0
Tiêu chí 15.1	4,0
Tiêu chí 15.2	4,0
Tiêu chí 15.3	4,0
Tiêu chí 15.4	4,0
Tiêu chí 15.5	4,0

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần rà soát, hoàn chỉnh ban hành một văn bản quy định/hướng dẫn chi tiết về công tác KTĐG về quy trình và lựa chọn các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG người học tương thích với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT.

Các khoa/bộ môn cần cải tiến, đa dạng hình thức/ phương pháp đánh giá, nhất là với các học phần lí thuyết; Cần giám sát, đánh giá chất lượng của các đề thi để đảm bảo sự tương thích giữa phương pháp KTĐG với hình thức tổ chức dạy và học. Cần tập huấn cho GV về các phương pháp kiểm tra, đánh giá, cách ra đề trắc nghiệm đúng nguyên tắc, về phương pháp xây dựng các tiêu chí và công cụ đánh giá tiểu luận, bài tập lớn, bài thực hành,... đáp ứng CĐR CTĐT và CĐR học phần.

Nhà trường cần sớm ban hành hướng dẫn/quy trình phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng người học; Đánh giá sự phù hợp của các phương pháp KTĐG đã sử dụng đáp ứng đo lường được CĐR. Sau mỗi học kì, các khoa/bộ môn cần tổ chức rà soát các phương pháp KTĐG

đối với mỗi học phần để đánh giá mức độ phù hợp, tính chính xác và hiệu quả của các phương pháp đó để có điều chỉnh, cải tiến theo hướng đo lường chính xác hơn mức độ đạt được CDR của SV. Cuối mỗi học kì, Phòng KT-ĐBCLGD cần phối hợp với các đơn vị và các GV thực hiện phân tích kết quả học tập của SV đối với mỗi học phần để phát hiện những hạn chế và đề xuất những biện pháp cải tiến kịp thời, đồng thời, cần nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung chức năng phân tích kết quả KTĐG người học. Cần rà soát lại câu hỏi khảo sát và lấy ý kiến đầy đủ các đối tượng SV làm cơ sở điều chỉnh các hình thức/ phương pháp đánh giá.

Nhà trường cần thường xuyên đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG theo quy trình đã ban hành. Trên cơ sở đó, các khoa/bộ môn cần có những cải tiến, điều chỉnh để phương pháp KTĐG thực sự là công cụ hiệu quả đo lường mức độ đạt được CDR. Rà soát và xây dựng các ngân hàng đề thi cho các học phần lí thuyết.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Sau đánh giá CSGD, Nhà trường đã rà soát, hoàn chỉnh và ban hành văn bản quy định/hướng dẫn chi tiết về công tác KTĐG, về quy trình và lựa chọn các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG người học tương thích, phù hợp với CDR của học phần cũng như CDR của CTĐT như: Quy định đánh giá người học, quy định làm đề thi và tổ chức thi kết thúc học phần, hướng dẫn chấm bài thi thực hành, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp **[GK16.1.1]**. Nhà trường có điều chỉnh cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá bám sát CDR, cụ thể trong việc điều chỉnh xây dựng CTĐT thể hiện mối liên hệ giữa CDR và phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG, tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá thích hợp **[GK16.1.2]**.

Trước đây ở một số CTĐT, phương pháp đánh giá chủ yếu là tự luận (Nhiều CTĐT chiếm trên 80%, ví dụ: Công tác xã hội; Quản lý nhà nước; Luật;...); Phương pháp thi vấn đáp, tiểu luận ở hầu hết các ngành chiếm tỉ lệ thấp (dưới 5%). Từ năm 2022 đến nay sau khi rà soát, sửa đổi CTĐT các học phần đã được điều chỉnh hình thức KTĐG đa dạng hơn, phù hợp hơn trong việc đánh giá mức độ đạt được CDR của học phần **[GK16.2.1]**. Cũng trong năm 2023 nhà trường tổ chức tập huấn phương pháp dạy học và đánh giá trong giáo dục theo kế hoạch số 1357 ngày 18/9/2023 với mục đích nâng cao năng lực của giảng viên về sử dụng phương pháp dạy học để tổ chức

dạy học đại học và sử dụng phương pháp, xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá nhằm đáp ứng CDR, cũng như tập huấn cho giảng viên về công tác xây dựng, tự đánh giá chương trình đào tạo [GK16.2.2].

Sau mỗi học kỳ các GV, bộ môn, Khoa, Phòng KT-ĐBCL đều thực hiện rà soát đánh giá quy trình thi, kiểm tra đánh giá người học, có phân tích đánh giá bài thi, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ [GK16.3.1]. Những học phần thống kê có kết quả quá thấp hoặc quá cao đều được phân tích để tìm hiểu nguyên nhân nhằm có biện pháp điều chỉnh phương pháp giảng dạy của GV và điều chỉnh phương pháp đánh giá người học cho phù hợp với CDR, có biện pháp cải tiến chất lượng đề thi, ngân hàng đề thi, thay đổi hình thức thi [GK16.3.2] .

Nhà trường đã ban hành văn bản và tiến hành đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của những loại hình/phương pháp KTĐG người học sau mỗi học kỳ và có báo cáo cụ thể [GK16.4.1]. Song song với việc điều chỉnh ĐCCT và CTĐT các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được thay đổi đa dạng, phong phú hơn và là công cụ hiệu quả đo lường mức độ đạt được CDR của ngành học [GK16.4.2]. Ngân hàng đề thi các học phần lý thuyết cũng được rà soát, điều chỉnh đổi mới hơn, phù hợp hơn và đáp ứng được yêu cầu của học phần, ngành học [GK16.4.3].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện hướng dẫn/ quy định về quy trình đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học	Phòng KT-ĐBCLGD	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	4.75
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	4

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần định kỳ rà soát các văn bản quy định các hoạt động đối với NH. Ngoài ra, Nhà trường cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Nhà trường cần có kế hoạch để trang bị hệ thống phòng thực hành cho các loại hình đào tạo phù hợp thích ứng với điều kiện tuyển sinh thực tế (phòng Thực hành xử án đối với ngành Luật khi có đủ số lượng SV), hoặc có biện pháp hỗ trợ người học được tăng cường hoạt động thực hành thực tế tại các cơ sở ngoài trường.

Nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động NCKH của SV, đồng thời cần đảm bảo kinh phí chi cho học bổng khuyến khích học tập theo đúng quy định.

Nhà trường cần rà soát và xây dựng bộ phiếu khảo sát có thang đánh giá đồng nhất về các mức độ.

Nhà trường cần căn cứ trên số liệu khảo sát và kết quả thu được từ các mặt hoạt động liên quan đến công tác phục vụ hỗ trợ và giám sát người học để tiến hành đối sánh, phân tích làm rõ sự thay đổi, cải tiến hàng năm của mỗi loại hình hoạt động.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo, môi trường học tập và rèn luyện của người học. Đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học, trong giai đoạn 2021-2023, Nhà trường đã thực hiện rà soát và ban hành các văn bản về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học, cụ thể:

- Nhà trường đã ban hành quy định về đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động của Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, trong đó có các tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực của viên chức phụ trách các hoạt động hỗ trợ người học [GK17.1.1].

Nhà trường đã bổ sung, rà soát các văn bản chỉ đạo, điều hành các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: Quy chế, quy định hoạt động của Ban hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng, Quy định về Cố vấn học tập, Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính quy, Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên quy trình quản lý và tiếp nhận hồ sơ sinh viên; quy trình xét khen thưởng, học bổng và

kỷ luật đối với sinh viên; quy trình giải quyết thủ tục chính sách và các thủ tục hành chính liên quan đến sinh viên [GK17.1.2].

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy, Ban giám hiệu nhằm nâng cao năng lực làm việc của sinh viên sau khi ra trường, Nhà trường đã từng bước trang bị hệ thống phòng thực hành phù hợp với điều kiện tuyển sinh thực tế như phòng Thực hành xử án đối với ngành Luật [GK17.2.1]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã có những văn bản ký hợp, tác với các công ty, doanh nghiệp để sinh viên được thực tế, thực tập nhiều hơn, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng [GK17.2.2].

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức các hội nghị NCKH cho sinh viên. Số lượng và chất lượng đề tài NCKH của sinh viên năm sau đều cao hơn năm trước. Quy định về quản lý hoạt động khoa học sinh viên Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, trong đó có hướng dẫn liên quan đến hoạt động NCKH của sinh viên [GK17.2.3].

Nhà trường đã cấp học bổng KKHT cho sinh viên vào cuối mỗi học kỳ, định mức từ 8- 10% nguồn thu học phí để cấp học bổng KKHT cho sinh viên tập theo đúng quy định [GK17.2.4].

Để xây dựng bộ phiếu khảo sát có thang đánh giá đồng nhất về các mức độ Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động, nội dung và thái độ phục vụ đối với người học nhằm đem lại kết quả đào tạo, rèn luyện và sinh hoạt ngày càng tốt hơn [GK17.3.1]

Căn cứ số liệu khảo sát và kết quả thu được từ các mặt hoạt động liên quan đến công tác phục vụ hỗ trợ và giám sát người học. Nhà trường đã có báo cáo tổng kết phân tích đối sánh làm rõ sự thay đổi, cải tiến của các hoạt động phục vụ hỗ trợ và giám sát người học [GK17.4.1].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành Quy trình về công tác quản lý HSSV	Phòng CTCT-HSSV và các đơn vị liên quan	Năm học 2024 - 2025
2.	Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học	Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ người học và Quan hệ doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2024 - 2026

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	4.0
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học**1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD**

Rà soát điều chỉnh , cập nhật các văn bản tổ chức, quản lý của Trường về hoạt động KHCN, đặc biệt là rà soát Quy định về Quản lý hoạt động KHCN theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT. Trong chiến lược và kế hoạch hoạt động NCKH cần xác định lộ trình và các giải pháp phù hợp nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực về NCKH và chuyển giao công nghệ hiện thực hóa tiềm năng của trường trong thời gian tới

Định kỳ rà soát, bổ sung các chiến lược, kế hoạch các văn bản, quy định triển khai liên quan đến các hoạt động nghiên cứu KHCN theo Đề án phát triển KHCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 2023/QĐ/UBND ngày 13/6/2016), tăng cường, đa dạng hóa việc tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu thúc đẩy NCKH, hướng tới đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả NCKH vào sản xuất; Đưa nội dung tăng cường nghiên cứu ứng dụng vào trong chiến lược, kế hoạch và hoạt động chỉ đạo, điều hành hoạt động NCKH của Nhà trường.

Rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu NCK, các chỉ số thực hiện (KPIs)

Quy trình triển khai rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu, định mức các chỉ số thực hiện chính trong hoạt động KHCN

Ban hành các văn bản lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến nâng cao chất lượng của hoạt động quản lý khoa học, thực hiện khảo sát đánh giá tiềm lực KHCN để dự báo đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số sát với tình hình thực tế

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Nhà trường đã thực hiện một quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật các văn bản tổ chức và quản lý hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp chế, quy trình và quy định về hoạt động này. Phòng Quản lý Khoa học

& Hợp tác Quốc tế (QLKH&HTQT) đã gửi thông báo đến toàn thể cán bộ, giảng viên để đóng góp ý kiến và điều chỉnh Quy chế quản lý hoạt động KHCN **[GK18.1.1]**. Dựa trên những ý kiến thu thập được, nhà trường đã ban hành các quyết định quan trọng như Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động KHCN **[GK18.1.2]**, quy trình quản lý và thực hiện đề tài khoa học ở các cấp, cùng với các quyết định liên quan đến sở hữu trí tuệ, trích dẫn và chống đạo văn, cũng như quy định về quản lý hoạt động của Tạp chí Khoa học **[GK18.1.3; GK18.1.4; GK18.1.5; G18.1.6; GK18.1.7; GK18.1.8; GK18.1.9]**. Đáng chú ý, việc nâng cấp Tạp chí Khoa học của Nhà trường từ mức 0,25 lên 0,5 không chỉ là một bước tiến lớn mà còn phản ánh sự gia tăng rõ rệt về chất lượng và uy tín của tạp chí trong cộng đồng học thuật. Điều này đã góp phần khẳng định vị thế học thuật của Nhà trường, đồng thời tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy cán bộ, giảng viên tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Tất cả những nỗ lực trong việc ban hành và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý KHCN đã thể hiện cam kết của Nhà trường trong việc không ngừng cải tiến, phát triển, và nâng tầm hoạt động nghiên cứu khoa học trong môi trường giáo dục hiện đại.

Nhà trường đã thực hiện định kỳ, rà soát, bổ sung các chiến lược, kế hoạch văn bản. Cụ thể Nhà trường đang Dự thảo Chiến lược phát triển trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thể hiện tầm nhìn dài hạn, hướng đến trở thành trung tâm nghiên cứu và sáng tạo hàng đầu trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, và du lịch. Chiến lược nổi bật nhờ sự kết hợp giữa phát triển đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất, và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, cùng với việc thúc đẩy nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thực tiễn. Việc áp dụng chuyển đổi số và cải tiến quản lý giúp trường hiện đại hóa, phát triển bền vững, và hội nhập quốc tế, phản ánh một tầm nhìn toàn diện và thực tiễn **[GK18.1.10,GK18.1.11]**.

Để tăng cường và đa dạng hóa nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, thúc đẩy hoạt động NCKH, đồng thời đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, Nhà trường đã ban hành nhiều quy định và quyết định quan trọng. Cụ thể, Nhà trường đã quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa **[GK18.2.1]** trong đó xây dựng kế hoạch theo giai đoạn để tiến tới thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, đồng thời ban hành nghị quyết quy định về chính sách đãi ngộ và thu hút cán bộ, giảng viên, viên chức có trình độ cao **[GK18.2.2]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng hỗ trợ kinh phí hàng

năm cho các cán bộ, giảng viên có bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus. Ngoài ra, quy chế chỉ tiêu nội bộ cũng đã được xây dựng nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn tài chính một cách hiệu quả và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học **[GK18.2.3]**

Các đề tài NCKH của CBGV không ngừng chuyển biến cả về số lượng và chất lượng, việc hợp tác nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng công nghệ đã đạt được nhiều thành công thể hiện qua sự hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu đề tài của CBGV, Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ Khoa học và công nghệ và ứng dụng chuyển giao theo cam kết **[GK18.2.4]**.

Các chỉ số thực hiện (KPIs) được thiết lập một cách rõ ràng và chi tiết thông qua các văn bản chiến lược mà Nhà trường đã ban hành **Quyết định hệ thống chỉ số áp dụng tại Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**, Báo cáo thực hiện chỉ tiêu NCKH&HTQT **[GK18.3.1]** thể hiện sự cam kết trong việc đo lường và cải thiện hiệu suất. Đồng thời, **Kế hoạch và biên bản rà soát chỉ tiêu KHCN [GK18.3.2]** giúp đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình rà soát chỉ tiêu. **Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN theo năm học và Báo cáo giai đoạn 2020-2023 với phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [GK18.3.3; GK18.3.4]** cung cấp cái nhìn tổng quan về hoạt động KHCN của Nhà trường, đồng thời định hướng cho sự phát triển giai đoạn tiếp theo.

Nhà trường đã ban hành các văn bản lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến nâng cao chất lượng của hoạt động quản lý khoa học, thực hiện khảo sát đánh giá tiềm lực KHCN để dự báo đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số sát với tình hình thực tế: kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của nhà trường theo giai đoạn **[GK18.4.1]**; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát phản hồi về các lĩnh vực hoạt động KH&CN theo năm học **[GK18.4.2]**

Việc ban hành các văn bản lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan giúp đảm bảo rằng quy trình quản lý và các chính sách liên quan đến khoa học công nghệ luôn được cải tiến dựa trên những quan điểm đa chiều. Điều này không chỉ phản ánh sự minh bạch và trách nhiệm của các tổ chức quản lý KHCN mà còn tạo điều kiện cho các đối tác đóng góp ý kiến, đảm bảo các chiến lược được xây dựng phù hợp với thực tiễn.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh ban hành các văn bản quy định về hoạt động KH&CN	BGH, Phòng QLKH&HTQT, các Khoa/Bộ môn	2025
	Tập huấn các chuyên đề về thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, quét trùng lặp	Phòng QLKH&HTQT	2024-2025
2.	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu, định mức các chỉ số thực hiện chính trong hoạt động KHCN hàng năm	BGH, phòng QLKH&HTQT	2025-2026
	Thu thập lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về lĩnh vực KHCN	phòng QLKH&HTQT	2025-2026

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	5.0
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Qua nghiên cứu và đánh giá tại Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ, Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD đã có khuyến nghị cho Nhà trường, cụ thể như sau:

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa cần đẩy mạnh việc sử dụng phần mềm quản lý hoạt động Khoa học công nghệ (KHCN) để việc thống kê, công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả thực hiện hoạt động KHCN của giáo viên (GV) hiệu quả và khoa học hơn. Đồng thời, Nhà trường cần bổ sung thêm các quy định về quản lý hoạt động sản xuất thử nghiệm, triển khai.

Nhà trường cần thường xuyên chú trọng việc ghi nhận, lưu trữ tài sản trí tuệ (TSTT), đẩy mạnh hỗ trợ việc đăng ký Sở hữu trí tuệ (SHTT) cho GV, người học (NH)

của Trường và thực hiện đăng ký bảo hộ theo đúng quy định. Thường xuyên rà soát, bổ sung các quy định về tổ chức quản lý hoạt động KHCN, quy định về SHTT, có giải pháp để đẩy mạnh việc khai thác TSTT như ứng dụng kết quả nghiên cứu vào nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT), chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm... Tổ chức tập huấn cho một số đơn vị chủ chốt và GV về SHTT và thông báo công khai về sự hỗ trợ của Phòng QLKH –HTQT đối với GV, NH để đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN hoặc khiếu nại, khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Nhà trường cần triển khai định kỳ tổng kết, đánh giá chất lượng công tác quản lý TSTT để đề xuất các giải pháp cải tiến công tác quản lý, thúc đẩy GV và NH tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học NCKH và chuyển giao công nghệ để có nhiều sản phẩm KHCN và phát minh, sáng chế; khai thác hiệu quả hơn các sản phẩm khoa học và phát minh, sáng chế của Nhà trường, đặc biệt là trong lĩnh vực nghệ thuật.

Nhà trường cần thực hiện Rà soát, điều chỉnh các quy định về SHTT và các giải pháp đồng bộ khác nhằm bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng, đồng thời xây dựng chiến lược khai thác sử dụng hiệu quả TSTT của Nhà trường để tăng cường nguồn thu từ khai thác thương mại TSTT.

2. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục đã thực hiện theo khuyến nghị

Hoạt động quản lý và bảo hộ TSTT, đổi mới sáng tạo, khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ TSTT của các đơn vị, cá nhân trong Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã thiết lập một cách có hệ thống; đồng thời, Nhà trường đã đầu tư xây dựng chiến lược tạo TSTT, khai thác và quản lý TSTT, cụ thể như sau:

Nhà trường đã bổ sung và ban hành hệ thống các văn bản quy định về hoạt động sản xuất thử nghiệm và khai thác TSTT và các văn bản hướng dẫn thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, văn bằng bảo hộ TSTT của nhà trường; xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động SHTT [GK.19.1.1], [GK.19.1.2]. Đồng thời Trường cũng đã ban hành các chính sách khuyến khích cán bộ, GV, người lao động và NH tham gia và các hoạt động về quyền SHTT và thi hành quy định về quản lý hoạt động SHTT được Nhà trường phổ biến, ban hành bằng văn bản đến toàn thể lãnh đạo, viên chức các đơn vị trực thuộc trường [GK19.1.3], [GK19.1.4], [GK19.1.5], [GK19.1.6], [GK19.01.7]. Và việc phân chia lợi ích từ TSTT và kết quả NCKH cũng được quy định rõ ràng trong Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động KHCN và các quy định cho từng loại hình, lĩnh vực của Nhà trường. Đồng thời, đối với các sản

phẩm khoa học chuyên giao công nghệ thành công Nhà trường đã quy định rõ mức thụ hưởng theo quy định **[GK19.1.8]**, **[GK19.1.10]**, **[GK19.1.10]**.

Nhà trường đã rất chú trọng trong việc ghi nhận, lưu trữ TSTT, đồng thời đã thực hiện việc lưu trữ, theo dõi và quản lý các sản phẩm kết quả thực hiện hoạt động KH&CN của CBGV và NH rất hệ thống, khoa học và thực hiện theo đúng quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại Phòng QLKH-HTQT và Trung tâm Thông tin - Thư viện: Đối với tài liệu nội sinh thực hiện lưu trữ theo Quy định nộp lưu chiểu tài liệu, xuất bản phẩm tại các đơn vị trong trường. Tại Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa toàn bộ hệ thống CSDL về sách, giáo trình, bài giảng, bài báo khoa học, công trình khoa học được thực hiện bởi các cá nhân, tập thể thuộc biên chế của Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa đều là các kết quả nghiên cứu khoa học và được đảm bảo quyền SHTT theo quy định của Trường **[GK19.2.1]**. Các hồ sơ hoạt động KHCN, sản phẩm NCKH được lưu trữ đầy đủ dưới hai hình thức bản giấy in và bản điện tử tại Phòng QLKH – HTQT **[GK19.2.2]**, **[GK19.2.3]**, **[GK19.2.4]**, **[GK19.2.5]**, **[GK19.2.6]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên rà soát, bổ sung các quy định về tổ chức quản lý hoạt động KHCN, quy định về SHTT, ứng dụng kết quả vào chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm được thể hiện rất cụ thể trong công tác tổng kết hoạt động KH&CN của Nhà trường và báo cáo hoạt động TSTT **[GK19.2.7]**, **[GK19.2.8]**. Trường cũng đã tổ chức tập huấn cho các đơn vị, CBGV và NH trong trường về hoạt động SHTT **[GK19.2.9]**.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Nhà trường thường xuyên chỉ đạo Phòng QLKH – HTQT chịu trách nhiệm là đơn vị đầu mối thực hiện công tác định kỳ rà soát hoạt động SHTT **[GK19.3.1]** và tổng kết đánh giá công tác TSTT **[GK19.3.2]** định kỳ thường xuyên theo năm học nhằm thúc đẩy GV và NH tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học NCKH và chuyển giao công nghệ để có nhiều sản phẩm KHCN và phát minh, sáng chế; khai thác hiệu quả hơn các sản phẩm khoa học và phát minh, sáng chế của Nhà trường, đặc biệt là trong lĩnh vực nghệ thuật. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã đề xuất và triển khai thực hiện những giải pháp cải tiến công tác này một cách hiệu quả, thiết thực. Kết quả cho thấy, việc tuân thủ thực hiện đạo đức trong NCKH, chống vi phạm quyền SHTT được CBGV Trường đồng thuận, phối hợp thực hiện một cách nghiêm túc, tự giác và đạt kết quả tích cực sau mỗi chu kỳ cải tiến.

Trên cơ sở đã triển khai rà soát, điều chỉnh các quy định về SHTT, Nhà trường đã lồng ghép tổng kết, đánh giá công tác quản lý SHTT và đề xuất các giải pháp cải tiến **[GK19.4.1]**. Việc cải tiến công tác quản lý SHTT được thể hiện trong kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của Nhà trường và được xây dựng dựa trên kết quả rà soát, đánh giá về công tác quản lý SHTT, Nhà trường luôn tiếp thu các ý kiến phản hồi của viên chức và NH để điều chỉnh, sửa đổi các chính sách, chương trình hành động bằng hình thức khảo sát lấy ý kiến phản hồi tại các tiêu chí của hoạt động SHTT **[GK19.4.2]**, **[GK19.4.3]**. Qua các đợt rà soát, lấy ý kiến phản hồi của các cấp quản lý, GV và NH đối với hoạt động và công tác quản lý hoạt động SHTT theo định kỳ, Nhà trường đã có những điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn, quy định và đạt hiệu quả cao hơn, lựa chọn được những giải pháp mang tính khả thi cao trong quá trình thực hiện và áp dụng đạt hiệu quả tích cực trong Nhà trường theo từng giai đoạn, năm học. Điều này cho thấy hoạt động SHTT đang được tiến hành tốt và có những cải tiến phù hợp góp phần đảm bảo lợi ích của các nhà nghiên cứu, của Nhà trường và cộng đồng.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không.

4. Kế hoạch hành động nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng kế hoạch triển khai cho cán bộ làm nhiệm vụ SHTT tại các đơn vị được tham gia đào tạo nâng cao năng lực khai thác và quản lý và bảo hộ quyền SHTT từ cơ bản đến chuyên sâu (Cán bộ chuyên trách, và không chuyên trách tại các đơn vị).	Phòng QLKH-HTQT	Hàng năm
2.	Rà soát, cập nhật, ban hành các chính sách mới, phù hợp với điều kiện thực tiễn theo thực tế nhằm phát huy hiệu quả phát triển TSTT trong nhà trường	Phòng QLKH-HTQT	Giai đoạn 2025-2030
3.	Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về SHTT; Đăng ký bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm mới. Đồng thời giữ vững, duy trì thương hiệu các sản phẩm khoa học, sáng tạo	Phòng QLKH-HTQT	Hàng năm

	đã được bảo hộ; tăng cường khai thác, phát huy giá trị TSTT của GV và NH.		
4.	Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong nhà trường, tại các đơn vị trong trường; có nhiều sản phẩm, đề tài, dự án KHCN thuộc lĩnh vực là thế mạnh của Nhà trường được đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và thúc đẩy, tạo lập TSTT, kiểm soát chất lượng sau khi được đăng ký bảo hộ.	Phòng QLKH-HTQT	Hàng năm

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	<i>5,0</i>
<i>Tiêu chí 19.1</i>	5
<i>Tiêu chí 19.2</i>	5
<i>Tiêu chí 19.3</i>	5
<i>Tiêu chí 19.4</i>	5

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2025, tầm nhìn đến 2030 - Quyết định số 555/QĐ-ĐVTDĐT ngày 31/8/2015 [GK20.1.1]. Chiến lược đã thể hiện đầy đủ và chi tiết các mục tiêu nghiên cứu như: Số lượng đề tài cấp Tỉnh và cấp Bộ hàng năm, số

lượng xuất bản sách hàng năm, số lượng đề tài/dự án hợp tác nghiên cứu cùng các doanh nghiệp hoặc trường đại học trong nước hoặc nước ngoài hàng năm. Bên cạnh đó, chiến lược cũng đưa ra các mục tiêu chung: mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Kèm theo đó là cụ thể đối với việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu như: Xây dựng ít nhất 10 chương trình hợp tác với các cơ sở đào tạo trong khu vực và thế giới, Phối hợp chặt chẽ trong nghiên cứu và đào tạo với 2 cơ sở đào tạo nước ngoài, Triển khai xúc tiến khai thác các mối quan hệ hợp tác có hiệu quả,... Đối với thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu Nhà trường giao cho Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối. Quyết định số 718/QĐ-ĐVTDT ngày 25/5/2022 về việc thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế **[GK20.1.2]**, Quyết định số 1557/QĐ-ĐVTDT ngày 13/9/2024 Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK20.1.3]**. Nhà trường cũng ban hành các Kế hoạch năm học của Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 của Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế **[GK20.1.4]** với những nội dung mang tính cụ thể và chi tiết nhằm thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành “Quyết định về việc ban hành Ban hành Quy định về hoạt động lựa chọn đối tác tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” số 1142/QĐ-ĐVTDT ngày 04/7/2024 **[GK20.1.5]**. Trong đó, “Quy định về hoạt động lựa chọn đối tác tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” bao gồm các quy định chung, mục tiêu, phương thức, tiêu chí lựa chọn đối tác, quy trình về hoạt động lựa chọn đối tác và kiểm soát đánh giá hiệu quả hợp tác của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Nhà trường đã ban hành “Quyết định Về việc ban hành Hệ thống bộ chỉ số đo lường – KPIs áp dụng tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” Số: 1394/QĐ - ĐVTDT ngày 27/9/2022 **[GK20.1.6]**. Hệ thống KPIs này không chỉ giúp Nhà trường có công cụ để theo dõi các mục tiêu nghiên cứu mà còn đề ra các chỉ số cần thực hiện để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu (Số hợp tác đối với đối tác quốc tế, Số lượng đề tài các cấp, Số lượng bài báo...)

Nhà trường đã cụ thể hóa các chính sách thúc đẩy hợp tác nghiên cứu thông qua Quyết định số 123/QĐ-ĐVTDT ngày 7/02/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK20.2.1]**. Giai đoạn 2021 - 2024 nhà trường đã triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác nghiên cứu đối với các đối tác nước ngoài dựa trên các biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, đơn vị như: Công ty SkillSSG Ventures (Singapore), ĐH Southern Luzon, ĐH MinScat (Philippines), ĐH Daejin (Hàn Quốc), ĐH Zielona Gora (Ba Lan), ĐH Sùng Hữu, ĐH Huyền Trang, ĐH Kiện Hành (Đài Loan), Sở Giáo dục và Thể thao Hòa Phấn (CHDCND Lào) **[GK20.2.2]**, **[GK20.2.3]**. Nhà trường cũng tích cực thúc đẩy hợp tác với các trường đại học khác, các cơ quan ban ngành và doanh nghiệp trong nước để phối hợp nghiên cứu, triển khai hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên và nghiên cứu với các cơ sở giáo dục trong nước tại Hòa Bình, Quảng Nam, Bạc Liêu về các chuyên ngành Quản lý Văn hóa, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật,... **[GK20.2.4]**. Đặc biệt là Nhà trường đã tổ chức hội nghị gặp gỡ đối tác của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được diễn ra ngày 16/11/2023 (Kế hoạch số 1622/KH-ĐVTDT ngày 7/11/2023 về việc Tổ chức Hội nghị gặp gỡ đối tác liên kết **[GK20.2.5]**; Hội nghị mang ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa nhà trường và các đối tác trong nghiên cứu và đào tạo; bên cạnh đó còn đánh giá hiệu quả hợp tác, thu thập các ý kiến đề xuất nhằm cải tiến các hoạt động hợp tác...

Trong hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục, Nhà trường đã tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo thường xuyên để làm cơ sở cho công tác cải tiến chất lượng **[GK20.3.1]**. Từ kết quả phản hồi trên cơ sở thu thập ý kiến khảo sát các bên liên quan cho thấy, có trên 75% hài lòng về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường. Ngoài ra, tại Quyết định về việc ban hành Ban hành Quy định về hoạt động lựa chọn đối tác tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” số 1142/QĐ-ĐVTDT ngày 04/7/2024 **[GK20.3.2]**, Nhà trường cũng đã xây dựng mục “Quy trình rà soát đối tác” để có thể quản lý hiệu quả hoạt động hợp tác giữa Nhà trường với đối tác theo đó hằng năm Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế tiến hành rà soát kết quả thực hiện các nội dung cụ thể trong các thỏa thuận hợp tác, tính hiệu quả được đánh giá khi có trên 50% các thỏa thuận được thực hiện. Từ việc rà soát, có thể đề xuất các phương án

nhằm cải thiện tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu trong triển khai thực hiện chu kỳ tiếp theo. Bên cạnh đó, việc ban hành “Hệ thống bộ chỉ số đo lường - KPIs áp dụng tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm học 2022-2025” cũng là một trong những cải tiến quan trọng giúp Nhà trường xác định được các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Từ đó, có thể đánh giá hiệu quả các hoạt động hợp tác và NCKH. [GK20.3.3].

Các mục tiêu nghiên cứu đã được Nhà trường cụ thể hóa bằng việc ban hành “Quyết định Về việc ban hành Hệ thống bộ chỉ số đo lường – KPIs áp dụng tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” Số: 1394/QĐ - ĐVTDT ngày 27/9/2022 [GK20.4.1] và các báo cáo thực hiện chỉ tiêu Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế năm học 2022-2023; 2023-2024 [GK20.4.2]. Các bản báo cáo này đã đánh giá được hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu và đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Cũng trong giai đoạn 2021-2024, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã tổ chức thành công hai Hội thảo khoa học quốc tế: Hội thảo khoa học quốc tế phối hợp cùng đối tác Philippines - trường Đại học Mindoro; Hội thảo khoa học quốc tế “Đẩy mạnh chất lượng hợp tác Quốc tế đối với các cơ sở giáo dục Đại học khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh hiện nay – Enhancing the quality of international cooperation among universities in Southeast Asia nowadays” phối hợp cùng các đối tác: Đại học Mindoro (Phillipines); Southern Luzon (Phillipines); Nakhon Phanom (Thái Lan) và một số cơ sở giáo dục Đại học có cùng khối ngành đào tạo với nhà trường [GK20.4.3]. Việc tổ chức thành công các Hội thảo khoa học quốc tế cũng khẳng định cho nỗ lực cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu thông qua các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu.

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Rà soát và điều chỉnh hệ thống đo lường KPIs đối với hoạt động NCKH và HTQT.	BGH; P.QLKH-HTQT;	2025-2026
2.	Mở rộng phạm vi hợp tác và quy mô tổ chức các hội nghị, hội thảo cấp quốc gia, quốc tế về các lĩnh	BGH; P.QLKH-HTQT; Trung tâm LKĐT&GDTX	2025-2026

	vực đào tạo của Nhà trường		
--	----------------------------	--	--

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần tiếp tục triển khai Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo Quyết định số 758/QĐ-ĐVTDT ngày 6/9/2018, và định kỳ rà soát, cập nhật để công tác tư vấn, hỗ trợ và phục vụ cộng đồng của Nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

Nhà trường cần tăng cường và có chiến lược trong việc khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học mang tính thực tiễn để có thể tạo được nguồn thu từ các hoạt động chuyển giao KHCN.

Xây dựng và ban hành quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; các tiêu chí đánh giá chi tiết và cụ thể hơn.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả, đánh giá, rà soát và cải tiến hoạt động kết nối và PVCD nhằm đạt hiệu quả cao nhất (giao một đầu mỗi phụ trách, chịu trách nhiệm)

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Bên cạnh hoạt động Đào tạo, Nghiên cứu khoa học thì hoạt động Kết nối và PVCD luôn được Nhà trường đã quan tâm, chú trọng đến PVCD [GK 21.1.1]. Trong quá trình thực hiện đã rà soát, cập nhật, kiện toàn nhân sự để phù hợp công tác kết nối và PVCD đạt hiệu quả cao. Nhờ đó đã đáp ứng được mục tiêu xây dựng thương hiệu, phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường trong thời gian tới [GK 21.1.2].

Nhà trường đã ban hành chính sách để xây dựng và triển khai nhóm đề tài nghiên cứu mạnh nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học; cần tập trung nguồn lực đầu tư và có chính sách khuyến khích, thúc đẩy mạnh hơn để CBGV tích cực NCKH và tham gia các đề tài, dự án của các cấp; có chính sách đủ mạnh và kịp thời để thu hút GV có trình độ cao và chức danh PGS, GS về Trường, làm nòng cốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược **[GK 21.1.3]**. Để hiện thực hóa mục tiêu này, nhà trường đã tăng cường đầu tư tài chính cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, đồng thời thiết lập các cơ chế hỗ trợ mạnh mẽ, khuyến khích cán bộ giảng viên đăng ký thực hiện các đề tài/dự án có tính ứng dụng cao **[GK 21.1.4]**. Bên cạnh đó, nhà trường còn tích cực thúc đẩy hợp tác với các trường đại học khác, các cơ quan ban ngành và doanh nghiệp để phối hợp nghiên cứu. Điều này không chỉ mở rộng quy mô và tầm ảnh hưởng của các đề tài/dự án nghiên cứu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu, giúp nhanh chóng áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội **[GK 21.1.5]**. Nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ còn hạn chế chủ yếu từ tới các sản phẩm nghệ thuật như: Các chương trình biểu diễn nghệ thuật, các tác phẩm mỹ thuật,... Nguyên nhân là do đặc thù nhà trường, các sản phẩm NCKH của Nhà trường tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Trong thời gian tới nhà trường sẽ tập trung các chính sách nhằm khuyến khích nghiên cứu đa dạng các lĩnh vực; các đề tài mang tính ứng dụng để tăng nguồn thu cho hoạt động khoa học công nghệ.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về hoạt động cộng đồng nhằm đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó đề ra 4 tiêu chí đánh giá cụ thể. Bên cạnh đó, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Công đoàn và Đoàn Thanh niên ban hành quy định giám sát hoạt động của tổ chức. Đồng thời, các đơn vị này cũng tiến hành khảo sát các bên liên quan về chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, từ đó làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chất lượng phục vụ người học, xã hội và cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế của Nhà trường **[GK 21.1.6]**.

Nhà trường đã thiết lập một đơn vị chuyên trách về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, với nhiệm vụ chính là xây dựng kế hoạch tổng thể, triển khai thực hiện, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện. Đồng thời, đây là đơn vị thu thập và báo

cáo kết quả định kỳ, thực hiện đánh giá toàn diện nhằm nhận diện các vấn đề cần cải thiện, từ đó đưa ra các biện pháp điều chỉnh và nâng cao hiệu quả cho các hoạt động PVCD [GK 21.1.7].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Nguồn thu từ hoạt động NCKH của nhà trường tuy đã có nhưng vẫn còn hạn chế, do trường đào tạo chủ yếu trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, nơi mà các nghiên cứu chưa được ứng dụng rộng rãi trong việc chuyển giao công nghệ, dẫn đến nguồn thu từ hoạt động này chưa đáng kể.

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành các văn bản Quy định rõ tiêu chí đánh giá kết quả tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; quy định đo lường và giám sát kết quả hoạt động	Phòng CTCT-HSSV; Công Đoàn Trường; Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên	Giai đoạn 2024-2026
2.	Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để có kế hoạch cải tiến phù hợp	Phòng CTCT-HSSV; Công Đoàn Trường; Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên	Giai đoạn 2024-2026

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	4.0
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Phòng QLĐT cùng các Khoa, phòng ban khác phối hợp phân tích, tìm nguyên nhân, giải pháp để nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ SV thôi học ở một số ngành.

Sau mỗi học kì, Nhà trường cần tổ chức cho SV học cải thiện điểm. Nên có quy định cho SV học cùng lúc 2 chương trình, học tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm.

Nhà trường cần có hướng dẫn khảo sát và phân tích, đối sánh số liệu với các CTĐT khác nhau trong Trường và với các trường ĐH khác cùng ngành cũng như đối sánh với các khoá tốt nghiệp trước đó. Căn cứ vào kết quả đối sánh, các đơn vị cần phân tích, đề xuất các giải pháp để cải tiến hướng đến mục tiêu tăng tỉ lệ SV có việc làm ngay và có việc làm với mức thu nhập cao. Để hỗ trợ SV sớm có việc làm, Nhà trường cũng cần thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa các nhà sử dụng lao động với SV nhằm giúp cho SV nắm được nhu cầu của thị trường lao động cả về phân khúc thị trường lẫn yêu cầu về chuyên môn năng lực, phẩm chất đạo đức và các kỹ năng mềm. Từ đó, người học có thể chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để có thể đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay sau khi ra trường.

Cần rà soát, phân tích, đánh giá và cập nhật bộ câu hỏi khảo sát về sự hài lòng của các bên liên quan. Cần xây dựng một số câu hỏi đặc thù cho từng ngành đào tạo để thu được các ý kiến phản hồi có ý nghĩa cho việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng người học cần được đối sánh với CĐR, đối sánh với SV các trường ĐH khác cùng ngành, phân tích và rút ra kết luận, từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng.

Trường nên tăng cường tổ chức các buổi gặp mặt cựu SV, nhà tuyển dụng trong khu vực nhằm xây dựng chặt chẽ mạng lưới cựu SV, nhà tuyển dụng là cơ sở triển khai nhanh chóng và hiệu quả công tác điều tra cựu SV và doanh nghiệp mức độ hài lòng về chất lượng người học cũng như CĐR của CTĐT.

Cần có giải pháp để nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng tiếng Anh cho SV và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo cho SV nhằm đáp ứng với sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị công tác giảng viên cổ vấn học tập, Hội nghị tổng kết công tác người học nhằm đánh giá kết quả thực hiện nội dung công tác sinh viên trong năm học, triển khai phương hướng nhiệm vụ năm học mới. Hội nghị đã thảo luận tìm nguyên nhân, giải pháp để nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ SV thôi học ở một số ngành [GK.22.1.1]. Trong giai đoạn 2020 – 2023,

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp [GK.22.1.2].

Sau mỗi học kì, Nhà trường đã tổ chức cho SV học cải thiện điểm thông qua các học kỳ phụ, học kỳ linh hoạt [GK.22.2.1]. Trước mỗi kỳ thi, phòng Quản lý đào tạo tổng hợp báo cáo điều kiện thi kết thúc học phần (trong đó xác định số sinh viên thi lại, học lại) [GK.22.2.2]. Trên cơ sở báo cáo điều kiện thi mỗi học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch học lại, thi lại học kỳ phụ (học kỳ III) trong năm học [GK.22.2.3]. Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc quy định học song song hai chương trình đào tạo đối với sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa [GK.22.2.4].

Trong giai đoạn 2022 – 2024, Nhà trường đã ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [GK.22.3.1], quy trình hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục [GK.22.3.2] quy trình thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [GK.22.3.3] tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Quy trình khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được thực hiện định kỳ hàng năm đối với các khóa sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp, thu thập và tổng hợp thông tin từ các khoa và chương trình đào tạo khác nhau, sau đó báo cáo kết quả khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng [GK.22.3.4] [GK.22.3.5]. Dựa trên báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp các Khoa thực hiện đối sánh chất lượng giữa các khóa sinh viên tốt nghiệp trước đó và giữa các chương trình đào tạo trong trường [GK.22.3.6]. Đồng thời, tiến hành đối sánh với các trường Đại học khác có cùng ngành đào tạo như trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, trường Đại học Hồng Đức... [GK.22.3.7], để phân tích xu hướng và đánh giá mức độ hiệu quả của từng chương trình. Dựa trên kết quả đối sánh, các Khoa và đơn vị chức năng đã tổ chức các cuộc họp nhằm phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm [GK.22.3.8]. Qua đó nhà trường có thêm căn cứ để thực hiện các giải pháp để cải tiến hướng đến mục tiêu tăng tỉ lệ SV có việc làm ngay và có việc làm với mức thu nhập cao như: Điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo để phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời tăng cường tích hợp các kỹ năng mềm và kỹ năng thực hành vào chương trình học [GK.22.3.9] [GK.22.3.10] [GK.22.3.11] [GK.22.3.12]; Nhà trường đã đẩy mạnh việc hợp tác với các doanh nghiệp trong ngành và các trường đại học quốc tế, nhằm đảm

bảo chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu thực tế của thị trường lao động [GK.22.3.13], và tổ chức nhiều chương trình hướng nghiệp và các buổi giao lưu giữa sinh viên với cựu sinh viên thành đạt. Các chương trình này giúp sinh viên nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động và bổ sung các kỹ năng cần thiết để tăng khả năng cạnh tranh sau khi tốt nghiệp [GK.22.3.14].

Trong giai đoạn 2022 – 2024, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, đặc biệt trong công tác khảo sát và đánh giá chất lượng đào tạo.

Trên cơ sở các khuyến nghị, Nhà trường đã tiến hành rà soát lại bộ câu hỏi khảo sát sử dụng trong các năm trước [GK.22.4.1]. Nhà trường đã tiếp thu ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp, cựu sinh viên, và các nhà tuyển dụng, để điều chỉnh các câu hỏi sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và yêu cầu chuyên môn của từng ngành [GK.22.4.2]. Qua việc hợp phân tích và đối sánh, nhà trường đã cập nhật, bổ sung những câu hỏi khảo sát đặc thù riêng cho từng ngành học, đặc biệt là các ngành đặc thù như: các câu hỏi dành cho ngành Âm nhạc tập trung vào kỹ năng biểu diễn và sáng tác, trong khi các câu hỏi dành cho ngành Quản trị Du lịch và Lữ hành chú trọng đến khả năng quản lý, lập kế hoạch và điều hành các dịch vụ du lịch. [GK.22.4.3] [GK.22.4.4]. Từ năm 2023, nhà trường đã tiến hành khảo sát dựa trên bộ câu hỏi mới được ban hành [GK.22.4.5] [GK.22.4.6]. Dựa trên kết quả khảo sát các khoa đào tạo và các đơn vị chức năng đã tiến hành phân tích và đối sánh qua đó đề xuất các giải pháp để cải tiến [GK.22.4.7], qua đó nhà trường có cơ sở để tiến hành điều chỉnh đào tạo nhằm đảm bảo phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành [GK.22.4.8].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân:

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Nhà trường sẽ tiếp tục đối sánh số liệu tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp với các trường Đại học khác trên toàn quốc và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo	Các Ngành, Khoa đào tạo	Năm 2025
2.	Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo	Trung tâm DV, Hỗ trợ người học và QHDN;	Năm 2025

	phù hợp với nhu cầu tuyển dụng	các Khoa đào tạo	
3.	Tăng cường tổ chức các sự kiện giao lưu và chương trình thực tập cho sinh viên, giúp họ sớm nắm bắt cơ hội việc làm và tự tin khi gia nhập thị trường lao động	Trung tâm DV, Hỗ trợ người học và QHDN; các Khoa đào tạo; Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Năm 2025
4.	Tiếp tục hoàn thiện bộ câu hỏi đặc thù cho tất cả các ngành đào tạo, bao gồm các ngành có tính đặc thù cao như Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục Thể thao	Phòng KT & ĐBCLGD	Năm 2025
5.	Mở rộng hợp tác quốc tế để đối sánh chương trình đào tạo và khảo sát với các trường đại học nước ngoài, từ đó nâng cao chuẩn mực đào tạo và tăng cường tính cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động quốc tế	Phòng QLKH & HTQT	Năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5.0
Tiêu chí 22.1	5.0
Tiêu chí 22.2	5.0
Tiêu chí 22.3	5.0
Tiêu chí 22.4	5.0

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng ĐBCLGD

Nhà trường cần rà soát các văn bản quy định về hoạt động NCKH để bổ sung các loại hình và số lượng NCKH cho đầy đủ làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động NCKH hàng năm nhằm cải tiến chất lượng. Ban hành kế hoạch, hướng dẫn cụ thể việc đối sánh về loại hình, khối lượng NCKH của các đơn vị qua các năm học với các trường đại học khác và thực hiện phân tích, đánh giá để có biện pháp cải tiến số lượng, chất lượng NCKH của GV.

Nhà trường cần có chính sách hấp dẫn và phù hợp hơn để khuyến khích, hỗ trợ GV NCKH, đặc biệt là công bố bài báo trên các tạp chí thuộc danh mục WOS/Scopus.

Trường cần xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học một cách khoa học hơn để giám sát và cải tiến, tăng cường hoạt

động SV NCKH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như uy tín và thương hiệu của Nhà trường. Có chính sách tài chính đủ mạnh để khuyến khích, tạo động lực cho SV NCKH.

Nhà trường cần bổ sung xây dựng tiêu chí và quy trình đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học. Cần thiết lập cơ sở dữ liệu mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng công bố khoa học của GV và cán bộ nghiên cứu. Cần có chính sách đủ mạnh để thúc đẩy công bố quốc tế (tăng tiền thưởng; ưu tiên xét nâng lương trước thời hạn; bình xét thi đua, khen thưởng; phân bổ chỉ tiêu công bố cho các đơn vị để làm căn cứ đánh giá, xếp loại đơn vị,...).

Nhà trường cần có tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. Quan tâm hơn đến công tác bảo hộ tài sản trí tuệ của GV và SV. Cần thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Trường với các trường đại học khác nhằm tạo động lực cho Nhà trường phát triển các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ; đầu tư đưa phần mềm quản lý khoa học vào sử dụng để tăng cường quản lý tài sản trí tuệ của Trường cũng như xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loại hình, số lượng các tài sản trí tuệ để giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường cần có kế hoạch phân bổ kinh phí ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho thực hiện các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, đồng thời rà soát đảm bảo mức chi cho hoạt động KHCN theo quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014.

Cần có kế hoạch, hướng dẫn cụ thể việc đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH của Trường với các trường ĐH khác. Trên cơ sở kết quả đối sánh, thực hiện phân tích, đánh giá để có biện pháp cải tiến nâng cao số lượng công bố khoa học.

Nhà trường cần có quy định việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH cụ thể và chi tiết hơn (Quy định rõ đối tượng, số lượng khảo sát; hình thức khảo sát, xử lý số liệu, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; xây dựng công cụ khảo sát đảm bảo thông tin thu thập được đầy đủ, chính xác, tin cậy và việc sử dụng thông tin phản hồi trong việc cải tiến) làm cơ sở cho việc cải tiến phân bổ ngân quỹ.

Nhà trường cần có kế hoạch, hướng dẫn cụ thể việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo với các trường đại học khác trong nước và quốc tế. Trên cơ sở kết quả đối sánh, thực hiện phân tích, đánh giá để có cơ sở cải tiến chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

Cần có giải pháp đột phá nhằm nâng cao kết quả nghiên cứu và sáng tạo, tăng các công bố quốc tế và chuyển giao KHCN, thành lập các đơn vị khởi nghiệp theo thể mạnh sẵn có của Trường và phù hợp nhu cầu thị trường.

Cần có chính sách thu hút các nhà khoa học có chức danh, có trình độ và kinh nghiệm NCKH làm nòng cốt xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ NCKH cấp Bộ/Tỉnh/Nhà nước và nâng cao số lượng công bố khoa học Quốc tế và đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm NCKH.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị .

Nhà trường đã thường xuyên tiến hành rà soát và bổ sung các văn bản liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, cụ thể được quy định trong Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa [GK23.1.1]. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2030, theo Quyết định số Số 555/QĐ-ĐVTDT ngày 31/8/2015 [GK23.1.2].

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch KH&CN và quyết định ban hành về KPIs cho từng năm học nhằm mục tiêu cụ thể như: tăng cường cả về số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu, khuyến khích sự tham gia của giảng viên và sinh viên vào các dự án nghiên cứu, và thúc đẩy các dự án nghiên cứu liên ngành, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước [GK23.1.3, GK23.1.4].

Để phân tích, đánh giá đưa ra các giải pháp cải tiến số lượng, chất lượng NCKH của Giảng viên nhà trường đã ban hành kế hoạch, ban hành quy trình thực hiện đối sánh hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục, đồng thời hàng năm đều có các hoạt động đối sánh với các trường đại học trong và ngoài nước [GK23.1.5, GK23.1.6].

Nhằm khuyến khích hỗ trợ Cán bộ giảng viên NCKH đặc biệt là các công bố quốc tế, nhà trường cũng đã ban hành nhiều chính sách hấp dẫn và phù hợp hơn như Nghị quyết ban hành Quy định hỗ trợ đãi ngộ và thu hút đối với cán bộ giảng viên, viên chức có trình độ cao; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, đối với những công bố quốc tế thuộc danh mục WOS/Scopus còn được quy đổi với định mức giờ NCKH cao trong Quy định về chế độ làm việc đối với Giảng viên [GK23.1.7, GK23.1.8, GK23.1.9, GK23.1.10].

Nhà trường coi NCKH là nhiệm vụ và quyền lợi của sinh viên, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Hằng năm, nhà trường ban hành kế hoạch cụ thể cho hoạt động NCKH của SV, phòng QLKH-HTQT, các khoa đào tạo và Giảng viên chịu trách nhiệm hướng dẫn sinh viên từ bước đăng ký, xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu đến quá trình tổ chức nghiệm thu cấp trường **[GK23.2.1; GK23.2.2, GK23.2.3]**.

Để theo dõi và giám sát hiệu quả, các khoa đào tạo, Phòng QLKH-HTQT, Thư viện và các đơn vị liên quan phối hợp quản lý lưu trữ các sản phẩm NCKH của sinh viên, cập nhật dữ liệu NCKH sinh viên **[GK23.2.4]**. Hằng năm, nhà trường tổng kết và đối sánh kết quả hoạt động NCKH, đồng thời đề xuất phương hướng phát triển cho năm học tiếp theo **[GK23.2.5, GK23.2.6; GK 23.2.7; GK23.2.8]**.

Để khuyến khích các hoạt động NCKH của sinh viên, nhà trường cũng có nhiều chính sách hỗ trợ về tài chính như tăng định mức hỗ trợ cho sinh viên NCKH. Những đề tài có chất lượng sẽ được báo cáo tại Hội nghị tổng kết sinh viên NCKH, được xếp giải thưởng và tặng giấy khen, ưu tiên xét kết nạp đảng viên, giúp tạo động lực cho sinh viên tham gia NCKH tích cực hơn. **[GK23.2.9, GK23.2.10, GK23.2.11]**. Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường cũng hỗ trợ tap điều kiện để các đề tài, công trình nghiên cứu của sinh viên tham gia tại các giải thưởng KHCN dành cho HSSV như giải thưởng EUREKA, các cuộc thi thiết kế bài giảng Steam,...

Nhà trường luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của loại hình và số lượng công bố khoa học trong việc đánh giá chất lượng nghiên cứu của giảng viên, sinh viên và toàn bộ nhà trường. Các công bố khoa học không chỉ là minh chứng cho hoạt động nghiên cứu mà còn là cơ sở để phát triển năng lực nghiên cứu và nâng cao uy tín khoa học của trường. Nhà trường thực hiện việc rà soát chỉ tiêu KHCN hàng năm làm cơ sở cho việc xác lập và giám sát công bố khoa học một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy trong hoạt động nghiên cứu. **[GK23.3.1, GK23.3.2]**. Bên cạnh đó để đảm bảo cho hoạt động KHCN ngày càng gia tăng về số lượng và chất lượng, nhà trường cũng đã ban hành chỉ số năng lực thực hiện KPIs để đánh giá năng lực thực hiện KHCN của CBGV toàn trường **[GK23.3.4, GK23.3.5]**.

Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cụ thể việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo với các trường đại học trong nước **[GK23.3.6]**, thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo **[GK23.3.7]**.

Song song với việc thực thi các quy định về hoạt động NCKH, Nhà trường luôn có hệ thống giám sát và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về các hoạt động KHCN để có kế hoạch cải tiến chất lượng, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát lấy phản hồi của cán bộ, giảng viên và người lao động về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, nhằm giúp nhà trường thu thập thông tin về mức độ hài lòng trong công việc, điều kiện làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và những thách thức trong công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Dựa trên các phản hồi này, nhà trường có thể điều chỉnh các chính sách quản lý, phát triển nguồn nhân lực, và tạo ra môi trường làm việc tích cực hơn; nhà trường có thể điều chỉnh các chiến lược phát triển về đào tạo, nghiên cứu và quản lý để phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của xã hội **[GK23.3.8]**.

Bên cạnh thu thập thông tin phản hồi từ cán bộ, viên chức, người lao động, hàng năm nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch về việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về các lĩnh vực hoạt động của nhà trường nhằm giúp nhà trường nhận diện những điểm mạnh, yếu trong các hoạt động đào tạo và dịch vụ, từ đó cải thiện trải nghiệm học tập cho sinh viên giúp nhà trường hiểu rõ hơn những nhu cầu thực tế của các bên liên quan, từ đó xây dựng một môi trường học tập và làm việc chất lượng, bền vững và phù hợp với các xu hướng giáo dục và công nghệ hiện đại **[GK23.3.9]**.

Tài sản trí tuệ của nhà trường bao gồm các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài giảng, các bài báo khoa học, các công trình NCKH và các sáng kiến, tác phẩm nghệ thuật, chương trình biểu diễn... do cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, học sinh sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố như: Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác trong nước, quốc tế thông qua Trường, hoặc từ kinh phí của Trường (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc); Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của Trường; Nhà trường giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng, đơn vị thuộc Trường thực hiện; Nhà trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm. Đây là các sản phẩm trí tuệ được nhà trường quy định tại Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa **[GK23.4.1; GK23.4.2]**.

Hàng năm Nhà trường tiến hành các rà soát lại các loại hình sản phẩm khoa học công nghệ để đăng kí sở hữu trí tuệ **[GK23.4.3]**. Ưu tiên tuyên truyền tăng cường việc nâng cao hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ cho viên chức, giảng viên và gia tăng số

lượng sản phẩm KHCN đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở các quy định về sở hữu trí tuệ do Nhà nước ban hành, Nhà trường khuyến khích các đơn vị thực hiện và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm KHCN và có quy định cụ thể về bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KHCN.

Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ; Cơ sở dữ liệu được cập nhật về tài sản trí tuệ được nhà trường giao cho Phòng QLKH-HTQT tổng hợp và quản lý. Cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ được cập nhật hàng năm thông qua: Danh mục bài báo khoa học, Danh mục giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo, danh mục đề tài NCKH của SV **[GK23.4.4]**.

Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các loại hình số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo khoa học công nghệ hàng năm **[GK23.4.5; GK23.4.6; GK23.4.7; GK23.4.8, GK23.4.9; GK23.4.10]**.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã ưu tiên phân bổ kinh phí đầu tư nhiều hơn cho việc thực hiện các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, đồng thời quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, khen thưởng nghiên cứu khoa học cũng như tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo mức chi theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014. Hệ thống chính sách và phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được quy định rõ ràng trong các văn bản quy định về công tác tài chính như quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán kinh phí cho hoạt động KHCN, kế hoạch năm học của Phòng QLKH – HTQT và của Nhà trường, báo cáo công tác tài chính hàng năm, quy chế tổ chức và quản lý hoạt động KHCN **[GK23.5.1], [GK23.5.2], [GK23.5.3], [GK23.5.4], [GK23.5.5], [GK23.5.6]**.

Để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, đảm bảo đầu tư đúng chỗ và tăng hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã thực hiện đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH và điều chỉnh ngân quỹ hàng năm. Kết quả đối sánh cho thấy so với các trường đại học khác trong nước, ngân quỹ cho hoạt động NCKH của Nhà trường được quản lý khá tốt, nguồn thu tăng trưởng theo từng năm. **[GK23.5.7]**. Trong giai đoạn 2021 - 2024, nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa

học của Nhà trường chủ yếu đến từ các đề tài cấp tỉnh và các dự án khoa học khác do Trường triển khai. Nguồn thu này không chỉ góp phần gia tăng ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học, mà còn nâng cao chất lượng đầu tư, cải thiện hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất, đồng thời phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nhờ đó, số lượng công bố khoa học cũng được tăng cường đáng kể **[GK23.5.8] [GK23.5.9] [GK23.5.10], [GK23.5.11]**.

Song song với việc thực thi các quy định về việc phân bổ ngân quỹ, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể và chi tiết hơn về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan trong việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH **[GK23.5.12], [GK23.5.13], [GK23.5.14], [GK23.5.15]**. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đã quy định rõ đối tượng, số lượng khảo sát; hình thức khảo sát, xử lý số liệu, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; xây dựng công cụ khảo sát đảm bảo thông tin thu thập được đầy đủ, chính xác, tin cậy và việc sử dụng thông tin phản hồi trong việc cải tiến. Bên cạnh đó, trong các phiên họp nội bộ, Nhà trường đã tổ chức thu thập ý kiến đóng góp trực tiếp từ toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động về mức độ phù hợp của việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu, để kịp thời điều chỉnh lại những quy định sao cho hợp lý và hiệu quả hơn **[GK23.5.16]**.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai việc đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo với các trường đại học trong nước và các đối tác quốc tế của Nhà trường **[GK23.6.1], [GK23.6.2], [GK23.6.3], [GK23.6.4]**; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo **[GK23.6.5]**; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ vào thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo **[GK23.6.6], [GK23.6.7], [GK23.6.8]**, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu, góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.

Nhằm đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu đáp ứng nhiệm vụ phục vụ dạy-học, phục vụ phát triển KT-XH, đồng thời để thu lợi nhuận kinh tế từ các sản phẩm khoa học công nghệ Nhà trường đã có các giải pháp đột phá như sau: (1) Đẩy mạnh thực hiện các chính sách khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các công trình nghiên cứu, sáng tạo của giảng viên, sinh viên, các sản phẩm khoa học chất lượng cao được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, SCOPUS **[GK23.6.9]**,

[GK23.6.10], [GK23.6.11], [GK23.6.12]; (2) Thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; (3) Tổ chức các khóa tập huấn nâng cao chất lượng nghiên cứu cho giảng viên và thành lập câu lạc bộ nghiên cứu, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dành cho sinh viên Nhà trường [GK23.6.13].

Nhà trường đã xây dựng nhiều chính sách thu hút các nhà khoa học có chức danh, có trình độ kinh nghiệm NCKH làm nòng cốt thực hiện các nhiệm vụ NCKH cấp cao, cải tiến các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Nhờ đó, số lượng bài báo được công bố đã tăng trưởng đáng kể qua từng năm, thể hiện sự phát triển cả về chất lượng và số lượng trong hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [GK23.6.14]. Thêm vào đó, Nhà Trường còn có chính sách đầu tư, phát triển hoạt động chuyển giao công nghệ, khai thác thương mại từ các sản phẩm khoa học khoa học, đồng thời hướng dẫn cán bộ giảng viên lập hồ sơ chấp thuận chuyển giao công nghệ và hồ sơ cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, chính vì thế, 100% các đề tài đều được ứng dụng trong hoạt động đào tạo và trong thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng dạy – học của Nhà trường và thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển. [GK23.6.15], [GK23.6.17].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Hoạt động đối sánh với cơ sở giáo dục quốc tế tuy đã được nhà trường thực hiện nhưng còn khá khiêm tốn do mức độ tương đồng của chương trình đào tạo thấp.

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Xây dựng quy trình và kế hoạch đối sánh với các trường đại học trên thế giới	Phòng QLKH-HTQT	Năm học 2024-2025
2.	Tiếp tục rà soát các văn bản quy định về hoạt động KHCN để bổ sung các loại hình và số lượng NCKH	Phòng QLKH-HTQT	Năm học 2024-2025
3.	Tiếp tục xây dựng kế hoạch và khảo sát phản hồi các bên liên quan về hoạt động KHCN	Phòng QLKH-HTQT	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện: (theo 7 mức đánh giá)

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5

Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5



Báo cáo đánh giá
giữa chu kỳ CSGD 20

Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần ban hành quy trình giám sát và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về hoạt động kết nối và PVCD một cách bài bản nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối PVCD.

Nhà trường cần phân công cụ thể cá nhân/bộ phận và có quy trình giám sát các hoạt động này. Đồng thời, để hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng đạt hiệu quả và có ý nghĩa, Nhà trường cần thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể đưa ra các định hướng hoạt động kế tiếp hiệu quả hơn.

Nhà trường cần đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài trường để làm rõ kết quả đạt được, cũng như đưa ra các yếu tố cần cải tiến để thu được kết quả tốt hơn. Bên cạnh đó, Nhà trường cần ban hành quy trình, tiêu chí giám sát, đánh giá các hoạt động này để công tác kết nối phục vụ cộng đồng đạt hiệu quả và nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

Nhà trường cần định kỳ triển khai công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài tỉnh về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Nhà trường đã ban hành Quy định kết nối và phục vụ cộng đồng và kiện toàn Ban hỗ trợ người học và kết nối phục vụ cộng đồng [GK24.1.1] và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về hoạt động kết nối và PVCD một cách bài bản nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối PVCD [GK24.1.2].

Nhà trường đã phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị trong trường và có quy trình giám sát các đơn vị này. Cụ thể được thể hiện trong kế hoạch tổ chức các hoạt động Hỗ trợ người học và kết nối, phục vụ cộng đồng, năm học 2023-2024

[GK24.2.1]. Đồng thời, để hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng đạt hiệu quả và có ý nghĩa, Nhà trường đã thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể đưa ra các định hướng hoạt động kế tiếp hiệu quả hơn **[GK24.2.2].**

Nhà trường đã đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài trường để làm rõ kết quả đạt được, cũng như đưa ra các yếu tố cần cải tiến để thu được kết quả tốt hơn **[GK24.3.2.]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành quy trình, tiêu chí giám sát, đánh giá các hoạt động kết nối và PVCD để công tác này đạt hiệu quả và nâng cao thương hiệu của Nhà trường **[GK24.3.1].**

Nhà trường đã định kỳ triển khai công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài tỉnh về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng **[GK24.4.1], [GK24.4.2], [GK24.4.3], [GK24.4.4], [GK24.4.5], [GK24.4.5].**

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân

Không

4. Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Bảng đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về Quy định kết nối và PVCD	Phòng Chính trị Công tác HSSV	Năm 2024, 2025
2	Đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về phân công trách nhiệm của các bộ phận trong quy định kết nối và PVCD	Phòng Chính trị Công tác HSSV	Năm 2024, 2025
3	Đối sánh với các cơ sở giáo dục khác về kết quả hoạt động kết nối và PVCD	Phòng Chính trị Công tác HSSV	Năm 2024, 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực

Tên chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4.5
Tiêu chí 24.1	5.0
Tiêu chí 24.2	5.0
Tiêu chí 24.3	4.0
Tiêu chí 24.4	4.0

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

1. Khuyến nghị của Đoàn ĐGN và của Hội đồng KĐCLGD

Nhà trường cần tiến hành hoàn thiện và ban hành bộ chỉ báo và các chỉ tiêu phân đầu về hiệu quả tài chính có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong bảng cân đối, báo cáo thu nhập/chỉ tiêu, lợi tức đầu tư và phân tích tỷ lệ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.

Nhà trường cần tiến hành việc lựa chọn đối tác ngoài trường để đối sánh trong hoạt động tài chính của Nhà trường.

Cần tăng cường vai trò của HĐT trong việc kiểm soát và chất lượng kiểm soát, trong việc giám sát xây dựng và thực hiện các chỉ báo, chỉ tiêu hiệu suất/kết quả tài chính của Nhà trường.

Cần tiến hành khảo sát các bên liên quan trong trường về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ ở cả 4 khâu: kế hoạch, thông báo, khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát và kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả khảo sát.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về hiệu quả thị trường và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hiệu quả thị trường và các chỉ số có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở xếp hạng cạnh tranh quốc gia và quốc tế, quy mô thị trường hoặc thị phần, giải thưởng và sự hài lòng của các bên liên quan.

Cần có hệ cơ sở dữ liệu đầy đủ, có hệ thống giám sát; tiến hành đối sánh thu thập thông tin phản hồi trên cơ sở đó có kế hoạch cải tiến chất lượng để cải thiện hiệu quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã quy định.

Xây dựng kế hoạch và chủ động tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế.

2. Mô tả những hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị.

Để phấn đấu và nâng cao hiệu quả tài chính trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, trong thời gian qua, Nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản có liên quan nhằm hoàn thiện bộ chỉ báo và các chỉ tiêu phân đầu. Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã được Nhà trường dự thảo và đang trong quá trình lấy ý kiến góp ý của VC, NLĐ toàn trường; trong đó xác định “Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh, bền vững trên cơ

sở hình thành mạng lưới, chính sách tài chính có tính khả thi và nâng cao hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đảm bảo chính sách, phúc lợi cho người lao động; phấn đấu đến năm 2030, nhà trường thuộc nhóm đơn vị tự chủ nhóm 2 (*Tự đảm bảo chi thường xuyên*), đến năm 2045 thuộc nhóm đơn vị tự chủ nhóm 1 (*Tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư*); đa dạng hóa các nguồn thu đảm bảo mức tăng trưởng hàng năm **[G25.1.1]**. Bên cạnh Chiến lược, hàng loạt các văn bản thể hiện chi tiết các chỉ báo và các chỉ tiêu phấn đấu về hiệu quả tài chính đã được Nhà trường ban hành như: Phương án thực hiện cơ chế tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, với mục tiêu hướng tới tự chủ 70-80% chi thường xuyên vào năm 2025, lộ trình tăng học phí hàng năm từ 10-15% **[G25.1.2]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm trong đó quy định rõ các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[G25.1.3]**; Bộ chỉ số đo lường hiệu quả - KPIs giai đoạn 2022-2025 trong đó bao gồm các chỉ tiêu phấn đấu về tài chính như: Tỷ lệ tăng trưởng học phí hàng năm từ 10% - 15%; tỷ lệ chi cho hoạt động đào tạo: 90%; chi cho nghiên cứu khoa học 7,5%; chi cho phục vụ cộng đồng: 1%; chi khác: 1,5% **[G25.1.4]**. Để giúp nhà trường nghiên cứu phân tích và đánh giá một cách khách quan về hiệu quả tài chính của các hoạt động, từ đó điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp; thúc đẩy tìm kiếm các giải pháp mới, cải tiến phương pháp đào tạo và nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực tài chính, Nhà trường đã ban hành Bộ chỉ báo và các chỉ tiêu phấn đấu về hiệu quả tài chính năm 2023, năm 2024 **[G25.1.5]**.

Để có cơ sở cho việc cải tiến chất lượng hoạt động tài chính, Nhà trường đã thực hiện đối sánh bên ngoài trường về kết quả và chỉ số tài chính. Nguyên tắc xác định đối tác bên ngoài để thực hiện đối sánh là các trường đại học địa phương và các trường có hoạt động chuyên môn tương đồng. Theo đó, Trường đã thực hiện hoạt động khảo sát, thu thập thông tin để tổ chức đối sánh với Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương. Nội dung đối sánh chú trọng mức thu học phí các ngành đào tạo tương đồng, đối sánh việc phát triển nguồn thu hàng năm nhằm đưa ra mức độ cạnh tranh của nhà trường so với đơn vị khác, từ đó đưa ra các phương hướng, giải pháp tăng cường nguồn thu cho trường **[G25.1.6]**.

Hội đồng Trường luôn nâng cao vai trò, vị thế kiểm soát, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường, trong đó có lĩnh vực tài chính. Việc kiểm soát và giám

sát được Hội đồng trường thực hiện từ hoạt động xây dựng đến thực hiện các chỉ báo, chỉ tiêu kết quả tài chính thông qua Ban tài chính - Nhân sự - cơ sở vật chất của HĐT **[G25.1.7]**. Để tăng cường chất lượng hoạt động kiểm soát và giám sát Hội đồng Trường đã ban hành các Nghị quyết thể hiện nguyên tắc, nội dung, vai trò giám sát của Hội đồng Trường đối với các hoạt động của nhà trường trong đó có tài chính. **[G25.1.8],[G25.1.9]**. Các chủ trương về đầu tư, chế độ chính sách có mức kinh phí lớn đều được trình Hội đồng Trường biểu quyết thống nhất **[G25.1.10]**. Hội đồng trường còn phê duyệt quy chế tài chính của nhà trường **[G25.1.11]**; phê duyệt kế hoạch tài chính **[G25.1.12]**; quy chế chi tiêu nội bộ **[G25.1.13]** và mức thu học phí hàng năm **[G25.1.14]** nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm trong việc thu chi tài chính.

Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở năm 2022, Nhà trường đã tiến hành cải tiến hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan trong Trường. Nhà trường đã chú trọng việc cải tiến quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng bên trong Trường, trong đó các đối tượng khảo sát, hình thức khảo sát, quy mô và công cụ khảo sát được Nhà trường rà soát, bổ sung và quy định cụ thể trong Quyết định số 1184b/QĐ-ĐVTDĐT ngày 5/10/2023 **[GK25.1.15]**. Nhà trường đã thực hiện khảo sát các bên liên quan trong trường về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Phòng Kế hoạch - Tài chính là đơn vị được giao thực hiện đã chủ động lập kế hoạch và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, nhân viên trong trường. Để thu thập được các ý kiến phản hồi tích cực và hiệu quả của các bên liên quan, đơn vị thực hiện khảo sát (phòng KHTC) đã tiến hành thông báo kế hoạch khảo sát thông qua hệ thống email tên miền riêng của Nhà trường **[G25.1.16]**. Hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi được triển khai với nhiều hình thức khác nhau như: khảo sát online, khảo sát bằng phát phiếu, thu thập góp ý thông qua Hội nghị viên chức người lao động, Hội nghị dân chủ các lớp học sinh sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với học sinh sinh viên **[G25.1.17]**. Sau khi thu thập thông tin phản hồi, Nhà trường lập báo cáo tổng hợp, phân tích dữ liệu; xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính sau khảo sát được thảo luận thông qua việc họp bàn xin ý kiến **[G25.1.18]**. Ngoài ra Trường còn tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của tất cả các đơn vị trong trường về việc lập dự

toán các hoạt động chi thường xuyên **[G25.1.19]** , thu thập ý kiến góp ý quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[G25.1.20]** nhằm tăng cường sự minh bạch và đảm bảo việc tuân thủ đúng quy định, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài chính.

Để xác định cụ thể về hiệu quả thị trường và các chỉ số thị trường giáo dục của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã tiến hành rà soát và ban hành hệ thống các văn bản về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi; chiến lược phát triển trường, kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường, bộ chỉ số đo lường hiệu quả - KPIs,... Trong đó, Nhà trường quy định cụ thể về kết quả thị trường và các chỉ số thị trường giáo dục của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ mà Nhà trường hướng tới để đạt được trong giai đoạn từ nay đến 2030, cụ thể:

-Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 20/11/2023 về “Sứ mạng - Tầm nhìn - Mục tiêu - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục” Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa **[GK25.2.1]**. Nhà trường có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học lĩnh vực KHXXH, với 3 trụ cột chính là Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch; phục vụ cộng đồng góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước, đồng thời Nhà trường xác định mục tiêu là Xây dựng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch của khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước; từng bước mở rộng quy mô gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế;

- Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Nhà trường dự thảo và đang trong quá trình lấy ý kiến góp ý của VC, NLĐ toàn trường **[GK25.2.2]**; trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2030 trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, tiên phong trong chuyển đổi số, có hệ thống mô hình quản trị hiện đại, thông minh và chuyên nghiệp, đến năm 2045 trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng, là trung tâm đổi mới, sáng tạo, hội nhập và phát triển bền vững ngang tầm khu vực**[GK25.2.3]**;

-Quyết định số 1394/QĐ-ĐVTDĐT ngày 27/9/2022 ban hành Bộ chỉ số đo lường hiệu quả công việc - KPIs (Key Performance Indicator) áp dụng cho Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa **[GK25.2.3]**

Nhà trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. *Về hoạt động đào tạo*: Dữ liệu mở ngành đào tạo; phát triển chương trình đào tạo; quyết định trúng tuyển và nhập học; quyết định tốt nghiệp và các chỉ số người học được lưu trữ tại phòng Quản lý Đào tạo, phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên và Liên kết. **[GK25.2.4]**; *Về công tác nghiên cứu khoa học*: Các dữ liệu về triển khai đề tài NCKH các cấp; bài báo trong nước, quốc tế, sách giáo trình xuất bản được lưu trữ tại Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế. **[GK25.2.5]**; *Về hoạt động phục vụ cộng đồng*: Dữ liệu các lớp đào tạo ngắn hạn được lưu trữ tại Trung tâm NN-TH, Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ người học và QHDN; các cuộc thi, tham gia giải quốc tế, quốc gia lĩnh vực âm nhạc và thể thao; các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn, Đoàn thanh niên; hoạt động truyền thông Nhà trường được lưu trữ dưới dạng dữ liệu video, hình ảnh, văn bản tại các đơn vị. **[GK25.2.6]**. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ các dữ liệu có liên quan đến hoạt động chuyên môn nhằm phục vụ công tác điều hành, quản lý trên phần mềm chuyên dụng, trang Web, các văn bản, báo cáo của các đơn vị có liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường thường xuyên theo dõi, đôn đốc đảm bảo kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra; hệ thống giám sát hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường được xác lập theo ba cấp: (1) Hội đồng Trường thành lập các Ban Quản trị Chiến lược, Ban Đào tạo – Khoa học, Ban Tài chính – Nhân sự - CSVC thực hiện giám sát hiệu quả và kết quả chỉ số hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; (2) Ban giám hiệu, Hội đồng Sư phạm, Hội đồng Khoa học – Đào tạo của Trường thực hiện quản lý, định hướng và chỉ đạo hiệu quả, kết quả các chỉ số hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; (3) Bộ phận pháp chế - Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng QLKH-HTQT, Phòng CT-CTHSSV, Phòng Thanh tra, Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, kết quả và cải tiến các chỉ số hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ **[GK25.2.7]**. Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có thể giám sát về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua tổ chức lấy ý kiến góp ý và báo cáo công khai tại Hội nghị

viên chức và người lao động, Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với HSSV hàng năm; từ đó, các phòng chức năng phụ trách về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ có cơ sở xây dựng kết hoạch cải tiến chất lượng [GK25.2.8]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục trong đó xác định rõ phạm vi đối sánh các đơn vị trong trường, giữa Nhà trường với các đối tác trong nước và nước ngoài; từ đó các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập như: Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT, chi phí đầu tư cho tuyển sinh, chính sách thu hút người học,... [GK25.2.09].

Nhà trường xác định việc tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế là cần thiết để khẳng định vị trí, thương hiệu và là một cơ sở quan trọng để Nhà trường cải tiến những hạn chế. Đảng ủy, BGH nhà trường đã giao cho các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện như: dạy học, công bố bài báo khoa học, nhiệm vụ KHCN và sáng chế, chất lượng người học, cơ sở vật chất theo tiêu chí chất lượng công nhận để tham gia xếp hạng vào năm 2025.[GK25.2.10].

3. Những hoạt động chưa thực hiện được và nguyên nhân.

Nhà trường chưa tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế, do là một trường đại học địa phương đặc thù, đa ngành nghề, nhà trường muốn tập trung đầu tư vững chắc vào chất lượng giảng dạy, cơ sở hạ tầng và nghiên cứu trước khi đáp ứng các tiêu chí đánh giá, đảm bảo rằng khi tham gia, nhà trường có thể đạt thứ hạng tốt và duy trì lâu dài.

4.Kế hoạch hành động trong nửa chu kỳ tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp tục ban hành các chỉ báo và chỉ tiêu phấn đấu hoạt động tài chính hàng năm; lập báo cáo đánh giá hàng năm	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giai đoạn 2024-2027
2.	Tiếp tục đối sánh trong và ngoài trường về các chỉ tiêu tài chính	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giai đoạn 2024-2027
3.	Tiếp tục khảo sát các bên liên quan trong trường về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giai đoạn 2024-2027
4.	Tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế	Phòng QLĐT, Phòng QLKH-HTQT	Năm 2025

5. Tự đánh giá kết quả đã thực hiện:

Têu chuẩn/Tiêu chí	Mức tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	4,5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

**Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá giữa chu kỳ chất lượng
Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá**

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	3.81	4.64	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	3.8	4.60	
1.	<i>Tiêu chí 1.1:</i> Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 1.2:</i> Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 1.3:</i> Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 1.4:</i> Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để ssáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	4	4	
5.	<i>Tiêu chí 1.5:</i> Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	3	4	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2: Quản trị</i>	3.75	4.25	
1.	<i>Tiêu chí 2.1:</i> Hệ thống quản trị (bao gồm HĐQT hoặc HĐT; các tổ chức Đảng, đoàn thể; các Hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
2.	<i>Tiêu chí 2.2:</i> Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 2.3:</i> Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 2.4:</i> Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn	3	4	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý</i>	3.75	4.75	
1.	<i>Tiêu chí 3.1:</i> Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 3.2:</i> Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 3.3.:</i> Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 3.4:</i> Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn	3	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược</i>	4.0	4.75	
1.	<i>Tiêu chí 4.1:</i> Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	4	4	
2.	<i>Tiêu chí 4.2:</i> Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện	4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
3.	<i>Tiêu chí 4.3:</i> Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 4.4:</i> Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD</i>	3.75	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 5.1:</i> Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 5.2:</i> Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 5.3:</i> Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên	3	5	
4.	<i>Tiêu chí 5.4:</i> Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực</i>	3.86	4.70	
1.	<i>Tiêu chí 6.1:</i> Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	3	4	
2.	<i>Tiêu chí 6.2:</i> Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 6.3:</i> Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 6.4:</i> Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng	4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó			
5.	<i>Tiêu chí 6.5:</i> Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4	5	
6.	<i>Tiêu chí 6.6:</i> Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên	4	5	
7.	<i>Tiêu chí 6.7:</i> Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	3.60	4.60	
1.	<i>Tiêu chí 7.1:</i> Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 7.2:</i> Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 7.3:</i> Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành	3	4	
4.	<i>Tiêu chí 7.4:</i> Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn	4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành			
5.	<i>Tiêu chí 7.5:</i> Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành	3	4	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4.0	4.50	
1.	<i>Tiêu chí 8.1:</i> Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	4	
2.	<i>Tiêu chí 8.2:</i> Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 8.3:</i> Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 8.4:</i> Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	3.78	4.30	
II.1	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4.0	4.17	
1.	<i>Tiêu chí 9.1:</i> Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 9.2:</i> Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng	5	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục			
3.	<i>Tiêu chí 9.3:</i> Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 9.4:</i> Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai	4	4	
5.	<i>Tiêu chí 9.5:</i> Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục	4	4	
6.	<i>Tiêu chí 9.6:</i> Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục	3	4	
II.2	<i>Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và ĐGN</i>	3.75	4.75	
1.	<i>Tiêu chí 10.1:</i> Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài được thiết lập	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 10.2:</i> Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo	3	4	
3.	<i>Tiêu chí 10.3:</i> Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 10.4:</i> Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	4	5	
II.3	<i>Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	3.75	4.25	
1.	<i>Tiêu chí 11.1:</i> Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên	4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập			
2.	<i>Tiêu chí 11.2:</i> Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định, đồng thời đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn	3	5	
3.	<i>Tiêu chí 11.3:</i> Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 11.4:</i> Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4	4	
II.4	<i>Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng</i>	3.6	4.00	
1.	<i>Tiêu chí 12.1:</i> Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và Phục vụ cộng đồng	4	4	
2.	<i>Tiêu chí 12.2:</i> Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 12.3:</i> Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 12.4:</i> Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát	3	4	
5.	<i>Tiêu chí 12.5:</i> Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các	3	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng			
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	3.82	4.36	
III.1	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	3.8	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 13.1:</i> Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 13.2:</i> Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 13.3:</i> Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 13.4:</i> Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học	4	5	
5.	<i>Tiêu chí 13.5:</i> Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả	3	5	
III.2	Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình	3.8	4.00	
1.	<i>Tiêu chí 14.1:</i> Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan	4	4	
2.	<i>Tiêu chí 14.2:</i> Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 14.3:</i> Các đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra	3	4	
4.	<i>Tiêu chí 14.4:</i> Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện	4	4	
5.	<i>Tiêu chí 14.5:</i> Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải	4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn luôn thay đổi của các bên liên quan			
III.3	Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3.8	4.00	
1.	<i>Tiêu chí 15.1:</i> Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra	3	4	
2.	<i>Tiêu chí 15.2:</i> Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 15.3:</i> Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 15.4:</i> Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng	4	4	
5.	<i>Tiêu chí 15.5:</i> Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời	4	4	
III.4	Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3.75	4.75	
1.	<i>Tiêu chí 16.1:</i> Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 16.2:</i> Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 16.3:</i> Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt chuẩn đầu ra	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 16.4:</i> Các loại hình và phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác tin cậy, và hướng tới đạt CĐR	3	4	
III.5	Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động hỗ trợ và PVNH	3.75	4.00	
1.	<i>Tiêu chí 17.1:</i> Có kế hoạch triển khai	4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học			
2.	<i>Tiêu chí 17.2:</i> Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	3	4	
3.	<i>Tiêu chí 17.3:</i> Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 17.4:</i> Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	4	4	
III.6	<i>Tiêu chuẩn 18: Quản lý NCKH</i>	3.75	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 18.1:</i> Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 18.2:</i> Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 18.3:</i> Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu	3	5	
4.	<i>Tiêu chí 18.4:</i> Công tác quản lý và nghiên cứu khoa học được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học	4	5	
III.7	<i>Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ</i>	3.75	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 19.1:</i> Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 19.2:</i> Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai	3	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
3.	<i>Tiêu chí 19.3:</i> Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 19.4:</i> Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng	4	5	
III.8	<i>Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4.0	4.50	
1.	<i>Tiêu chí 20.1:</i> Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 20.2:</i> Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 20.3:</i> Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 20.4:</i> Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu	4	4	
III.9	<i>Tiêu chuẩn 21: Kết nối và PVCD</i>	4.0	4.00	
1.	<i>Tiêu chí 21.1:</i> Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Cơ sở giáo dục	4	4	
2.	<i>Tiêu chí 21.2:</i> Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện	4	4	
3.	<i>Tiêu chí 21.3:</i> Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 21.4:</i> Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3.83	4.75	
IV.1	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	4.0	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 22.1:</i> Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học	4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến			
2.	<i>Tiêu chí 22.2:</i> Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 22.3:</i> Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 22.4:</i> Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
IV.2	<i>Tiêu chuẩn 23: Kết quả NCKH</i>	3.83	5.00	
1.	<i>Tiêu chí 23.1:</i> Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 23.2:</i> Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 23.3:</i> Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
4.	<i>Tiêu chí 23.4:</i> Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
5.	<i>Tiêu chí 23.5:</i> Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	3	5	
6.	<i>Tiêu chí 23.16:</i> Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
IV.3	<i>Tiêu chuẩn 24: Kết quả PVCD</i>	4.0	4.50	
1.	<i>Tiêu chí 24.1:</i> Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để	4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Tự đánh giá (giữa kỳ)	Ghi chú
	cải tiến			
2.	<i>Tiêu chí 24.2:</i> Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
3.	<i>Tiêu chí 24.3:</i> Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	4	
4.	<i>Tiêu chí 24.4:</i> Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	4	
IV.4	<i>Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường</i>	3.5	4.50	
1.	<i>Tiêu chí 25.1:</i> Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	4	5	
2.	<i>Tiêu chí 25.2:</i> Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến	3	4	
	Tổng cộng	3.81	4.64	

Ghi chú:

Tiêu chí có điểm cao nhất: 5/7 điểm (tiêu chí: 1.1; 1.2; 1.3; 2.2; 3.1; 3.2; 3.3; 4.2; 4.3; 4.4; 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 6.2; 6.3; 6.5; 6.6; 6.7; 7.1; 7.2; 7.4; 8.3; 8.4; 9.1; 10.1; 10.3; 10.4; 11.2; 13.1; 113.2; 13.3; 13.4; 13.5; 16.1; 16.2; 16.3; 18.1; 18.2; 18.3; 18.4; 19.1; 19.2; 19.3; 19.4; 20.1; 20.3; 22.1; 22.2; 22.3; 22.4; 23.1; 23.2; 23.3; 23.4; 23.5; 23.6; 24.1; 24.2; 25.1);

Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (tiêu chí 1.4; 1.5; 2.1; 2.3; 2.4; 3.4; 4.1; 6.1; 6.4; 7.3; 7.5; 8.1; 8.2; 9.2; 9.3; 9.4; 9.5; 9.6; 10.2; 11. 1; 11.3; 11.4; 12.1; 12.2; 12.3; 12.4; 12.5; 14.1; 14.2; 14.3; 14.4; 14.5; 15.1; 15.2; 15.3; 15.4; 15.5; 16.4; 17.1; 17.2; 17.3; 17.4; 20.2; 20.4; 24.3; 24.4; 25.2);

Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);

Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);

Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Phần III. KẾT LUẬN

Sau một nửa chu kỳ thực hiện ĐGN CSGD (4/2022-10/2024). Thực hiện các khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD, Trường Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD (Kế hoạch 1266 /ĐVTDT-KH ngày 23/8/2022) một cách nghiêm túc và đồng bộ. Mặc dù trong giai đoạn 2022-2024, Nhà trường gặp không ít những khó khăn, thách thức trong bối cảnh, yêu cầu về đổi mới giáo dục toàn diện đáp ứng xu thế hội nhập và chuyển đổi số của thời đại công nghệ 4.0. Đặc biệt là tác động sau dịch bệnh Covid 19 toàn cầu đã tác động rất lớn đến kết quả và mục tiêu phát triển của Nhà trường trong thời gian vừa qua; Sự thay đổi về các chính sách của Nhà nước và địa phương cũng là ảnh hưởng không nhỏ tới các hoạt động của Nhà trường nói chung và hoạt động cải tiến chất lượng nói riêng. Nhưng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể Nhà trường từ Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong toàn Trường, hoạt động cải tiến chất lượng sau ĐGN CSGD của Nhà trường cơ bản đảm bảo đúng tiến độ và đạt được một số kết quả/chi tiêu chính trên các lĩnh vực, đồng thời các kết quả cải tiến đã có những tác động tích cực đối với các hoạt động của Nhà trường, cụ thể:

+ *Đối với lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược:*

Hoạt động phổ biến, truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức khác nhau; Nhà trường đã kiện toàn được Hội đồng trường, thành lập các ban kiểm soát và giám sát nhằm giúp Hội đồng trường, Ban giám hiệu Nhà trường nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức các hoạt động theo đúng các quy định. Trong giai đoạn từ 2022-2024, Nhà trường đã triển khai rà soát và điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường, thực hiện đề án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Trường, rà soát điều chỉnh lại Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị nhằm đảm bảo được tính chuyên trách trong bộ máy quản lý, Chiến lược phát triển Trường và các kế hoạch chiến lược trên một số lĩnh vực như ĐBCL, Đào tạo bồi dưỡng, KH-CN được xây dựng với các KPI cụ thể và triển khai đồng bộ, hiệu quả; Các chính sách về đào tạo, NCKH, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giảng viên, người lao động, công tác cán bộ, thi đua khen thưởng, tài chính, PVCĐ... của Nhà trường được định kỳ, thường xuyên rà

soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường và địa phương, từ đó tạo điều kiện, động lực thúc đẩy các hoạt động của Nhà trường; Các quy trình về quản lý hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ... được rà soát, xây dựng và điều chỉnh phù hợp và vận hành hiệu quả.

+ Đối với lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống:

Hệ thống văn bản, quy định, quy trình, kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm về công tác ĐBCL trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thiết lập, bổ sung, rà soát và triển khai đồng bộ, liên tục và có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong các hoạt động của Nhà trường; Hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên trách ĐBCL, cán bộ, giảng viên về hoạt động ĐBCL, KĐCL và xây dựng phát triển các CTĐT được Nhà trường quản tâm chỉ đạo thực hiện, tạo điều kiện để giảng viên nâng cao các kỹ năng về xây dựng CTĐT, ĐCCT và các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, TĐG các CTĐT. Trong giai đoạn 2022-2024, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai TĐG, ĐGN 12 CTĐT đảm bảo vượt chỉ tiêu đề ra; Hệ thống thông tin ĐBCL được liên tục rà soát, cải tiến. Các thông tin về ĐBCL: Quy trình thủ tục, kế hoạch, chính sách, báo cáo, các ý kiến phản hồi của các bên liên quan... được thu thập, quản lý thống nhất, được phân tích, đánh giá kịp thời nhằm hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của Nhà trường.

+ Đối với lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chức năng:

Các quy trình, hướng dẫn về xây dựng và phát triển các CTĐT được rà soát và điều chỉnh định kỳ nhằm tạo điều kiện cho giảng viên thực hiện một cách thuận lợi, thống nhất trong quá trình rà soát, chỉnh sửa, xây dựng các CTĐT hằng năm hoặc theo định kỳ; Trong giai đoạn 2022-2024, Nhà trường đã triển khai vận dụng linh hoạt và hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến để đáp ứng với nhu cầu của người học theo đúng quy định, đảm bảo hoạt động dạy học được liên tục và hoàn thành đúng kế hoạch năm học; các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện thường xuyên 02 lần/năm học; Nhà trường đã ban hành các quy định, hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên trong việc xây dựng ĐCCT, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm đảm bảo phù hợp với CĐR, các ngân hàng câu hỏi, đề thi hàng năm được rà soát, bổ sung kịp thời. Định kỳ hằng năm, Nhà trường đều triển khai lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học nhằm thu thập thông tin tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động cải tiến chất lượng, đồng thời điều chỉnh kịp thời hoạt động của Nhà trường;

Các quy định, quy trình, chính sách về hoạt động NCKH được Nhà trường rà soát, điều chỉnh kịp thời trong giai đoạn vừa qua, bước đầu đã có tác động tích cực trong nhận thức và tạo động lực cho giảng viên, sinh viên thực hiện các hoạt động KH-CN.

+ Đối với lĩnh vực kết quả hoạt động:

Trong giai đoạn 2022-2024, các hoạt động đối sánh về chất lượng giáo dục như tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng lao động về tình hình sinh viên tốt nghiệp và CTĐT được Nhà trường chú trọng và triển khai định kỳ qua các lần TĐG và điều chỉnh CTĐT. Kết quả đối sánh và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan là một trong những kênh thông tin quan trọng để các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm thực hiện cải tiến chất lượng phục vụ giảng dạy, điều chỉnh các CTĐT cho phù hợp với thực tế; Các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, hỗ trợ khởi nghiệp của sinh viên được Nhà trường, các khoa, bộ môn quan tâm, đầu tư thông qua các câu lạc bộ nghề nghiệp, câu lạc bộ học tập và các kế hoạch khởi nghiệp, học phần hỗ trợ trong các CTĐT, qua các diễn đàn... nhằm không ngừng nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên có khả năng tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp. Từ năm 2022, Nhà trường đã điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, trong đó đã giao cho phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên là đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý, triển khai và giám sát các hoạt động kết nối và PVCD. Các kế hoạch về kết nối và PVCD được Nhà trường xây dựng, triển khai hằng năm, đồng thời sau mỗi năm thực hiện, Nhà trường đều tiến hành khảo sát các bên liên quan để có cơ sở cải tiến, điều chỉnh hoạt động này cho phù hợp với các năm tiếp theo.

Ngoài những kết quả cải tiến chất lượng đã được Nhà trường thực hiện, song vẫn còn những tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục (đã được nêu cụ thể ra trong báo cáo từng tiêu chuẩn) theo khuyến cáo của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLDG. Với quyết tâm và tinh thần cầu thị, Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện cải tiến chất lượng với kết quả cao nhất trong nửa chu kỳ tiếp theo./

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Thanh Hà

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1210/QĐ-ĐVTDĐT

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng đánh giá
giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1221/2011/QĐ - TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ- TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ công văn số 35/KĐCL ngày 25/6/2024 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh về việc báo cáo giữa kỳ KĐCL CSGD;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và Ban thư ký của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa gồm các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng và Ban thư ký có nhiệm vụ triển khai công tác đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh.

Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Ban Giám Hiệu (để c/d);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCLGD.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Thục



DANH SÁCH THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ GIỮA CHU KỲ KĐCL CSGD
(Kèm theo Quyết định số: 1210/QĐ-ĐVTDT ngày 15 tháng 7 năm 2024
Của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS.Lê Thanh Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	TS.Vũ Văn Tuyển	Chủ tịch HĐT	Phó Chủ tịch HĐ
3.	PGS.TS.Nguyễn Thị Thục	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTT
4.	TS.Đồng Hương Lan	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
5.	ThS.Hoàng Bá Khải	TP.Thanh tra	Thành viên
6.	ThS.Lê Đình Rực	TP.KH-TC	Thành viên
7.	ThS.Lê Ngọc Hoàn	TP.KT-ĐBCLGD	Thành viên-Thư ký
8.	TS.Nguyễn Thị Hà	TP.QLĐT	Thành viên
9.	ThS. Đoàn Tiến Dũng	TP.HCTH	Thành viên
10.	ThS.Phạm Thị Phụng	TP.TCCB	Thành viên
11.	TS.Hà Đình Hùng	TP.SDH	Thành viên
12.	ThS.Nguyễn Đình Thảo	GD.TT.GDTX-LK	Thành viên
13.	TS.Mai Anh Vũ	TP.QLKH-HTQT	Thành viên
14.	ThS.Trịnh Tất Đạt	GD.TT.TTTV	Thành viên
15.	ThS.Lê Xuân Sơn	TP.CTCT-HSSV	Thành viên
16.	TS.Nguyễn Thị Thanh Nga	GD.TT.NN-TH	Thành viên
17.	ThS.Lê Văn Dương	TP.QTCSVC	Thành viên
18.	ThS.Phùng Thị Thúy	TP.TT&TS	Thành viên
19.	TS. Hoàng Thị Huệ	TK.NN-TH	Thành viên
20.	TS.Nguyễn Thị Tình	TK.Luật-QLNN	Thành viên
21.	TS.Lê Thị Thảo	TK.VHTT	Thành viên
22.	TS.Trịnh Ngọc Trung	TK.TDĐT	Thành viên
23.	TS.Nguyễn Trúc Quỳnh	TK.Du lịch	Thành viên
24.	TS.Lã Thị Tuyên	TK.GDMN-TH	Thành viên
25.	ThS.Lê Bá Thành	GD.TT.DV,HTNH&QHDN	Thành viên
26.	TS.Trần Việt Anh	TK.Mỹ thuật	Thành viên
27.	ThS.Phạm Hoàng Hiền	TK.Âm nhạc	Thành viên
28.	TS.Nguyễn Thị Hồng	Chi tịch Công đoàn	Thành viên
29.	ThS.Đỗ Thị Lam	Bí thư ĐTN	Thành viên

(Danh sách gồm 29 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ GIỮA CHU KỲ KĐCL CSGD
(Kèm theo Quyết định số: 1210/QĐ-ĐVTDT ngày 15 tháng 7 năm 2024
Của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	ThS.Lê Ngọc Hoàn	TP.KT-ĐBCLGD	Trưởng Ban thư ký
2.	TS.Nguyễn Thị Hà	TP.QLĐT	Thành viên
3.	ThS.Trịnh Tất Đạt	Giám đốc TT.TTTV	Thành viên
4.	TS.Mai Anh Vũ	TP.QLKH-HTQT	Thành viên
5.	TS.Nguyễn Đình Nghĩa	PTP.Thanh tra	Thành viên
6.	ThS.Lưu Vũ Nam	PTP.QLĐT	Thành viên
7.	ThS.Giáp Thị Phương	CV.P.KT-ĐBCLGD	Thành viên
8.	ThS.Nguyễn Thị Nhung	PTK.VHTT	Thành viên
9.	ThS.Lê Thị Lan Hương	PTP.HCTH	Thành viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Hằng	PTP.CTCT-HSSV	Thành viên
11.	TS.Nguyễn Thanh Tâm	PGĐ.TT.DV,HTNH&QHDN	Thành viên
12.	TS.Phạm Thị Hải Yến	PTK.Khoa TDTT	Thành viên
13.	ThS.Trịnh Thị Yến	CV.P.TT&TS	Thành viên
14.	CN.Hoàng Anh Sơn	CV.P.KT-ĐBCLGD	Thành viên
15.	ThS.Phạm Thị Thu Liên	CV.P.KT-ĐBCLGD	Thành viên
16.	ThS.Trịnh Thị Hậu	CV.P.KT-ĐBCLGD	Thành viên
17.	ThS.Lê Văn Dũng	CV.P.KT-ĐBCLGD	Thành viên
18.	ThS.Vũ Thị Hạnh	CV.P.QLKH-HTQT	Thành viên
19.	ThS.Lê Thị Hòa	CV.P.QLKH-HTQT	Thành viên
20.	ThS.Lê Thị Thùy	CV.P.TCCB	Thành viên
21.	ThS.Lê Thị Trang	CV.P.KHTC	Thành viên

(Danh sách gồm 21 người)



DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số: 1210/QĐ-ĐVTDT ngày 15 tháng 7 năm 2024
Của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

TT	Nội dung	Nhóm, Trưởng nhóm	Thành viên
1.	Phần I. Thông tin chung Phần II. Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phần III. Kết luận	Nhóm 1 TS. Vũ Văn Tuyên	ThS. Phạm Thị Phụng ThS. Đoàn Tiến Dũng ThS. Hoàng Bá Khải TS. Lê Thị Tuyên ThS. Lê Thị Lan Hương TS. Nguyễn Đình Nghĩa ThS. Lê Thị Thùy
2.	Phần II. Tiêu chuẩn: 7, 25	Nhóm 2 PGS. TS. Nguyễn Thị Thục	ThS. Lê Đình Rực ThS. Lê Văn Dương ThS. Trịnh Tất Đạt TS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Đỗ Thị Hằng
3.	Phần II. Tiêu chuẩn: 8, 18, 19, 20, 23	Nhóm 3 TS. Mai Anh Vũ	TS. Hà Đình Hùng TS. Nguyễn Trúc Quỳnh TS. Lê Thị Thảo ThS. Vũ Thị Hạnh ThS. Lê Thị Hòa
4.	Phần II. Tiêu chuẩn 9, 10, 11, 16	Nhóm 4 ThS. Lê Ngọc Hoàn	ThS. Giáp Thị Phương CN. Hoàng Anh Sơn ThS. Phạm Thị Thu Liên ThS. Trịnh Thị Hậu ThS. Lê Văn Dũng ThS. Lê Thị Hiền
5.	Phần II. Tiêu chuẩn: 12, 13, 14, 15, 22	Nhóm 5 TS. Nguyễn Thị Hà	ThS. Phùng Thị Thúy Phương ThS. Lê Bá Thành TS. Nguyễn Thanh Tâm TS. Trịnh Thị Yến ThS. Lưu Vũ Nam ThS. Nguyễn Đình Thảo TS. Nguyễn Thị Tình TS. Trần Việt Anh
6.	Phần II. Tiêu chuẩn: 17, 21, 24	Nhóm 6 TS. Đồng Hương Lan	ThS. Lê Xuân Sơn TS. Phạm Thị Hải Yến ThS. Nguyễn Thị Nhung TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đỗ Thị Lam TS. Trịnh Ngọc Trung ThS. Phạm Hoàng Hiền

(Danh sách gồm 6 nhóm chuyên trách)

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Số: 1217 /KH-ĐVTDT

**KẾ HOẠCH
ĐÁNH GIÁ GIỮA CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC**

I. Căn cứ thực hiện

- Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh.

- Nghị quyết số 83/NQ-HĐKĐCLGD ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Vinh về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá;

- Kế hoạch số 1337b/KH-ĐVTDT ngày 07/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá về việc ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2022-2023;

- Kế hoạch số 1226/ KH-ĐVTDT ngày 23/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá về việc ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đánh giá việc thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng sau 2 năm kiểm định chất lượng (KĐCL) và xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng trong những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Phản ánh trung thực, khách quan tình hình thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục.

- Đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng khả thi, phù hợp với nguồn lực; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể, chi tiết.

III. Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

1. Thành phần

Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ KĐCL cơ sở giáo dục được thành lập theo Quyết định số ngày tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Nhà trường. Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách đính kèm).

2. Phân công thực hiện

a) Chỉ đạo, thẩm định chung:

- PGS.TS. Lê Thanh Hà, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng, Chỉ đạo chung.

- PGS.TS. Nguyễn Thị Thục, Phó Hiệu trưởng – Phó Chủ tịch Hội đồng, phụ trách thực hiện.

b) Ban thư ký: Chịu trách nhiệm rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo chung.

- ThS. Lê Ngọc Hoàn, Trưởng phòng KT-ĐBCLGD - Trưởng ban

- Các thành viên Ban Thư ký (có danh sách kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐVTDT ngày tháng 7 năm 2024)

c) Nhiệm vụ các thành viên trong Hội đồng

Trực tiếp thu thập, phân tích minh chứng và viết báo cáo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1.	Phần I. Thông tin chung. Phần II. Tiêu chuẩn: 1, 2,3,4,5,6. Phần III. Kết luận.	Ban Giám hiệu	Nhóm 1
		Hội đồng trường	
		Phòng TCCB	
		Phòng HCTH	
2.	Phần II. Tiêu chuẩn: 7,25	Ban Giám Hiệu	Nhóm 2
		Phòng KHTC	
		Phòng QT-CSVC	
		Trung tâm TTTV	
		Trung tâm NN-TH	
3.	Phần II. Tiêu chuẩn: 8, 18, 19, 20, 23.	Ban Giám Hiệu	Nhóm 3
		Phòng QLKH-HTQT	
4.	PhầnII. Tiêu chuẩn 9, 10, 11, 16.	Ban Giám Hiệu	Nhóm 4
		Phòng KT-ĐBCLGD	
5.	Phần II. Tiêu chuẩn: 12, 13, 14, 15, 22.	Ban Giám Hiệu	Nhóm 5
		Phòng QLĐT	
		Trung tâm GDTX-LK	
		Phòng TT&TS	
		Trung tâm DV,HTNH&QHDN	
6.	Phần II. Tiêu chuẩn: 17, 21, 24	Ban Giám Hiệu	Nhóm 6
		Phòng CTCT-HSSV	
		Công đoàn trường	
		Đoàn thanh niên	

IV. Kế hoạch cụ thể

TT	Thời gian	Nội dung công việc
1.	Từ 15 – 30/7/2024 (2 tuần)	- Họp lãnh đạo Nhà trường: + Thống nhất mục đích, phạm vi, thời gian và các thành viên của Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ KĐCL (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá). + Hiệu trưởng phê duyệt Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá. - Họp Hội đồng đánh giá: + Công bố Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá. + Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. + Lập kế hoạch đánh giá giữa chu kỳ KĐCL. + Dự thảo kế hoạch đánh giá giữa chu kỳ KĐCL.
2.	Từ 01 – 07/8/2024 (1 tuần)	- Họp Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ KĐCL:

		+ Công bố kế hoạch đánh giá giữa chu kỳ KĐCL, giao nhiệm vụ cho các thành viên, nhóm chuyên trách, Ban thư ký. + Dự thảo đề cương báo cáo đánh giá giữa chu kỳ KĐCL. - Lập dự toán kinh phí hoạt động đánh giá giữa chu kỳ KĐCL. - Phổ biến chủ trương, kế hoạch triển khai đánh giá giữa chu kỳ KĐCL đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các thành viên của Hội đồng đánh giá, Ban thư ký, nhóm chuyên trách về đánh giá giữa chu kỳ KĐCL cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3.	Từ 08-20/8/2024 (2 tuần)	Hội đồng, nhóm chuyên trách đánh giá tiến hành lập đề cương báo cáo tiêu chí và thu thập thông tin, minh chứng của từng tiêu chí, cụ thể như sau: - Chuẩn bị đề cương báo cáo. - Tiến hành thu thập thông tin, minh chứng. - Mã hoá các minh chứng thu được. - Xử lý, phân tích thông tin, minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.
4.	Từ 21 – 02/9/2024 (2 tuần)	- Họp Hội đồng đánh giá: + Thảo luận các vấn đề phát sinh từ các thông tin minh chứng thu được. + Xác định nhu cầu thu thập thông tin minh chứng bổ sung. - Các nhóm chuyên trách đánh giá tiến hành: + Thu thập thông tin minh chứng bổ sung (nếu cần thiết). + Viết báo cáo cho từng tiêu chí. Trưởng các nhóm chuyên trách đánh giá ghép các báo cáo tiêu chí thành tiêu chuẩn. + Xây dựng cơ sở dữ liệu.
5.	Từ 03 – 15/9/2024 (2 tuần)	- Họp Hội đồng đánh giá góp ý cho báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí; - Các nhóm chuyên trách đánh giá chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí và gửi cho Ban thư ký.
6.	Từ 16 – 28/9/2024 (2 tuần)	- Ban thư ký tổng hợp, rà soát báo cáo theo tiêu chuẩn, tiêu chí. - Dự thảo báo cáo đánh giá giữa chu kỳ KĐCL. - Họp Ban thư ký để thảo luận, góp ý cho dự thảo báo cáo theo tiêu chuẩn, tiêu chí.
7.	Từ 29/9 – 11/10/2024 (2 tuần)	- Ban thư ký: + Tổng hợp, hiệu chỉnh báo cáo đánh giá giữa chu kỳ.

		+ Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nửa kỳ tiếp theo. - Hội đồng đánh giá KĐCL đề thông qua Dự thảo báo cáo đánh giá giữa kỳ KĐCL. - Ban thư ký hoàn thiện Dự thảo báo cáo đánh giá giữa chu kỳ KĐCL theo góp ý của Hội đồng.
8.	Từ 12 – 18/10/2024 (1 tuần)	- Phê duyệt Báo cáo đánh giá giữa chu kỳ KĐCL. - Nộp Báo cáo đánh giá giữa chu kỳ KĐCL: + Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHV. + Cục QLCL, Bộ GDĐT.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để c/d);
- Trường các đơn vị (để t/h);
- Hội đồng đánh giá (để t/h);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Thục